

LẶNG NGHIÊM ĐẠI BI THẬP CHÚ

Bản cập nhật tháng 7/2014

<http://kinhmatgiao.wordpress.com>

LĂNG NGHIÊM ĐẠI BI THẬP CHÚ

Theo Phật Giáo Bắc Truyền, phần lớn ở các chùa chiền, chư Tăng Ni thường trì niệm Khóa tụng buổi sáng là **Lăng Nghiêm Đại Bi Thập Chú**. Đến khi Phật Giáo được phát triển rộng rãi cho các Đồ Chúng Phật Giáo thì rất nhiều người đã thực hành Khóa tụng này

Mục đích chính của Khóa tụng này đã được Pháp Sư **Quán Nguyệt** giảng giải trong quyển **Nhị Khóa Hiệp Giải** (Hòa Thượng **Thích Khánh Anh** việt dịch) là:

Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú có công năng điều trị mầm mống **Ngũ Dục** nhằm mau chóng hiển bày Tính màu nhiệm Chân Như của **Như Lai Tạng** (Tathāgata-garbha)

Tiếp đến là **Đại Bi Thần Chú** có công năng rửa sạch bụi phiền não trong Tâm của Ta nhằm thấu tỏ được Tâm **Đại Bi đồng Thể**

Tiếp đến **Như Ý Bảo Luân Vương Thần Chú** mang công năng vận chuyển bánh xe Pháp Như Ý

Tiếp tụng **Tiêu Tai Cát Tường Thần Chú** để diệt tai ương, thành tựu sự an vui và làm cho bánh xe Pháp càng thêm vững chắc

Tiếp tụng **Công Đức Bảo Sơn Thần Chú** nhằm vun đắp điều tốt lành đã có nơi Tâm, trở thành núi báu Công Đức

Tiếp tụng **Phật Mẫu Chuẩn Đề Thần Chú** để phá tan Lý Chướng, trực kiến **Pháp Tính** (Dharmatā)

Tiếp tụng **Được Sư Quán Đỉnh Chân Ngôn** để phát triển Trí Tuệ Diên Mệnh, tạo thành ánh sáng Lưu Ly chiếu rọi vào đỉnh đầu nhằm dứt trừ muôn bệnh

Tiếp tụng **Quán Âm Linh Cảm Chân Ngôn** để tương ứng với Pháp Môn **Viên Thông** của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và thành tựu sự linh cảm

Tiếp tụng **Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn** để diệt sạch Nghiệp Căn (gốc rễ của Nghiệp) vô thủy, hiện rõ vành trăng Trí Tuệ

Tiếp tụng **Vãng Sinh Quyết Định Chân Ngôn** nhằm thực chứng cảnh giới Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà

Tiếp tụng **Thiện Nữ Thiên Chú** nhằm gom chứa Pháp Quán màu nhiệm trên, cộng thành diệu dụng của Pháp Tính, viên mãn mọi sở nguyện

Tiếp tụng bài **Bát Nhã Tâm Kinh** để dứt trừ sự chấp trước nơi Quán Cảnh, thực chứng **Tính Không** (Śūnyatā) của vạn Pháp

Tuy nhiên đối với 12 bài Mật Chú và một bài Hiền Kinh này thì rất nhiều người mong muốn tìm cầu nguyên ngữ Phạn Văn để phát huy Uy Lực của chư Phật, Hiền Thánh. Ngay bản thân tôi cũng có ước nguyện này.

Trải qua nhiều năm tìm cầu, nhờ chút duyên lành, tôi đã sưu tập được 12 bài Mật Chú viết theo văn tự Siddham. Trong giai đoạn này (1995_1998) dưới sự khuyến khích của Ni Sư **Thích Nữ Trí Hải**, tôi đã ghi lại phần sưu tập của mình và diễn dịch ý nghĩa của Phạn Chú ra Việt Văn nhằm củng cố hướng phóng Tâm của người trì tụng. Thật không may vì thiếu thốn tài liệu tham khảo nên các bài dịch chưa diễn đạt chính đúng, nhất là bài Chú **Thủ Lăng Nghiêm**

Sau này nhờ sự giúp đỡ nhiệt tình của Thầy **Thích Pháp Quang** với sự khuyến tấn chân thành của Thầy **Thích Quảng Trí** nên tôi tạm hoàn thành các bản phiên dịch và đăng tải các bài **Lăng Nghiêm Thập Chú** trên trang web www.tinhluat.org vào năm 2001. Vào đầu tháng năm 2006, Thầy **Pháp Quang** đã cho tôi đĩa CD (CBETA Điện Tử Phật Điển Đại Chính Tạng) trong có ghi nhận phần văn tự Siddham nên tôi chèn thêm vào các bản dịch và được phép in ấn trong quyển **Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng**

Nghiêm Thân Chú Pháp (cuối năm 2006) nhằm hỗ trợ cho người đọc tự học được chữ Siddham cũng như có thể tự mình xác định được sự sai đúng của các bản dịch.

Tuy vậy, các bản ghi chép ấy vẫn còn nhiều sự khiếm khuyết và sai sót, nên tôi soạn dịch lại tập ghi chép này nhằm giúp cho người đọc có thể tự mình tham cứu một cách thuận lợi hơn. Mọi sai sót của các bản ghi chép trước, tôi xin chân thành cúi đầu sám hối trước Tam Bảo và xin lỗi các vị đã đọc qua. Nguyên xin Tam Bảo và các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực giúp cho con và tất cả chúng sinh tránh được mọi sự sai lầm, mau chóng thực chứng được Chính Pháp Giải Thoát.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con xin kính dâng lên Hương Linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**), Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**), Giác Linh của sư cô **Thích Nữ Trí Hải** là những bậc Thầy đầu tiên giúp cho con soạn dịch tập sách này.

Con xin bày tỏ lòng tri ân đến các Thầy **Thích Quảng Trí, Thích Pháp Quang** là các bậc Thầy đã khuyến tấn, thúc đẩy con nghiên cứu Phật Pháp cho chính đúng

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đến các bậc Tiền Bối đã soạn dịch các Kinh Bản giúp cho tôi hoàn thành phần ghi chép này. Đồng thời tôi cũng cảm ơn em Mật Trí (**Tổng Phước Khải**) đã hỗ trợ phần tài liệu bổ sung cho tập ghi chép này.

Tôi xin chân thành cảm ơn nhóm Phật Tử của Đạo Tràng **Phổ Độ** đã thường xuyên hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong suốt thời gian soạn dịch Kinh bản.

Tôi cũng xin chân thành cảm tạ người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) là người đã chịu nhiều phần thiệt thòi và từ bỏ mọi thú vui chơi trong cuộc sống để hỗ trợ cho tôi bước đi trên con đường tìm hiểu Giáo Lý Giải Thoát của Đấng Phật Đà .

Cuối cùng nguyện xin các bậc ân nhân của tôi cùng với toàn thể chúng Hữu Tình trong ba nẻo sáu đường đều mau chóng vượt qua mọi chướng nạn và chứng đạt được Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà.

Mùa Hạ năm Giáp Ngọ (2014)

HUYỀN THANH (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

ĐẠI PHẬT ĐỈNH THỦ LĂNG NGHIÊM CHÚ

Hán dịch: Thiên Trúc sa Môn BÁT LẠT MẬT ĐẾ

Việt dịch: Bản phổ thông ghi trong Kinh Nhật Tụng được lưu hành tại Việt Nam

Phục hồi âm Phạn: HUYỀN THANH

I HỘI THỨ NHẤT:

1) **Nam mô tát đát tha tô già đá gia, a la ha đế tam miệu tam bồ đà tả**

NAMO STATHĀGATĀYA SUGATĀYA ARHATE

SAMYAKSAMBUDDHĀYA

2) **Tát đát tha phật đà câu đề sắt ni sam**

STATHĀGATA KOṬI UṢṆĪSĀM

3) **Nam mô tát bà bột đà bột địa tát đá bệ tộ**

NAMAH SARVA BUDDHĀ BODHI-SATVEBHYAḤ

4) **Nam mô tát đa nam tam miệu tam bồ đà câu tri nam**

NAMO SAPTĀNĀM SAMYAKSAMBUDDHA KOṬĪNĀM

5) **Sa xá la bà ca tăng già nẫm**

SAŚRĀVAKA SAMGHĀNĀM

6) **Nam mô lô kê a la hán đá nẫm**

NAMO LOKE ARHANTĀNĀM

7) **Nam mô tô lô đa ba na nẫm**

NAMO SROTĀPANNĀNĀM

8) **Nam mô sa yết li đà già di nẫm**

NAMO SUKṚTĀGĀMINĀM

9) **Nam mô lô kê tam miệu già đá nẫm**

NAMO LOKE SAMYAGGATĀNĀM

10) **Tam miệu già ba la để bà đa na nẫm**

SAMYAK-PRATIPANNĀNĀM

11) **Nam mô đề bà ly sắt noãn**

NAMO DEVA ṚṢĪNĀM

12) **Nam mô tát đà gia tỳ địa gia đà la ly sắt noãn**

NAMO SIDDHA-VIDYĀ-DHĀRA-ṚṢĪNĀM

13) **Xá ba nô yết la ha sa ha sa la ma tha nẫm**

ŚAPĀNU GRAHĀ SAHASRA MATHĀNĀM

14) **Nam mô bạt la ha ma ni**

NAMO BRAHMAṆE

15) **Nam mô nhân đà la gia**

NAMO INDRĀYA

16) **Nam mô bà già bà đế**

NAMO BHAGAVATE

17) **Lô đà la gia**

RUDRĀYA

18) **Ô Ma bát đế**

UMĀPATĪ

19) **Sa hê dạ gia**

SAHEYĀYA

20) **Nam mô bà già bà đế**

NAMO BHAGAVATE

- 21) **Na La dã noa gia**
NĀRĀYAṆĀYA
- 22) **Bà giá ma ha tam mộ đà la**
PAMCA-MAHĀ-MUDRA
- 23) **Nam mô tất yết lệ đa gia**
NAMASKṚTĀYA
- 24) **Nam mô bà già bà đế**
NAMO BHAGAVATE
- 25) **Ma ha ca la gia**
MAHĀ-KĀLĀYA
- 26) **Địa lệ bát lạt na già la**
TRIPURA-NAGARA
- 27) **Tỳ đà la ba noa ca la gia**
VIDARAPAṆA-KĀRĀYA
- 28) **A địa mục đế**
ADHIMUKTIKA
- 29) **Thi ma xá na nê bà tất nê**
ŚMA-ŚĀNA-VĀSINI
- 30) **Ma đất lệ già noa**
MĀTRGAṆA
- 31) **Nam mô tất yết lệ đa gia**
NAMASKṚTĀYA
- 32) **Nam mô bà già bà đế**
NAMO BHAGAVATE
- 33) **Đa tha già đa câu la gia**
TATHĀGATĀ-KULĀYA
- 34) **Nam mô bát đầu ma câu la gia**
NAMO PADMA-KULĀYA
- 35) **Nam mô bạt xà la câu la gia**
NAMO VAJRA-KULĀYA
- 36) **Nam mô ma ni câu la gia**
NAMO MAṆI-KULĀYA
- 37) **Nam mô già xà câu la gia**
NAMO GARJA-KULĀYA
- 38) **Nam mô bà già bà đế**
NAMO BHAGAVATE
- 39) **Đế lệ tra du la tây na**
DRDHA-ŚURASENA
- 40) **Ba la ha la noa la xà gia**
PRAHARAṆA-RĀJĀYA
- 41) **Đá tha già đa gia**
TATHĀGATĀYA
- 42) **Nam mô bà già bà đế**
NAMO BHAGAVATE
- 43) **Nam mô a di đa bà gia**
NAMO AMITĀBHĀYA (?dur câu NAMO)
- 44) **Đá tha già đa gia**
TATHĀGATĀYA
- 45) **A la ha đế**

ARHATE

46) **Tam miếu tam bồ đà gia**
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

47) **Nam mô bà già bà đế**
NAMO BHAGAVATE

48) **A sô bệ gia**
AKṢOBHYĀYA

49) **Đá tha già đa gia**
TATHĀGATĀYA

50) **A la ha đế**
ARHATE

51) **Tam miếu tam bồ đà gia**
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

52) **Nam mô bà già bà đế**
NAMO BHAGAVATE

53) **Bệ sa xà gia câu lô phệ trụ lị gia**
BHAṢAIJYA-GURU-VAIDURYA

54) **Bát la bà la xà gia**
PRABHA-RĀJĀYA

55) **Đá tha già đa gia**
TATHĀGATĀYA

56) **Nam mô bà già bà đế**
NAMO BHAGAVATE

57) **Tam bồ sư bí đa**
SAMPUSPĪTĀ

58) **Tát lân nại la lạt xà gia**
SĀLENDRA-RĀJĀYA

59) **Đá tha già đa gia**
TATHĀGATĀYA

60) **A la ha đế**
ARHATE

61) **Tam miếu tam bồ đà gia**
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

62) **Nam mô bà già bà đế**
NAMO BHAGAVATE

63) **Xá kê dã mẫu na duệ**
ŚĀKYA-MUNĀYE

64) **Đá tha già đa gia**
TATHĀGATĀYA

65) **A la ha đế**
ARHATE

66) **Tam miếu tam bồ đà gia**
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

67) **Nam mô bà già bà đế**
NAMO BHAGAVATE

68) **Lạt đát na kê đô la xà gia**
RATNA-KETU-RĀJĀYA

69) **Đá tha già đa gia**
TATHĀGATĀYA

- 70) **A la ha đế**
ARHATE
- 71) **Tam miếu tam bồ đà gia**
SAMYAKSAMBUDDHĀYA
- 72) **Đế biểu. Nam mô tất yết li đa**
EBHYO NAMAHSKṚTVĀ
- 73) **Ế đàm bà già bà đế**
IDĀM BHAGAVATE
- 74) **Tát đất tha già đô sắt ni sam**
STATHĀGATA-UṢNĪṢA
- 75) **Tát đất đa bát đất lam**
SITĀTAPATRAM
- 76) **Nam mô a bà la thị đām**
NAMAḤ APARĀJITAM
- 77) **Bát la đế dương kỳ la**
PRATYUṆḠIRA
- 78) **Tát la bà bộ đa yết la ha**
SARVA BHŪTA GRAHĀ
- 79) **Ni yết la ha, yết ca la ha ni**
NIGRAHĀ KARĪM
- 80) **Bạt la tử địa gia sát đà nễ**
PARAVIDYA CCHEDANA
- 81) **A ca la mật li trụ**
AKĀLA-MṚTYU
- 82) **Bát li đất la gia nãnh yết li**
PRAŚAMANA KARĪM
- 83) **Tát la bà bàn đà na mục xoa ni**
SARVA BANDHANA MUKṢANA
- 84) **Tát bà đột sắt tra**
SARVA DUṢṬA
- 85) **Đột tất pháp bát na nễ phạt la ni**
DUḤ-SVAPNA NIVĀRAṆĪM
- 86) **Giả đô la thất đế nam**
CATUR-AŚITĪNĀM
- 87) **Yết la ha sa ha tát la nhã xà**
GRAHĀ SAHASRĀNĀM
- 88) **Tỳ đa băng sa na yết li**
VIDHVAMŚANA KARĪM
- 89) **A sắt tra băng xá đế nam**
AṢṬA-VIṢṬATĪNĀM
- 90) **Na xoa sát đất la nhã xà**
NAKṢATRĀNĀM
- 91) **Ba la tát đà na yết li**
PRASĀDANA KARĪM
- 92) **A sắt tra nam**
AṢṬANĀM
- 93) **Ma ha yết la ha nhã xà**
MAHĀ-GRAHĀNĀM

- 94) **Tỳ đa băng tát na yết li**
VIDHVAMŚANA KARĪM
- 95) **Tát bà xá đô lô nễ bà la nhã xà**
SARVA ŚATRŪ NIVĀRAṆĪM
- 96) **Hô lam đột tát phạp nan giá na xá ni**
GURĀM DUḤ-SVAPNANĀMCA NĀŚANĪM
- 97) **Bí sa, xá tất đát la**
VIṢA, ŚASTRA
- 98) **A cát ni, ô đà ca, la nhã xà**
AGNI, UDAKA UTTRANĪM
- 99) **A bát la thị đa cụ la**
APARĀJITA AGURĀ
- 100) **Ma ha bát la chiến trì**
MAHĀ-BALĀ-CANḌĀNĀM
- 101) **Ma ha điệp đa**
MAHĀ-DĪPTĀM
- 102) **Ma ha đế xà**
MAHĀ-TEJĀM
- 103) **Ma ha thuế đa xà bà la**
MAHĀ-ŚVETA-JVALA
- 104) **Ma ha bặt la bạn đà la bà tất nễ**
MAHĀ-BALĀ-PĀṆḌARAVĀSINĪM
- 105) **A li gia đa la**
ĀRYA-TĀRĀ
- 106) **Tỳ li câu trì**
BHRĀKUṬĪM
- 107) **Thệ bà tỳ xà gia**
CIVA-VIJAYA
- 108) **Bạt xà la ma lễ đễ**
VAJRA-MĀLATI
- 109) **Tỳ Xá Lô đa**
VIŚRŪTĀM
- 110) **Bột đẵng vông ca**
PADMA-AGMAM
- 111) **Bạt xà la chế hạt na a giá**
VAJRA-JIHVAKAḤ
- 112) **Ma la chế bà bát la chất đa**
MĀLA-CIVA-APARĀJITĀḤ
- 113) **Bạt xà la đàn trì**
VAJRA-DANḌI
- 114) **Tỳ xá la giá**
VIŚALAKA
- 115) **Phiến đa xá bộ đề bà bổ thị đa**
ŚĀNTĀ-VAIDEHĀ-PŪJITĀḤ
- 116) **Tô ma lô ba**
SAUMI-RŪPA
- 117) **Ma ha thuế đa**
MAHĀ-ŚVETĀ
- 118) **A li gia đa la**

ĀRYA-TĀRĀ

119) **Ma ha ba la, a bát la**

MAHĀ-BALĀH APARA

120) **Bạt xà la thương yết la chế bà**

VAJRA-ŚAṆKARA CIVAḤ

121) **Bạt xà la câu ma lị**

VAJRA-KAUMĀRĪH

122) **Câu lam đà lị**

KULANDHARĪ

123) **Bạt xà la hạt tát đa giá**

VAJRA-HASTAKA

124) **Tỳ địa gia, càn giá na ma lị ca**

VIDYA-KAMPANA-MĀLIKAḤ

125) **Khuất tô mẫu bà yết la hàm na**

KUSUMBHA-RATNA-CIVA

126) **Bệ lô giá na câu lị gia**

VAIROCANA-CODA

127) **Dạ la thổ sắt ni sam**

ARTHA UṢṆĪṢA

128) **Tỳ chiết lam bà ma ni giá**

VIJṚMBHA-MĀNADA

129) **Bạt xà la, ca na ca, ba la bà**

VAJRA KANAKA-PRABHĀ

130) **Lô xà na bạt xà la đốn trĩ giá**

LOCANĀḤ VAJRA-TUṆḌĪKA

131) **Thuế đa giá ca ma la**

ŚVETAKA KAMALA (?KAMALĀKṢA)

132) **Sát xa thi ba la bà**

ŚAŚI-PRABHĀ

133) **Ê đế di đế**

ITYETE

134) **An đà la yết noa**

MUDRA-GAṆAH

135) **Sa bệ la sám**

SARVE RAKṢAM

136) **Quật phạm đô**

KURVATTU (?KURVATTU MAMAṢYA)

137) **Ấn thổ na mạ mạ tả**

INDHANA MAMAṢYA

Người tụng Chú đến câu này thì xưng là: “Đệ tử (Họ tên...) xin thọ trì”

II HỘI THỨ HAI :

138) **Ô hồng**

OM

139) **Lị sắt yết noa**

RṢĪ-GAṆA

140) **Bát lạt xá tất đa**

PRAŚASTA

141) **Tát đất tha già đô sắt ni sam**

TATHĀGATA-UṢṢĪṢĀM

142) **Hổ hồng**

HŪM

143) **Đô lô ung**

TRŪM

144) **Chiêm bà na**

JAMBHANA

145) **Hổ hồng**

HŪM

146) **Đô lô ung**

TRŪM

147) **Tát đam bà na**

STAMBHANA

148) **Hổ hồng**

HŪM

149) **Đô lô ung**

TRŪM

150) **Ba la sắt địa gia tam bát xoa noa yết la**

PARAVIDYĀ SAMBHAḶṢANA-KARA

151) **Hổ hồng**

HŪM

152) **Đô lô ung**

TRŪM

153) **Tát bà dược xoa hạt la sát sa**

SARVA YAKṢA RĀḶṢASA

154) **Yết la ha nhã xà**

GRAHĀṢĀM

155) **Tỳ đặng bằng tát na yết la**

VIDHAVĀṢANA-KARA

156) **Hổ hồng**

HŪM

157) **Đô lô ung**

TRŪM

158) **Giả đô la thi để nam**

CATUR-AṢĪTĪṢĀM

159) **Yết la ha sa ha tát la nam**

GRAHĀ SAHASRĀṢĀM

160) **Tỳ đặng bằng tát na yết la**

VIDHAVĀṢANA-KARA

161) **Hổ hồng**

HŪM

162) **Đô lô ung**

TRŪM

163) **La xoa**

RAḶṢA

164) **Bạc già phạm**

BHAGAVĀM

165) **Tát đát tha già đô sắt ni sam**

STATHĀGATA-UṢṢĪṢĀ

166) **Ba la điếm xà cát li**

PRATYUNḠIRE

167) **Ma ha sa ha tát la**

MAHĀ-SAHASRA

168) **Bội thọ sa ha tát la thất li sa**

BHŪJE SAHASRA-ŚIRṢAI

169) **Câu tri sa ha tát nê để lệ**

KOṬI-ŚATA-SAHASRĀ-NETRE

170) **A tộ đề thị bà li đa**

ABHEDYA-JVALI TANA

171) **Tra tra anh ca**

ṬAḌĀKA

172) **Ma ha bậi xà lô ðà ra**

MAHĀ-VAJRODĀRA

173) **Để li bô bà na**

TRBHUVANA

174) **Mạn trà la**

MANDALA

175) **Ồ hồng**

OM

176) **Sá tát để bậi bà ðo**

SVASTIRBHAVATU

177) **Ma ma**

MAMA

178) **Ấn thổ na mạ mạ tả**

INDHANA MAMAŚYA

Đến câu này, y theo trước xưng: “Đệ tử (Họ tên...) xin thọ trì”

III HỘI THỨ BA:

179) **La xà bà dạ**

RĀJA BHAYA

180) **Chủ la bậi dạ**

CORA BHAYA

181) **A kỳ ni bà dạ**

AGNI BHAYA

182) **Ồ ðà ca bà dạ**

UDAKA BHAYA

183) **Tỳ sa bà dạ**

VIṢA BHAYA

184) **Xả tát ða la bà dạ**

ŚASTRA BHAYA

185) **Bà la chước yết la bà dạ**

PARACAKRA BHAYA

186) **Đội sắi xoa bà dạ**

DURBHIKṢA BHAYA

187) **A xá nể bà dạ**

AŚANI BHAYA

188) **A ca la mật li trụ bà dạ**

AKĀLA-MṚTYU BHAYA

- 189) **Đà la ni bộ di kiếm ba già ba đà bà dạ**
DHARANĪ BHŪMI-KAMPA BHAYA
- 190) **Ô la ca bà đa bà dạ**
ULKOPĀTI BHAYA
- 191) **Lạt xà đàn trà bà dạ**
RĀJA-DANḌA BHAYA
- 192) **Na già bà dạ**
NĀGA BHAYA
- 193) **Tỳ điều đất bà dạ**
VIDYU BHAYA
- 194) **Tô ba la noa bà dạ**
SUPARṆI BHAYA
- 195) **Dược xoa yết la ha**
YAKṢA GRAHĀ
- 196) **La sát tư yết la ha**
RĀKṢASA GRAHĀ
- 197) **Tất lệ đa yết la ha**
PRETA GRAHĀ
- 198) **Tỳ xá già yết la ha**
PIŚĀCA GRAHĀ
- 199) **Bộ đa yết la ha**
BHŪTA GRAHĀ
- 200) **Cưu bàn trà yết la ha**
KUMBHANḌA GRAHĀ
- 201) **Bổ đản na yết la ha**
PŪTANA GRAHĀ
- 202) **Ca tra bổ đản na yết la ha**
KAṬA-PŪTANA GRAHĀ
- 203) **Tất kiên độ yết la ha**
SKANDA GRAHĀ
- 204) **A bá tất ma la yết la ha**
APASMĀRA GRAHĀ
- 205) **Ô đàn ma đà yết la ha**
UNMĀDA GRAHĀ
- 206) **Xa dạ yết la ha**
CCHĀYĀ GRAHĀ
- 207) **Hê lệ bà đế yết la ha**
REVATI GRAHĀ
- 208) **Xã đa ha lệ nam**
ŪRJA AHĀRIṆYĀ
- 209) **Yết bà ha lệ nam**
GARBHA AHĀRIṆYĀ
- 210) **Lô địa la ha lệ nam**
RUDHIRA AHĀRIṆYĀ
- 211) **Mang sa ha lệ nam**
MAṂSA AHĀRIṆYĀ
- 212) **Mê đà ha lệ nam**
MEDA AHĀRIṆYĀ
- 213) **Ma xà ha lệ nam**

MAJJA AHĀRIṄYĀ
 214) **Xà đa ha li nữ**
 JĀTA AHĀRIṄYĀ
 215) **Thị tử đa ha li nam**
 JĪVITA AHĀRIṄYĀ
 216) **Tỳ đa ha li nam**
 VAŚA AHĀRIṄYĀ
 217) **Bà đa ha li nam**
 VĀNTA AHĀRIṄYĀ
 218) **A du giá ha li nữ**
 AŚUCYA AHĀRIṄYĀ
 219) **Chát đa ha li nữ**
 CITTA AHĀRIṄYĀ
 220) **Đế sam tát bệ sam**
 TEṢĀM SARVEṢĀM
 221) **Tát bà yết la ha nam**
 SARVA-GRAHĀṄĀM
 222) **Tỳ đà gia xà sân đà dạ di**
 VIDYĀM CCHINDHA YĀMI
 223) **Kê la dạ di**
 KĪLA YĀMI
 224) **Ba li bạt la giả ca ngật li đảm**
 PARIBRĀJAKA KṚTĀM
 225) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
 VIDYĀM CCHINDHA YĀMI
 226) **Kê la dạ di**
 KĪLA YĀMI
 227) **Trà diễn ni ngật li đảm**
 DĀKIṆĪ KṚTĀM
 228) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
 VIDYĀM CCHINDHA YĀMI
 229) **Kê la dạ di**
 KĪLA YĀMI
 230) **Ma ha bát du bát đát dạ**
 MAHĀ-PAŚUPATIYA
 231) **Lô địa la ngật li đảm**
 RUDRA KṚTĀM
 232) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
 VIDYĀM CCHINDHA YĀMI
 233) **Kê la dạ di**
 KĪLA YĀMI
 234) **Na la dạ noa ngật li đảm**
 NĀRĀYAṆA KṚTĀM
 235) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
 VIDYĀM CCHINDHA YĀMI
 236) **Kê la dạ di**
 KĪLA YĀMI
 237) **Đát đỏa già lô trà tây ngật li đảm**
 TATVA GARUDA KṚTĀM

- 238) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
VIDYĀṂ CCHINDHA YĀMI
- 239) **Kê la dạ di**
KĪLA YĀMI
- 240) **Ma ha ca la ma đát lị già noa ngật lị đảm**
MAHĀ-KĀLA MĀTR-GAṆA KṚTĀṂ
- 241) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
VIDYĀṂ CCHINDHA YĀMI
- 242) **Kê la dạ di**
KĪLA YĀMI
- 243) **Ca ba lị ca ngật lị đảm**
KĀPALIKA KṚTĀṂ
- 244) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
VIDYĀṂ CCHINDHA YĀMI
- 245) **Kê la dạ di**
KĪLA YĀMI
- 246) **Xà gia yết la ma độ yết la**
JAYA-KARA MADHU-KARA
- 247) **Tát bà la tha sa đạt na ngật lị đảm**
SARVĀRTHA-SĀDHANA KṚTĀṂ
- 248) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
VIDYĀṂ CCHINDHA YĀMI
- 249) **Kê la dạ di**
KĪLA YĀMI
- 250) **Giả đót la bà kỳ nễ ngật lị đảm**
CATUR-BHAGINĪ KṚTĀṂ
- 251) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
VIDYĀṂ CCHINDHA YĀMI
- 252) **Kê la dạ di**
KĪLA YĀMI
- 253) **Tỳ lị dương ngật lị tri**
BHRMGIRITĪKA
- 254) **Nan đà kê sa la già noa bát đế**
NANDIKĒŚVARA GAṆA-PATI
- 255) **Sách hê dạ ngật lị đảm**
SAHEYA KṚTĀṂ
- 256) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
VIDYĀṂ CCHINDHA YĀMI
- 257) **Kê la dạ di**
KĪLA YĀMI
- 258) **Na yết na xá la bà noa ngật lị đảm**
NAGNA-ŚRAMAṆA KṚTĀṂ
- 259) **Tỳ dạ dạ xà sân đà dạ di**
VIDYĀṂ CCHINDHA YĀMI
- 260) **Kê la dạ di**
KĪLA YĀMI
- 261) **A la hán ngật lị đảm. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
ARHANTA KṚTĀṂ VIDYĀṂ CCHINDHA YĀMI
- 262) **Kê la dạ di**

KĪLA YĀMI

263) **Tỳ đa la già ngật lệ đảm**

VETĀLA-GAṆA KṚTĀM

264) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**

VIDYĀM CCHINDHA YĀMI

265) **Kê la dạ di. Bạt xà la ba nễ**

KĪLA YĀMI. VAJRAPĀṆI

266) **Cụ hê dạ cụ hê dạ**

GUHYA GUHYA (? dư chữ GUHYA)

267) **Ca địa bát đế ngật lệ đảm**

KA- ADHIPATI KṚTĀM (?chữ KA phải ở cuối câu trên là GUHYAKA)

268) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**

VIDYĀM CCHINDHA YĀMI

269) **Kê la dạ di**

KĪLA YĀMI

270) **La xoa vông**

RAKṢA MĀM

271) **Bà già phạm**

BHAGAVAM

272) **Ấn thổ na mạ mạ tả**

INDHANA MAMAṢYA

Đến đây, y theo trước xung: “Đệ tử (Họ tên...) xin thọ trì”

IV_HỘI THỨ TƯ:

273) **Bạc già phạm**

BHAGAVAM

274) **Tát đất đa bát đất la**

SITĀTAPATRA

275) **Nam mô Tốt đồ đế**

NAMOSTUTE

276) **A tát đa na la lật ca**

ASITA ANALA ARĀKAḤ

277) **Ba la bà tát phổ tra**

PRABHA SPHUṬA

278) **Tỳ ca tát đất đa bát đế lệ**

VIKACA SITĀTAPATREḤ

279) **Thập phạt la thập phạt la**

JVALA JVALA

280) **Đà la đà la**

DARA DARA

281) **Tần đà la tần đà la _ sân đà sân đà**

VIDARA VIDARA_ CCHINDA CCHINDA

282) **Hổ hồng**

HŪM

283) **Hổ hồng**

HŪM

284) **Phán tra**

PHAT

285) **Phán tra, phán tra, phán tra, phán tra, phán tra**

PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ
 286) **Sa ha**
 SVĀHĀ
 287) **Hê hê phán**
 HEHE PHAṬ
 288) **A mâu ca gia phán**
 AMOGHĀYA PHAṬ
 289) **A ba la đề ha đa phán**
 APRATIHAṬĀYA PHAṬ
 290) **Bà la ba la đà phán**
 VARA PRADĀYA PHAṬ
 291) **A tổ la Tỳ đà la ba ca phát**
 ASURA VIDARAPAKĀYA PHAṬ
 292) **Tát bà đề bệ tộ phán**
 SARVA DEVEBHYAḤ PHAṬ
 293) **Tát bà na già tộ phán**
 SARVA NĀGEBHYAḤ PHAṬ
 294) **Tát bà được xoa tộ phán**
 SARVA YAKṢEBHYAḤ PHAṬ
 295) **Tát bà càn đật bà tộ phán**
 SARVA GANDHARVEBHYAṬ PHAṬ
 296) **Tát bà bồ đàn na tộ phán**
 SARVA PŪTANEBHYAḤ PHAṬ
 297) **Ca tra bồ đàn na tộ phán**
 KAṬAPŪTANEBHYAḤ PHAṬ
 298) **Tát bà đột lang chỉ đế tộ phán**
 SARVA DURLAṂGHYEBHYAḤ PHAṬ
 299) **Tát bà đột sáp tỷ lê ngật sắt đế tộ phán**
 SARVA DUṢPREKṢITEBHYAḤ PHAṬ
 300) **Tát bà thập bà lê tộ phán**
 SARVA JVAREBHYAḤ PHAṬ
 301) **Tát bà a bá tát ma lê tộ phán**
 SARVA APASMĀREBHYAḤ PHAṬ
 302) **Tát bà xá la bà noa tộ phán**
 SARVA ŚRAMAṆEBHYAḤ PHAṬ
 303) **Tát bà địa đế kê tộ phán**
 SARVA TĪRTHIKEBHYAḤ PHAṬ
 304) **Tát bà đất ma đà kê tộ phán**
 SARVA UNMĀDEBHYAṬ PHAṬ
 305) **Tát bà tỳ đà gia la thệ giá lê tộ phán**
 SARVA-VIDYĀ-RĀJA-CĀRYEBHYAḤ PHAṬ
 306) **Xà dạ yết la, ma độ yết la**
 JAYA-KARA, MADHU-KARA
 307) **Tát bà la tha sa đà kê tộ phán**
 SARVĀRTHA-SĀDHANEBHYAḤ PHAṬ
 308) **Tỳ đà dạ giá lê tộ phán**
 VIDYĀ-CĀRYEBHYAḤ PHAṬ
 309) **Giả đô la phộc kỳ nễ tộ phán**
 CATUR-BHAGINĪBHYAḤ PHAṬ

- 310) **Bạt xà la câu ma li**
VAJRA-KAUMĀRĪ
- 311) **Tỳ đà dạ la thệ tộ phán**
VIDYĀ-RĀJEBHYAḤ PHAṬ
- 312) **Ma ha ba la đĩnh dương xoa kỳ li tộ phán**
MAHĀ-PRATYUṆḠIREBHYAḤ PHAṬ
- 313) **Bạt xà la thương yết la dạ**
VAJRA-ŚAṆKARĀYA
- 314) **Ba la trượng kỳ la xà gia phán**
PRATYUṆḠIRA-RĀJĀYA PHAṬ
- 315) **Ma ha ca la dạ**
MAHĀ-KĀLĀYA
- 316) **Ma ha mặt đất li ca noa**
MAHĀ- MĀṬṬ-GAṆA
- 317) **Nam mô sa yết li đa dạ phán**
NAMAḤSKRTĀYA PHAṬ
- 318) **Bí sắt noa tỳ duệ phán**
VIṢṆAVĪYE PHAṬ
- 319) **Bột la ha mâu ni duệ phán**
BRAHMĪNĪYE PHAṬ
- 320) **A kỳ ni duệ phán**
AGNIYE PHAṬ
- 321) **Ma ha yết li duệ phán**
MAHĀ-KĀLĪYE PHAṬ
- 322) **Yết la đàn trì duệ phán**
KĀLA-DANḌĪYE PHAṬ
- 323) **Miệt đất li duệ phán**
AINDRIYE PHAṬ
- 324) **Lạo đất li duệ phán**
RAUDRĪYE PHAṬ
- 325) **Giá văn trà duệ phán**
CAMUṆḌĪYE PHAṬ
- 326) **Yết la la đất li duệ phán**
KĀLA-RĀTRĪYE PHAṬ
- 327) **Ca bát li duệ phán**
KĀPALĪYE PHAṬ
- 328) **A địa mục chất đa thi ma xá na**
ADHIMUKTOKA ŚMAŚĀNA
- 329) **Bà tư nễ duệ phán**
VĀSINĪYE PHAṬ
- 330) **Diễn cát chất**
YEKE CI (?chữ CI phải ở đầu câu bên dưới, để thành chữ CITTĀ)
- 331) **Tát đỏa bà tả**
TTĀ- SATVAṢYA (?chữ TTA phải ở cuối câu trên, thành chữ CITTĀ)
- 332) **Ma ma**
MAMA
(ba câu 330, 331 và 332 phải ở đầu Hội Thứ Năm)
- Ấn thổ na mạ mạ tả**
INDHANA MAMAṢYA

Đến câu này, y theo trước xưng: “Đệ tử (Họ tên...) xin thọ trì”

V_HỘI THỨ NĂM:

333) **Đột sắt tra chất đa**

DUṢṬA-CITTĀ

334) **A mặt đất li chất đa**

AMAITRA-CITTĀ

335) **Ô xà ha ra**

ŪRJA AHĀRĀ

336) **Già bà ha la**

GARBHA AHĀRĀ

337) **Lô địa la ha la**

RUDHIRA AHĀRĀ

338) **Bà sa ha la**

VASĀ AHĀRĀ

339) **Ma xà ha la**

MAJJA AHĀRĀ

340) **Xà đa ha la**

JĀTA AHĀRĀ

341) **Thị tử đa ha la**

JĪVITA AHĀRĀ

342) **Bạt lược dạ ha la**

BALYA AHĀRĀ

343) **Kiền đà ha la**

GANDHA AHĀRĀ

344) **Bố sử ba ha la**

PUṢPA AHĀRĀ

345) **Phả la ha la**

PHALA AHĀRĀ

346) **Bà tả ha la**

SASYA AHĀRĀ

347) **Bát bà chất đa**

PĀPA-CITTĀ

348) **Đột sắt tra chất đa**

DUṢṬA-CITTĀ

349) **Lao đà la chất đa**

RAUDRA-CITTĀ

350) **Dược xoa yết la ha**

YAKṢA-GRAHĀ

351) **La sát sa yết la ha**

RĀKṢASA-GRAHĀ

352) **Bé lệ đa yết la ha**

PRETA-GRAHĀ

353) **Tỳ xá già yết la ha**

PIŚĀCA-GRAHĀ

354) **Bộ đa yết la ha**

BHŪTA-GRAHĀ

355) **Cru bàn trà yết la ha**

KUMBHĀṆḌA-GRAHĀ

- 356) **Tát kiên đà yết la ha**
SKANDA-GRAHĀ
- 357) **Ô đát ma đà yết la ha**
UNMĀDA-GRAHĀ
- 358) **Xa dạ yết la ha**
CCHĀYĀ-GRAHĀ
- 359) **A bá tát ma la yết la ha**
APASMĀRA-GRAHĀ
- 360) **Trạch khur cách trà kỳ ni yết la ha**
DĀKA-DĀKINĪ-GRAHĀ
- 361) **Lị phật đế yết la ha**
REVATI-GRAHĀ
- 362) **Xà di ca yết la ha**
JAṄGHĪKĀ-GRAHĀ
- 363) **Xá câu ni yết la ha**
ŚAKUNI-GRAHĀ
- 364) **Mụ đà la nan địa yết la ha**
NANDIKĀ-GRAHĀ
- 365) **A lam bà yết la ha**
LAMBIKA-GRAHĀ
- 366) **Kiên độ ma ni yết la ha**
KAṆṬAPĀṆĪ-GRAHĀ
- 367) **Thập phật la yên ca hê ca**
JVARA EKĀHIKĀ
- 368) **Trụy đế dục ca**
DVAITYAKĀ
- 369) **Đát Lệ Đế Dục Ca**
TRETĪYAKĀ
- 370) **Giả Đột Thác Ca**
CATURTHAKĀ
- 371) **Ni đề thập Phật la. Bí sam ma thập phật la**
NITYĀ-JVARA VIṢAMA JVARA
- 372) **Bạc Đế Ca**
VĀTIKĀ
- 373) **Ty Đế Ca**
PAITTIKĀ
- 374) **Thất Lệ Sát mật ca**
ŚLEṢMIKĀ
- 375) **Sa Nễ Bát Đế Ca**
SAMNIPATIKĀ
- 376) **Tát Bà Thập Phật La**
SARVA-JVARĀ
- 377) **Thất Lô cát đế**
ŚIRORTTI
- 378) **Mạt đà bộ đát lô chế kiếm**
ARDHĀVABHADAKA
- 379) **A ỷ lô kiếm**
AKṢI ROGAM
- 380) **Mục khur lô kiếm**

MUKHA ROGAM
 381) **Yết Li Đột Lô kiềm**
 HRDROGAM
 382) **Yết La Ha yết Lam**
 GRAHĀ ŚŪLAM
 383) **Yết Noa Du lam**
 𑀧𑀢𑀤𑀓
 KARNA ŚŪLAM
 384) **Đạn Đa Du Lam**
 DANTA ŚŪLAM
 385) **Hất li dạ du lam**
 HRDAYA ŚŪLAM
 386) **Mạt ma du lam**
 MARMAN ŚŪLAM
 387) **Bạt li thất bà du lam**
 PĀRŚVA ŚŪLAM
 388) **Bí Lật Sắt tra du lam**
 PRṢṬA ŚŪLAM
 389) **Ô đà la du lam**
 UDARA ŚŪLAM
 390) **Yết tri du lam**
 KAṬI ŚŪLAM
 391) **Bạt tất đế du lam**
 VASTI ŚŪLAM
 392) **Ô lô du lam**
 ŪRU ŚŪLAM
 393) **Thường già du lam**
 JAMGHA ŚŪLAM
 394) **Hạt tất đa du lam**
 HASTA ŚŪLAM
 395) **Bạt đà du lam**
 PĀDA ŚŪLAM
 396) **Sa phòng áng già bát la trượng già du lam**
 SARVAGĀPRATYUṄGIRA ŚŪLAM
 397) **Bộ đa bí đá trà**
 BHŪTA VETĀLA
 398) **Trà kỳ ni. Thập bà la**
 DĀKINĪ JVARA
 399) **Đà đột lô, ca kiến đôt lộ, cát tri, bà lộ đà tỳ**
 DATRŪ KAṆṬYU KIṬṬI BHAILOTĀVAI
 400) **Tất bà lô ha, lãng già**
 SARPALOHĀ LIṄGA
 401) **Du sa đất la, bà na yết la**
 ŚOṢATRĀ SAGARĀ
 402) **Tỳ sa dụ ca**
 VIṢAYOGA
 403) **A kỳ ni, ô đà ca**
 AGNI UDAKA

- 404) **Mạt la bệ la, kiến đá la**
MARA-VELA-KĀNTĀRA
- 405) **A ca la mật lệ trụ , đốt đất liêm bộ ca**
AKĀLA-MṚTYU TRAIMUKHA
- 406) **Địa lật lật tra**
TRAILĀṬAKA
- 407) **Bí lệ sắt chất ca**
VR̥ŚCIKA
- 408) **Tát bà, na câu la**
SARPA NAKULA
- 409) **Tứ già, tộ yết la, Lệ dược xoa, đất la xô**
SIMHA VYĀGHRA RIKṢA TARARIKṢA
- 410) **Mạt la, thị phê, đế sam tát bệ sam**
CAMARA JIVIKA TEṢĀM SARVEṢĀM
- 411) **Tất đất đa bát đất la**
SITĀTAPATRA
- 412) **Ma ha bạt xà lô sắt ni sam**
MAHĀ-VAJRA-UṢṆĪṢAM
- 413) **Ma ha bát lạc trượng kỳ lam**
MAHĀ-PRATYUṆGIRAM
- 414) **Dạ bà đột đà xá du xà na**
YĀBA DVĀDAŚA-YOJANA
- 415) **Biện đất lệ noa**
ABHYANTARĪṆA
- 416) **Tỳ đà bàn đàm ca lô di**
VIDYA BANDHAM KARA-UMI
- 417) **Đế thù bàn đàm ca lô di**
TEJA BANDHAM KARA-UMI
- 418) **Bát la tỳ đà bàn đàm ca lô di**
PRAVIDYA BANDHAM KARA-UMI
- 419) **Đất điệt tha**
TADYATHĀ:
- 420) **Án**
OM
- 421) **A na lệ**
ANALE
- 422) **Tỳ xá đề**
VIŚUDDHE
- 423) **Bệ la bạt xà la đà lệ**
VAIRA VAJRADHĀRI
- 424) **Bàn đà bàn đà nễ**
BANDHA BANDHANI
- 425) **Bạt xà la báng ni phán**
VAJRAPĀṆI PHAṬ
- 426) **Hổ hồng, đô lô ung, phán**
HŪM ṬRŪM PHAṬ
- 427) **Sá bà ha**
SVĀHĀ

Hết

ĐẠI PHẬT ĐỈNH THỦ LĂNG NGHIÊM CHÚ
(Bản Phổ Thông của Ngài Bát Lạt Mật Đê)

*) Phục hồi và dịch nghĩa Phạm Văn: HUYỀN THANH

I. HỘI THỨ NHẤT :

नमो सत्यगतेय सुगतये सुकृत सम्यक्सर्वज्ञेय सत्यगत कोटिउत्थये
NAMO STATHĀGATĀYA SUGATĀYA ARHATE
SAMYAKSAMBUDDHĀYA STATHĀGATA KOTI UṢŪṢĀM

Quy mệnh tất cả Như Lai Thiện Thệ Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác cùng với một ức (100 triệu) đỉnh kế tuyệt hảo của tất cả Như Lai

नमो सर्व बुद्धेयस्य बुद्धे
NAMAḤ SARVA BUDDHĀ BODHI-SATVEBHYAḤ

Quy mệnh tất cả Phật Bồ Tát Đẳng

नमो सप्तनेम सम्यक्सर्वज्ञेयैः सप्तैकैः सप्तैकैः
NAMO SAPTĀNĀM SAMYAKSAMBUDDHA KOTĪNĀM SAŚRĀVAKA
SAMGHĀNĀM

Quy mệnh bảy ức (700 Triệu) Chính Đẳng Chính Giác với chúng Diệu Thanh Văn Tăng

नमो लोके अरहन्तानाम्
NAMO LOKE ARHANTĀNĀM

Quy mệnh chúng A La Hán trong Thế Gian

नमो स्रोतपन्नानाम्
NAMO SROTĀPANNĀNĀM

Quy mệnh chúng Dự Lưu Quả

नमो सुकृतगमिने
NAMO SUKRTĀGĀMINĀM

Quy mệnh chúng Nhất Lai Quả

[नमो अनगमिने
NAMO ANĀGĀMINĀM
Quy mệnh Chúng Bất Hoàn Quả]

नमो लोके सम्यग्गतानाम् सम्यक्प्रतिपन्नानाम्
NAMO LOKE SAMYAGGATĀNĀM SAMYAK-PRATIPANNĀNĀM

Quy mệnh chúng đạt bốn Quả và Chúng đạt bốn Hương trong Thế Gian

नमो देवैः
NAMO DEVA RṢĪNĀM

Quy mệnh chúng Thiên Tiên

नमो सिद्धे विद्ये धारेः सप्तैकैः सप्तैकैः सप्तैकैः
NAMO SIDDHA-VIDYĀ-DHĀRA-RṢĪNĀM ŚAPĀNU GRAHĀ SAHASRA
MATHĀNĀM

Quy mệnh chúng Thành Tụ Trì Minh Tiên với chúng khéo hủy diệt hàng ngàn phiền não đáng ghét

नमो ब्रह्मणे
NAMO BRAHMAṆE

Quy mệnh chúng Phạm Thiên

नमो इन्द्राय
NAMO INDRĀYA

Quy mệnh chúng Đê Thích Thiên

नमो भगवते रुद्राय उमापतिमहादेवे

NAMO BHAGAVATE RUDRĀYA UMĀPATĪ SAHEYĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Tự Tại Thiên, Ô Ma Phi với hàng quyền thuộc

नमो भगवते नारायणाय पञ्चमहासुख महापुत्र नमस्तुते

NAMO BHAGAVATE NĀRĀYAṆĀYA PAṆCA-MAHĀ-MUDRA AKĀMA-PUTRA NAMASKRTĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Na La Diên Thiên, năm Đại Ấn là nơi kính lễ của Vô Ái Tử

नमो भगवते महाकालाय त्रिपुर नगरे त्रिसुपमकाले महासुखे त्रिसुखे त्रिसुखे नमस्तुते

NAMO BHAGAVATE MAHĀ-KĀLĀYA TRIPURA-NAGARA VIDARAPANA-KĀRĀYA ADHIMUKTIKA ŚMA-ŚĀNA-VĀSINI MĀTRGAṆA NAMASKRTĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Đại Hắc Thiên phá hoại ba cung thành vui thích ở gò mả là nơi kính lễ của chúng Quỷ Mẫu

नमो भगवते तथगतकुल्यै

NAMO BHAGAVATE TATHĀGATĀ-KULĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc

नमो पद्मकुल्यै

NAMO PADMA-KULĀYA

Quy mệnh Liên Hoa Bộ Tộc

नमो वज्रकुल्यै

NAMO VAJRA-KULĀYA

Quy mệnh Kim Cương Bộ Tộc

नमो मणिकुल्यै

NAMO MAṆI-KULĀYA

Quy mệnh Bảo Bộ Tộc

नमो गरजकुल्यै

NAMO GARJA-KULĀYA

Quy mệnh Khó Tàng Bộ Tộc

नमो भगवते द्रुहोत्सवे चक्राय तस्यै तथगतैकै नमस्तुते

NAMO BHAGAVATE DRUHA-ŚURASENA-PRAHARAṆA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDHĀYA Quy mệnh Thế Tôn Kiên Cố Dũng Mãnh Quân Kịch Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

नमो भगवते अमिताभ्यै तथगतैकै नमस्तुते

NAMO BHAGAVATE AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDHĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

नमो भगवते अक्षय्यै तथगतैकै नमस्तुते

NAMO BHAGAVATE AKṢOBYĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDHĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Bất Động Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

नमो भगवते अच्युते वैभवे चक्र तस्यै तथगतैकै नमस्तुते

NAMO BHAGAVATE BHAÏSAIJA-GURU-VAIDURYA-PRABHA-
RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng Chính
Đẳng Chính Giác

नमो भगवते संपुष्पितासैलद्राजया तथगतयारहाते सम्यक्संबुद्धया

NAMO BHAGAVATE SAMPUSPĪTĀ-SĀLENDRA-RĀJĀYA
TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương Như Lai Ứng Cúng Chính
Đẳng Chính Giác

नमो भगवते शक्यमुनये तथगतयारहाते सम्यक्संबुद्धया

NAMO BHAGAVATE ŚĀKYA-MUNĀYE TATHĀGATĀYA ARHATE
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính
Giác

नमो भगवते रत्नकेतुस्य तथगतयारहाते सम्यक्संबुद्धया

NAMO BHAGAVATE RATNA-KETU-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA
ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Bảo Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính
Giác

ॐ नमोऽस्तु

EBHYO NAMAḤSKRTVA

Kính lễ các Đẳng ấy xong rồi

ॐ इदं भगवते स्तथागताऽऽनिसासितातपत्रामनामो

IDĀM BHAGAVATE STATHĀGATA-UṢŪṢA-SITĀTAPATRAM NAMAḤ

Con xin kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái này

संपरिहृतं प्रत्युंगिरा

APARĀJITAM PRATYUNḠIRA

Ngài là Vô Năng Thắng Thập Năng Điều Phục Mẫu

सर्वं भूता ग्राहा निग्राहा करि

SARVA BHŪTA GRAHĀ NIGRAHĀ KARĪM

Ngài hay giáng phục tất cả loài Quỷ ác gây phiền não

परविद्या क्वेदना

PARAVIDYA CCHEDANA

Ngài hay cắt đứt Minh Chú khác

सर्वं मृत्यु प्रसमना करि

AKĀLA-MṚTYU PRAŚAMANA KARĪM

Ngài hay chặn đứng sự chết yểu không đúng thời

सर्वं बन्धन मुक्षना

SARVA BANDHANA MUKṢANA

Ngài hay giải thoát tất cả sự trói buộc

सर्वं दुष्ट दुःस्वप्न निवारनि

SARVA DUṢṬA DUḤ-SVAPNA NIVĀRANĪM

Ngài hay ngăn chặn tất cả giấc mộng xấu ác

चतुरासिनं ग्राहा साहरानाम विध्वंसना करि

CATUR-ĀSITĪNĀM GRAHĀ SAHASRĀNĀM VIDHVAMSANA KARĪM

Ngài hay tòi hoại tám mươi bốn ngàn phiền não

सर्वं विनिर्जितं नकुर्वन् प्रसदं करि

AṢṬA-VIMŚATĪNĀM NAKṢATRĀNĀM PRASĀDANA KARĪM

Ngài hay khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ

ਸ੍ਰੁਖੰ ਮਨੁ ਗ੍ਰਹੰ ਕੇ ਕੇ ਸ੍ਰੁਖੰ ਕੇ

AṢṬANĀM MAHĀ-GRAHĀNĀM VIDHVAMŚANA KARĪM

Ngài hay tòi hoại tám phiền não lớn

ਸ੍ਰੁਖੰ ਮਨੁ ਕੇ ਕੇ ਕੇ

SARVA ŚATRŪ NIVĀRANĪM

Ngài hay chặn đứng tất cả oan gia

ਗੁਰੰ ਦੁਃਸੁਖੰ ਵਯੰ ਮਨੁ

GURĀM DUḤ-SVAPNANĀMCA NĀŚANĪM

Ngài hay loại bỏ các giấc mộng xấu nặng nề

ਵਿਯੰ ਮਨੁ ਸ੍ਰਿਯੰ ਤ੍ਰਿਯੰ ਤ੍ਰਿਯੰ

VIṢA, ŚASTRA, AGNI, UDAKA UTTRANĪM

Ngài hay cứu thoát mọi tai nạn về : chất độc, dao gậy, lửa, nước...

ਸ੍ਰਿਯੰ ਮਨੁ ਸ੍ਰਿਯੰ

APARĀJITA AGURĀ

Vô Năng Thắng Khinh An Mẫu

ਮਨੁ ਵਲੁ ਵਯੰ

MAHĀ-BALĀ-CANḌĀNĀM

Đại Lực Sân Nộ Mẫu

ਮਨੁ ਵਯੰ

MAHĀ-DĪPTĀM

Đại Uy Quang Mẫu

ਮਨੁ ਵਯੰ

MAHĀ-TEJĀM

Đại Uy Diệu Mẫu

ਮਨੁ ਵਯੰ ਵਯੰ

MAHĀ-ŚVETA-JVALA

Đại Bạch Quang Diễm Mẫu

ਮਨੁ ਵਲੁ ਵਯੰ ਵਯੰ

MAHĀ-BALĀ-PĀNḌARAVĀSINĪM

Đại Lực Bạch Y Mẫu

ਸ੍ਰਿਯੰ ਮਨੁ

ĀRYA-TĀRĀ

Thánh Cứu Độ Mẫu

ਸ੍ਰਿਯੰ

BHRKUTĪM

Phần Nộ Mẫu

ਵਯੰ ਵਲੁ ਵਯੰ ਵਲੁ

CIVA-VIJAYA-VAJRA-MĀLATI VIŚRŪTĀM

Phổ Mãn Tội Thắng Kim Cương Man Mẫu

ਵਯੰ ਵਲੁ

PADMA-AGMAM

Liên Hoa Chiến Tướng Mẫu

ਵਯੰ ਵਲੁ

VAJRA-JIHVAKAḤ

Kim Cương Thiệt Mẫu

मल विवपरजः
 MĀLA-CIVA-APARĀJITĀH
 Anh Lạc Phổ Mãn Vô Năng Thắng Mẫu
 वज्र दण्डि विमलव
 VAJRA-DANḌI VIŚALAKA
 Kim Cương Bông Thiên Thần Lực Sĩ Mẫu
 म्नि न ई दन पूरुजः
 ŚĀNTĀ-VAIDEHĀ-PŪJITĀH
 Nhu Thiện Hảo Tướng Cúng Đường Mẫu
 म्नि म्नि म्नि म्नि
 SAUMI-RŪPA MAHĀ-ŚVETĀ
 Thiện Hảo Sắc Tướng Đại Bạch Mẫu
 म्नि म्नि म्नि वज्र
 ĀRYA-TĀRĀ MAHĀ-BALĀH
 Thánh Cứu Độ Đại Lực Mẫu
 म्नि म्नि वज्र म्नि म्नि विव
 APARA-VAJRA-ŚAṅKARA CIVAH
 Tối Thượng Kim Cương Tòa Phổ Mãn Mẫu
 वज्र कैमरे कुलवरी
 VAJRA-KAUMĀRĪH KULANDHARĪ
 Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Mẫu
 वज्र न म्नि
 VAJRA-HASTAKA
 Kim Cương Thủ Mẫu
 विव म्नि म्नि म्नि
 VIDYA-KAMPANA-MĀLIKAH
 Minh Chú Niệm Châu Mẫu
 कुमुद म्नि विव
 KUSUMBHA-RATNA-CIVA
 Uất Kim Hương Bảo Phổ Mãn Mẫu
 वीरव न वदथ कुमुद
 VAIROCANA-CODĀRTHA-UṢṆĪṢA
 Biến Chiếu Thắng Nghĩa Lợi Đỉnh Kế Mẫu
 विव म्नि म्नि वज्र
 VIJRM BHA-MĀNADA-VAJRA
 La Sát Thân Nữ Kim Cương Mẫu
 कनक प्रन विव
 KANAKA-PRABHĀ-LOCANĀH
 Kim Quang Nhãn Mẫu
 वज्र कुमिक
 VAJRA-TUNḌĪKA
 Kim Cương Chúc Mẫu
 म्नि म्नि
 ŚVETAKA
 Bạch Sắc Mẫu
 कमलक
 KAMALĀKṢA

Liên Hoa Nhân Mẫu

ॐ ॐ ॐ

ŚAŚI-PRABHĀ

Nguyệt Quang Mẫu

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ITYETE MUDRA-GAṆAH SARVE RAKṢAM_ KURVATTU MAMAṢYA

Hết thấy Ân Chúng như vậy hãy ủng hộ , thủ hộ cho chúng con

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

INDHANA MAMAṢYA

Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

II. HỘI THỨ HAI :

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM_ RṢĪ-GAṆA PRAŚASTA TATHĀGATA-UṢNĪSĀM_ HŪM TRŪM

Quy mệnh chúng tử HŪM , TỒ-RU-UM của Tiên Chúng Thiên Quý Như Lai Đỉnh Ké

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

JAMBHANA_ HŪM TRŪM

Với HŪM TRŪM thường nghiền nát mọi nghiệp tội

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

STAMBHANA_ HŪM TRŪM

Với HŪM TRŪM thường uy trấn hộ trì thân căn

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

PARAVIDYĀ SAMBHAṢṢANA-KARA_ HŪM TRŪM

Với HŪM TRŪM thường hoàn thiện các Minh Chú khác

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

SARVA YAKṢA RĀKṢASA GRAHĀNĀM VIDHAVAMSANA-KARA_ HŪM TRŪM

Với HŪM TRŪM thường tòi hoại tất cả loài Dạ Xoa, La sát gây phiền não

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

CATUR-AŚĪTĪNĀM GRAHĀ SAHASRĀNĀM VIDHAVAMSANA-KARA_ HŪM TRŪM

Với HŪM TRŪM thường tòi hoại tám mươi bốn ngàn phiền não

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

RAKṢA RAKṢA

Hãy ủng hộ, ủng hộ cho con với tất cả chúng sinh

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

BHAGAVAM

Đức Thế Tôn

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

STATHĀGATA-UṢNĪṢA

Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Ké Mẫu

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

PRATYUNḠIRE

Điều Phục Mẫu

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

MAHĀ-SAHASRA-BHŪJE

Đại Thiên Tý Mẫu

सहस्र शिख

SAHASRA-ŚIRŚAI

Thiên Đầu Mẫu

कोटी शत सहस्र नख

KOṬI-ŚATA-SAHASRĀ-NETRE

Úc Bách Thiên Nhân Mẫu

अभेद्या ज्वालि तनाटदका महावज्रोदरा

ABHEDYA-JVALI TANATADĀKA MAHĀ-VAJRODĀRA

Nội Diễm Cụ Chủng Tướng Đại Kim Cương Phúc Mẫu

त्रिभुवन मण्डल

TRIBHUVANA-MANḌALA

Tam Hữu Đàn Trường Mẫu

ॐ स्वस्त्यिर्वभवातु माम

OM SVASTIRBHAVATU MAMA

Hãy khiến cho chúng con đạt được sự phồn vinh thịnh vượng tốt lành

ॐ श्वन ममश्रु

INDHANA MAMAŚYA

Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

III. HỘI THỨ BA :

राजा भया

RĀJA BHAYA

Nạn vua chúa

कोरा भया

CORA BHAYA

Nạn giặc cướp

अग्नि भया

AGNI BHAYA

Nạn lửa thiêu đốt

उदाका भया

UDAKA BHAYA

Nạn nước cuốn trôi

विष भया

VIṢA BHAYA

Nạn thuốc độc

शस्त्र भया

ŚASTRA BHAYA

Nạn dao gậy

पराका भया

PARACAKRA BHAYA

Nạn quân binh

दुर्भिक्षा भया

DURBHIKṢA BHAYA

Nạn đói khát

असानी भया

AŚANI BHAYA

Nạn mưa đá
 𑀅𑀲𑀸𑀓 𑀲𑀸𑀓 𑀲𑀸𑀓
 AKĀLA-MṚTYU BHAYA
 Nạn chết không đúng thời
 𑀠𑀲𑀸𑀓 𑀲𑀸𑀓 𑀲𑀸𑀓
 DHARAṆĪ BHŪMI-KAMPA BHAYA
 Nạn động đất
 𑀠𑀲𑀸𑀓 𑀲𑀸𑀓
 ULKOPĀTI BHAYA
 Nạn trên đường đi nguy hiểm
 𑀲𑀸𑀓 𑀲𑀸𑀓
 RĀJA-DANḌA BHAYA
 Nạn bị hình phạt của vua chúa
 𑀲𑀸𑀓
 NĀGA BHAYA
 Nạn do loài Rồng gây hại
 𑀲𑀸𑀓
 VIDYU BHAYA
 Nạn sét đánh
 𑀲𑀸𑀓
 SUPARṆI BHAYA
 Nạn do loài Kim Xí Điểu gây ra
 𑀲𑀸𑀓
 YAKṢA GRAHĀ
 Hàng Dạ Xoa gây ra điều ma quái (Dạ Xoa Túy)
 𑀲𑀸𑀓
 RĀKṢASA GRAHĀ
 Điều ma quái của hàng La Sát (La Sát Túy)
 𑀲𑀸𑀓
 PRETA GRAHĀ
 Ngạ Quỷ Túy
 𑀲𑀸𑀓
 PIŚĀCA GRAHĀ
 Thực Huyết Nhục Quỷ Túy
 𑀲𑀸𑀓
 BHŪTA GRAHĀ
 Hóa Sinh Quỷ Túy
 𑀲𑀸𑀓
 KUMBHAṆḌA GRAHĀ
 Ung Hình Quỷ Túy
 𑀲𑀸𑀓
 PŪTANA GRAHĀ
 Xú Quỷ Túy
 𑀲𑀸𑀓
 KAṬA-PŪTANA GRAHĀ
 Kỳ Xú Quỷ Túy
 𑀲𑀸𑀓

SKANDA GRAHĀ

Điều ma quái của loài Quỷ vẹo môi (Thiên Thần Quỷ Túy)

ਸੁਖਸ਼ਰੁ ਗ੍ਰਹ

APASMĀRA GRAHĀ

Kiên Vong Quỷ Túy

ਓਸ਼ ਚ ਗ੍ਰਹ

UNMĀDA GRAHĀ

Điên Cuồng Quỷ Túy

ਭਯ ਗ੍ਰਹ

CCHĀYĀ GRAHĀ

Ảnh Quỷ Túy

ਰੁਯ ਗ੍ਰਹ

REVATI GRAHĀ

Não Nhi Quỷ Quý

ਓਸ਼ੁਭ (੨੭)

ŪRJA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn tinh khí

ਗ੍ਰਹੁਭ (੨੭)

GARBHA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn bào thai

ਭਯੁਭ (੨੭)

RUDHIRA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn máu huyết

ਸੁਖਸ਼ੁਭ (੨੭)

MAMSA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn thịt

ਸੁਖਸ਼ੁਭ (੨੭)

MEDA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn thảo mộc có chất như mỡ

ਸੁਖਸ਼ੁਭ (੨੭)

MAJJA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn xương tủy

ਭਯੁਭ (੨੭)

JĀTA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn sinh khí

ਭਯੁਭ (੨੭)

JĪVITA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn Thọ Mệnh

ਭਯੁਭ (੨੭)

VĀNTA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn hơi thở ra vào

ਭਯੁਭ (੨੭)

VAŚA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn thứ đồ dơ của sự sinh đẻ

ਸੁਖਸ਼ੁਭ (੨੭)

AŚUCYA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn thứ bất tịnh

विश्वरूपे

CITTA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn tâm thức

विश्वसर्वसर्वसर्वग्राहणं विद्यां चिन्धा

TEṢĀM SARVEṢĀM SARVA-GRAHĀNĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não thuộc tất cả loại như thế

परिव्रजकृतां विद्यां चिन्धा

PARIBRĀJAKA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bọn giặc Ngoại Đạo

दक्षिणकृतां विद्यां चिन्धा

DĀKṢIṆĪ KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Không Hành Mẫu

महापशुपति इन्द्रकृतां विद्यां चिन्धा

MAHĀ-PASUPATIYA, RUDRA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Thú Chủ Tự Tại Thiên

नारयणकृतां विद्यां चिन्धा

NĀRĀYAṆA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Na La Diên Thiên

तत्वा गरुडकृतां विद्यां चिन्धा

TATVA GARUDA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Cũng như vậy. Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của loài Kim Xí Điều

महाकालमत्तृगणकृतां विद्यां चिन्धा

MAHĀ-KĀLA MĀTR-GAṆA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Hắc Thiên với chúng Quỷ Mẫu

कपालिककृतां विद्यां चिन्धा

KĀPALIKA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Độc Lâu Ngoại Đạo

जयकर मधुकर सर्वार्थसाधना कृतां विद्यां चिन्धा

JAYA-KARA MADHU-KARA SARVĀRTHA-SĀDHANA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Tác Thắng, Tác Mật, Thành Tự Tất cả Nghĩa Lợi

चतुर्भगिणीकृतां विद्यां चिन्धा

CATUR-BHAGINĪ KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bốn chị em Thần Nữ

भ्रमगिरिका नन्दिश्वर गणपति साहेया कृतां विद्यां चिन्धा

BHRṆGIRIṬIKA NANDIKEŚVARA GAṆA-PATI SAHEYA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Đẩu Chiến Quỷ, Hỷ Tự Tại Thiên, Hoan Hỷ Thiên cùng với quyền thuộc của họ

नमश्चाम कृतां विद्यां चिन्धा

NAGNA-ŚRAMAṆA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của nhóm Ngoại Đạo Lỗ Thê

नृनृ नृ नृ (ॐ) कृदध किलदध

ARHANTA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của hàng Sát Tặc

अरन्तान् नृनृ (ॐ) कृदध किलदध

VETĀLA-GAṆA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của chúng Khởi Thi Quý

वृक्षमशुश्रूषणं (ॐ) नृनृ (ॐ) कृदध किलदध

VAJRAPĀṆI-GUHYAKA-ADHIPATI KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA
YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ.

वृक्षवृक्षं नृनृ

RAKṢA RAKṢA MĀM_ BHAGAVAM

Con xin Đức Thế Tôn hãy ủng hộ, ủng hộ cho con

ॐ नृ ममशु

INDHANA MAMAṢYA

Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

IV. HỘI THỨ TU' :

नृनृ (अनृनृपृ नृनृशुनृ

BHAGAVAM SITĀTAPATRA NAMOSTUTE

Quy mệnh kính lễ Bạch Tản Cái Thế Tôn

नृ(अनृनृपृ)ः पृनृ पृ (अनृनृपृ)ः कृदध कृदध नृनृ
(अनृनृ) (अनृनृ) कृदध कृदध कृदध कृदध कृदध कृदध कृदध कृदध

ASITA ANALA ARĀKAḤ PRABHA SPHUṬA VIKACA
SITĀTAPATREḤ_ JVALA_ JVALA_ DARA_ DARA_ VIDARA_ VIDARA_
CCHINDA CCHINDA_ HŪM_ HŪM_ _ PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ_
SVĀHĀ

Asita anala arākaḥ prabha sphuṭa vikaca sitātapatreḥ jvala jvala: Ngọn lửa linh thiêng màu trắng lóe ánh sáng thẳng tắp tròn đầy lóng lánh rực rỡ, là ánh lửa của Bạch Tản Cái phóng tỏa chiếu sáng

Dara dara: Giáng phục

Vidara vidara: Giáng phục khắp

Cchinda cchinda: Cắt đứt sự trói buộc bên trong và bên ngoài

Hūm hūm: Chủng tử chỉ sự khủng bố 2 chướng trong ngoài

Phaṭ phaṭ phaṭ phaṭ phaṭ phaṭ: Phá bại Tham Sân Si Mạn Nghi

Svāhā: Quyết định thành tựu

हृहृ हृहृ

HEHE PHAṬ

Hô Triệu phá bại

अमोघया हृहृ

AMOGHĀYA PHAṬ

Bất Không Thiên Sứ phá bại

अप्रतिहतया हृहृ

APRATIHAṬĀYA PHAṬ

Phá bại không chướng ngại

व [वरुण कुरु

VARA PRADĀYA PHAT

Nguyên ban cho phá bại

असुर विदारपकय कुरु

ASURA VIDARAPAKĀYA PHAT

Phá bại sự đốt cháy hủy hoại của A Tu La (Phi Thiên)

सर्व देवभ्यः कुरु

SARVA DEVEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả Thiên Chúng

सर्व नागभ्यः कुरु

SARVA NĀGEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Rồng

सर्व यक्षभ्यः कुरु

SARVA YAKṢEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Dạ Xoa

सर्व गन्धर्वभ्यः कुरु

SARVA GANDHARVEBHYAṬ PHAT

Phá bại tất cả chúng Càn Thát Bà (Hương Thực Thần)

सर्व पुनर्वभ्यः कुरु

SARVA PŪTANEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Xú Quỷ

कटपुनर्वभ्यः कुरु

KATAPŪTANEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Kỳ Xú Quỷ

सर्व दुरलम्घ्यभ्यः कुरु

SARVA DURLAMGHYEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Ngộ Tướng Quá (kẻ có lỗi do tướng sai lầm)

सर्व दुष्प्रेक्ष्यभ्यः कुरु

SARVA DUṢPREKṢITEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Ngộ Kiến Quá (kẻ có lỗi do nhìn thấy sai lầm)

सर्व ज्वरभ्यः कुरु

SARVA JVAREBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Nhiệt Bệnh Quỷ

सर्व अपस्मरभ्यः कुरु

SARVA APASMĀREBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Kiện Vong Quỷ

सर्व श्रमभ्यः कुरु

SARVA ŚRAMAṆEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Trì Chủ

सर्व तीर्थिकभ्यः कुरु

SARVA TĪRTHIKEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Ngoại Đạo

सर्व उन्मदेभ्यः कुरु

SARVA UNMĀDEBHYAṬ PHAT

Phá bại tất cả chúng Điên Cuồng Quỷ

सर्व विद्याराजकार्यभ्यः कुरु

SARVA-VIDYĀ-RĀJA-CĀRYEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Minh Vương Hạnh

𑀧𑀸𑀓𑀫𑀢 𑀢𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀢𑀺𑀩𑀺𑀭𑀺𑀮𑀺𑀧𑀢𑀢𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀫𑀺

JAYA-KARA, MADHU-KARA, SARVĀRTHA-SĀDHANEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại hàng: Tác Thắng, Tác Mật, Nhất Thiết Nghĩa Thành Trụ

𑀯𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀻𑀺𑀢𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀫𑀺

VIDYĀ-CĀRYEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại chúng Minh Hạnh

𑀻𑀺𑀧𑀢𑀢𑀺𑀩𑀺𑀢𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀫𑀺

CATUR-BHAGINĪBHYAḤ PHAṬ

Phá bại chúng của 4 chị em Thần Nữ

𑀻𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀫𑀺𑀭𑀺𑀢𑀺𑀩𑀺𑀢𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀫𑀺

VAJRA-KAUMĀRĪ VIDYĀ-RĀJEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại chúng Kim Cương Đồng Nữ Minh Vương

𑀻𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀻𑀺𑀧𑀢𑀢𑀺𑀩𑀺𑀢𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀫𑀺

MAHĀ-PRATYUṄGIREBHYAḤ PHAṬ

Phá bại chúng Đại Điều Phục

𑀻𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀫𑀺𑀭𑀺𑀢𑀺𑀩𑀺𑀢𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀻𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀫𑀺

VAJRA-ŚĀNĀKARĀYA PRATYUṄGIRA-RĀJĀYA PHAṬ

Phá bại hàng Kim Cương Tòa Điều Phục Vương

𑀻𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀫𑀺𑀭𑀺𑀢𑀺𑀩𑀺𑀢𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀻𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀫𑀺

MAHĀ-KĀLĀYA MĀTR-GAṆA NAMAḤSKRTĀYA PHAṬ

Phá bại hàng Đại Hắc Thiên, nơi kính lễ của chúng Am Mầu

𑀯𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀫𑀺

VIṢṆAVĪYE PHAṬ

Phá bại hàng Tỳ Nữu Mầu Thiên

𑀯𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀫𑀺

BRAHMĪNĪYE PHAṬ

Phá bại hàng Phạm Thiên Phi

𑀯𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀫𑀺

AGNIYE PHAṬ

Phá bại hàng Hỏa Thiên Phi

𑀻𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀫𑀺

MAHĀ-KĀLĪYE PHAṬ

Phá bại hàng Đại Hắc Thiên Phi

𑀫𑀺𑀭𑀺𑀢𑀺𑀩𑀺𑀢𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀫𑀺

KĀLA-DANḌĪYE PHAṬ

Phá bại hàng Quý Súc Hắc Áo Thần Nữ

𑀻𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀫𑀺

AINDRIYE PHAṬ

Phá bại hàng Đế Thích Thiên Nữ

𑀻𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀫𑀺

RAUDRĪYE PHAṬ

Phá bại hàng Phẫn Nộ Thần Nữ

𑀻𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀫𑀺

CAMUNḌĪYE PHAṬ

Phá bại hàng Nộ Thần Nữ

𑀫𑀺𑀭𑀺𑀢𑀺𑀩𑀺𑀢𑀺𑀧𑀢𑀢 𑀫𑀺

KĀLA-RĀTRĪYE PHAT
Phá bại hàng Hắc Dạ Thần Nữ

कपालीय कल
KĀPALĪYE PHAT

Phá bại hàng Độc Lâu Thần Nữ

अधिमक्तोक श्मशाना वसिनीय कल
ADHIMUKTOKA ŚMAŚĀNA-VĀSINĪYE PHAT

Phá bại hàng Âm Nữ vui thích ở gò mả và chôn hoang vắng

इन्द्र ममशु
INDHANA MAMAṢYA

INDHANA MAMAṢYA

Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

V. HỘI THỨ NĂM :

यक शक सशु मम
YEKE CITTĀ-SATVAṢYA MAMA

Phàm có chúng Hữu Tình khởi tâm đối với ta

दुष्ट शक
DUṢṬA-CITTĀ

Tâm độc ác

अमित्र शक
AMAITRA-CITTĀ

Tâm không hiền lành

उरजा अहार
ŪRJA AHĀRĀ

Loài ăn tinh khí

गर्भा अहार
GARBHA AHĀRĀ

Loài ăn bào thai

रुधिरा अहार
RUDHIRA AHĀRĀ

Loài ăn máu huyết

वशा अहार
VAŚA AHĀRĀ

Loài ăn thú do sinh đẻ

मज्जा अहार
MAJJA AHĀRĀ

Loài ăn Xương tủy

जाता अहार
JĀTA AHĀRĀ

Loài ăn sinh khí

जीविता अहार
JĪVITA AHĀRĀ

Loài ăn thọ mệnh

बाल्या अहार
BALYA AHĀRĀ

Loài ăn sức lực

शक शक
SHAK SHAK

GANDHA AHĀRĀ
 Loài ăn mùi thơm
 पुष्पहारः
 PUṢPA AHĀRĀ
 Loài ăn bông hoa
 फलहारः
 PHALA AHĀRĀ
 Loài ăn quả trái
 मशुकरः
 SASYA AHĀRĀ
 Loài ăn hạt giống
 पापचित्तः
 PĀPA-CITTĀ
 Tâm tội lỗi
 दुष्टचित्तः
 DUṢṬA-CITTĀ
 Tâm độc ác
 रौद्रचित्तः
 RAUDRA-CITTĀ
 Tâm giận dữ
 यक्षग्रहः
 YAKṢA-GRAHĀ
 Dạ Xoa Túy
 रक्षसग्रहः
 RĀKṢASA-GRAHĀ
 La Sát Túy
 प्रेतग्रहः
 PRETA-GRAHĀ
 Nga Quỷ Túy
 पिशाचग्रहः
 PISĀCA-GRAHĀ
 Xí Trung Quỷ Túy
 भूतग्रहः
 BHŪTA-GRAHĀ
 Hóa Sinh Quỷ Túy
 कुम्भण्डग्रहः
 KUMBHĀṆDA-GRAHĀ
 Ung Hình Quỷ Túy
 स्कन्दग्रहः
 SKANDA-GRAHĀ
 Thiên Thần Quỷ Túy
 उन्मदाग्रहः
 UNMĀDA-GRAHĀ
 Điên Cuồng Quỷ Túy
 च्छायग्रहः
 CCHĀYĀ-GRAHĀ
 Ảnh Quỷ Túy

ଅସମ୍ଭାରା ଗ୍ରହ
 APASMĀRA-GRAHĀ
 Kiện Vong Quỷ Túy
ଦାକା ଦାକିନୀ ଗ୍ରହ
 DĀKA-DĀKINĪ-GRAHĀ
 Không Hành Quỷ Túy
ରବତି ଗ୍ରହ
 REVATI-GRAHĀ
 Nảo Nhi Quỷ Túy
ଜାଂଘିକା ଗ୍ରହ
 JAṄGHĪKĀ-GRAHĀ
 Như Linh Dương Quỷ Túy
ସକୁନି ଗ୍ରହ
 ŚAKUNI-GRAHĀ
 Điều Hình Quỷ Túy
ନାନ୍ଦିକା ଗ୍ରହ
 NANDIKĀ-GRAHĀ
 Như Gia Cầm Hình Quỷ Túy
ଲମ୍ବିକା ଗ୍ରହ
 LAMBIKA-GRAHĀ
 Như Kê Hình Quỷ Túy
କାଞ୍ଚାପାନୀ ଗ୍ରହ
 KAṆṬAPĀNĪ-GRAHĀ
 Loài ma của hàng quỷ có bàn tay đầy gai
ଜ୍ଵରା
 JVARA
 Quỷ gây bệnh nóng sốt
ଏକାହିକା
 EKĀHIKĀ
 Một ngày phát bệnh một lần
ଦ୍ଵିତୀୟା
 DVAITYAKĀ
 Hai ngày phát bệnh một lần
ତ୍ରେତୀୟା
 TRETYAKĀ
 Ba ngày phát bệnh một lần
ଚତୁର୍ଥାକା
 CATURTHAKĀ
 Bốn ngày phát bệnh một lần
ନିତ୍ୟା ଜ୍ଵରା
 NITYĀ-JVARA
 Luôn luôn nóng sốt cao
ବିଷମା ଜ୍ଵରା
 VIṢAMA JVARA
 Bệnh nóng sốt gây nguy hiểm
ଘାତିକା
 VĀTIKĀ

Phong bệnh
 पित्त
 PAITTIKĀ
 Bệnh vàng da
 कृमि
 ŚLEŚMIKĀ
 Bệnh đàm rãi
 सन्निप
 SAMNIPATIKĀ
 Bệnh do mọi thứ hòa hợp
 सर्वज्वर
 SARVA-JVARĀ
 Tất cả bệnh nóng sốt
 शिरः
 ŚIRORTTI
 Bệnh đau nhức đầu (Đầu thống)
 अर्धशिरः
 ARDHĀVABHADAKA
 Bệnh đau nhức nửa đầu
 अक्षि
 AKṢI ROGAṀ
 Bệnh đau mắt
 मुख
 MUKHA ROGAṀ
 Bệnh đau miệng
 शिरः
 HRDROGAṀ
 Bệnh đau toàn thể con người
 ग्रह
 GRAHĀ ŚŪLAM
 Đau nhức do Ma Quỷ gây ra
 कर्ण
 KARNA ŚŪLAM
 Đau tai
 दन्त
 DANTA ŚŪLAM
 Bệnh đau răng
 हृदय
 HRDAYA ŚŪLAM
 Đau tim
 मर्म
 MARMAN ŚŪLAM
 Đau buốt xương
 पार्श्व
 PĀRŚVA ŚŪLAM
 Đau hông sườn
 पृष्ठ
 PṚṢṬHA ŚŪLAM

PRṢṬA ŚŪLAM

Đau lưng

𑀧𑀲𑀭𑀸𑀓

UDARA ŚŪLAM

Đau bụng

𑀭𑀸𑀓

KAṬI ŚŪLAM

Đau eo lưng, đau mông đít

𑀲𑀸𑀓

VASTI ŚŪLAM

Đau mắt cá chân

𑀧𑀲𑀸𑀓

ŪRU ŚŪLAM

Đau bắp đùi

𑀲𑀸𑀓

JAMGHA ŚŪLAM

Đau ống chân

𑀲𑀸𑀓

HASTA ŚŪLAM

Đau bàn tay

𑀲𑀸𑀓

PĀDA ŚŪLAM

Đau bàn chân

𑀲𑀸𑀓

SARVAGĀPRATYUNḂIRA ŚŪLAM

Đau buốt tất cả chi thể trên thân không thể chữa khỏi

𑀲𑀸𑀓

BHŪTA VETĀLA

Hóa Sinh Khởi Thi Quỷ

𑀲𑀸𑀓

DĀKINĪ

Không Hành Nữ

𑀲𑀸𑀓

JVARA

Nhọt do bị thiêu đốt

𑀲𑀸𑀓

DATRŪ

Nhọt do cùi hủi

𑀲𑀸𑀓

KANṬYU

Nhọt ghẻ mọc dày như gai

𑀲𑀸𑀓

KIṬṬI

Nhọt do dòi ăn , nhọt do ở bản

𑀲𑀸𑀓

BHAILOTĀVAI

Đinh Sang

सर्पलोह

SARPALOHĀ

Xâm Dâm Sang

लिङ्ग

LĪNGA

Xích Sang

शोषत्र

ŚOṢATRĀ

Nhọt do da khô nứt

सागर

SAGARĀ

Nhọt trĩ

विषय

VIṢAYOGA

Cổ Độc

अग्नि

AGNI

Lửa

उदक

UDAKA

Nước

मरुवेला कान्तारा

MARA-VELA-KĀNTĀRA

Vườn rừng gây sự chết chóc (Tử Viên Lâm)

अकाल मृत्यु

AKĀLA-MṚTYU

Chết yếu không đúng thời

त्रिमुख

TRAIMUKHA

Loài trùng có 3 cái miệng

त्रिलोक

TRAILĀṬAKA

Một loài mòng

वृषिक

VRŚCIKA

Bò cạp

सर्प

SARPA

Raén

नकुल

NAKULA

Một loài chồn ở Bengal là kẻ thù của chuột và rắn

सिंह

SIMHA

Sư tử

व्याघ्र

VYĀGHRA

Cọp

रिक्श

RIKṢA

Gấu ngựa

तरारिक्श

TARARIKṢA

Gấu heo

बमर

CAMARA

Loài bò Yak, loài trâu Yak ở Tây Tạng

जिविक

JIVIKA

Loài sống dưới nước

तस्य सर्वेषां (सिगतपत्र मन्वज्जुखं मन्वज्जुखं)

TEṢĀM SARVEṢĀM_ SITĀTAPATRA MAHĀ-VAJRA-UṢŪṢĀM MAHĀ-PRATYUṆGIRAM

Tất cả tai nạn bệnh tật như trên, dùng Bạch Tán Cái Đại Kim Cương Đại Điều Phục khiến cho chúng tự nhiên lui tan

यबा द्वदासा योजाना अभ्यन्तरिणा

YĀBA DVĀDAŚA-YOJANA ABHYANTARĪṆA

Trong vòng 12 Do Tuần tất cả tật nạn ấy không thể nào xâm phạm được.

विद्या बन्धमकारुमी

VIDYA BANDHAM KARA-UMI

Tôi kết buộc Minh Chú

तेजा बन्धमकारुमी

TEJA BANDHAM KARA-UMI

Tôi kết buộc nhóm ánh sáng

प्राविद्या बन्धमकारुमी

PRAVIDYA BANDHAM KARA-UMI

Tôi kết buộc Năng Thắng Minh

तद्यथा ओं आले विसुद्धे वािरा वाज्रधारी

बन्धा बन्धानि वाज्रपाणि फाट हूम त्रुम फाट स्वहा

_ TADYATHĀ: OM_ ANALE VIŚUDDHE_ VAIRA VAJRADHĀRI_ BANDHA BANDHANI_ VAJRAPĀṆI PHAṬ_ HŪM TRŪM PHAṬ_ SVĀHĀ

Tadyathā: Liền nói Chú là

Anale: Ngọn lửa linh thiêng, năng lực siêu phàm

Viśuddhe: Khiến cho thanh tịnh

Vaira: Sự chống lại, dũng cảm, có năng lực khác thường

Vajradhāri: Trì Kim Cương

Bandha: Cột trói , cột buộc

Bandhani: Cột trói

Vajrapāṇi: Kim Cương Thủ

Phaṭ: Phá bại

Hūm: Chủng tử biểu thị cho Tâm Bồ Đề

Ṭrūm: Chủng tử biểu thị cho nghĩa Tự Ngã phát sinh ra tất cả Pháp xa lìa bụi dơ kiêu mạn

Phaṭ: Phá bại

Svāhā: Quyết định thành tựu

Hiệu chỉnh lại chỗ sai sót xong vào ngày 10/02/2013

ĐẠI PHẬT ĐÌNH THỦ LĂNG NGHIÊM CHÚ
(Dựa theo Bài Chú Lăng Nghiêm phổ thông của Ngài Bát Lạt Mật Đê)

Việt dịch: HUYỀN THANH

I_ HỘI THỨ NHẤT:

Quy mệnh tất cả Như Lai Thiện Thệ Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác cùng với một ức (100 triệu) đình kế tuyệt hảo của tất cả Như Lai

Quy mệnh tất cả Phật Bồ Tát Đẳng

Quy mệnh bảy ức (700 Triệu) Chính Đẳng Chính Giác với chúng Diệu Thanh Văn Tăng

Quy mệnh chúng A La Hán trong Thế Gian

Quy mệnh chúng Dự Lưu Quả

Quy mệnh chúng Nhất Lai Quả

Quy mệnh chúng Bát Hoàn Quả

Quy mệnh chúng đạt bốn Quả và chúng đạt bốn Hương trong Thế Gian

Quy mệnh chúng Thiên Tiên

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh Tiên với chúng khéo hủy diệt hàng ngàn phiền não đáng ghét

Quy mệnh chúng Phạm Thiên

Quy mệnh chúng Đê Thích Thiên

Quy mệnh Thế Tôn Tự Tại Thiên, Ô Ma Phi với hàng quyến thuộc

Quy mệnh Thế Tôn Na La Diên Thiên, năm Đại Ấn là nơi kính lễ của Vô Ái Tử

Quy mệnh Thế Tôn Đại Hắc Thiên phá hoại ba cung thành vui thích ở gò mả là nơi kính lễ của chúng Quỷ Mẫu

Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc

Quy mệnh Liên Hoa Bộ Tộc

Quy mệnh Kim Cương Bộ Tộc

Quy mệnh Bảo Bộ Tộc

Quy mệnh Khó Tàng Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Kiên Cố Dũng Mãnh Quân Kích Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Bất Động Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Bảo Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Kính lễ các Đẳng ấy xong rồi

_ Con xin kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái này
 Ngài là Vô Năng Thắng Thập Năng Điều Phục Mẫu
 Ngài hay giáng phục tất cả loài Quỷ ác gây phiền não
 Ngài hay cắt đứt Minh Chú khác
 Ngài hay chặn đứng sự chết yểu không đúng thời
 Ngài hay giải thoát tất cả sự trói buộc
 Ngài hay ngăn chặn tất cả giấc mộng xấu ác
 Ngài hay tột hoại tám mươi bốn ngàn phiền não
 Ngài hay khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ
 Ngài hay tột hoại tám phiền não lớn
 Ngài hay chặn đứng tất cả oan gia
 Ngài hay cứu thoát mọi tai nạn về: chất độc, dao gậy, lửa, nước...
 _ Ngài hay khiến cho tất cả Ấn Chúng
 Vô Năng Thắng Khinh An Mẫu
 Đại Lực Sân Nộ Mẫu
 Đại Uy Quang Mẫu
 Đại Uy Diệu Mẫu
 Đại Bạch Quang Diễm Mẫu
 Đại Lực Bạch Y Mẫu
 Thánh Cứ Độ Mẫu
 Phần Nộ Mẫu
 Phổ Mãn Tội Thắng Kim Cương Man Mẫu
 Liên Hoa Chiến Tướng Mẫu
 Kim Cương Thiệt Mẫu
 An Lạc Phổ Mãn Vô Năng Thắng Mẫu
 Kim Cương Bông Thiên Thần Lực Sĩ Mẫu
 Nhu Thiện Hảo Tướng Cúng Đường Mẫu
 Thiện Hảo Sắc Tướng Đại Bạch Mẫu
 Thánh Cứ Độ Đại Lực Mẫu
 Tội Thượng Kim Cương Tỏa Phổ Mãn Mẫu
 Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Mẫu
 Minh Chú Niệm Châu Mẫu
 Uất Kim Hương Bảo Phổ Mãn Mẫu
 Biến Chiếu Thắng Nghĩa Lợi Đỉnh Kế Mẫu
 La Sát Thần Nữ Kim Cương Mẫu
 Kim Quang Nhân Mẫu
 Kim Cương Chúc Mẫu
 Bạch Sắc Mẫu
 Liên Hoa Nhân Mẫu
 Nguyệt Quang Mẫu
 Hết thấy Ấn Chúng như vậy hãy ủng hộ , thủ hộ cho chúng con
 _ Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

II _ HỘI THỨ HAI :

Quy mệnh chúng tử HÙM, TỜ-RU-UM của Tiên Chúng Thiện Quý Như Lai Đỉnh Kế

Với HÙM TRÙM thường nghiền nát mọi nghiệp tội
 Với HÙM TRÙM thường uy trấn hộ trì thân căn
 Với HÙM TRÙM thường hoàn thiện các Minh Chú khác

Với HÙM TRÙM thường tôi hoại tất cả loài Dạ Xoa, La sát gây phiền não
Với HÙM TRÙM thường tôi hoại tám mươi bốn ngàn phiền não
Hãy ủng hộ, ủng hộ cho con với tất cả chúng sinh
_ Hỡi Đức Thế Tôn! Ngài là Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Mẫu, Điều Phục Mẫu,
Đại Thiên Tý Mẫu, Thiên Đầu Mẫu, Úc Bách Thiên Nhân Mẫu, Nội Diễm Cụ Chúng
Tướng Đại Kim Cương Phúc Mẫu, Tam Hữu Đàn Trường Mẫu
Hãy khiến cho chúng con đạt được sự phồn vinh thịnh vượng tốt lành
_ Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

III _ HỘI THỨ BA:

Phàm có các tai nạn gây ra từ: vua chúa, giặc cướp, lửa, nước, chất độc, dao gậy,
quân binh, đói khát, sấm sét, chết yểu không đúng thời, động đất, sao băng, hình phạt
của phép vua, rồng độc, sét đánh, Kim Xí Điều...

Lại có các loài gây ra sự phiền não như: Dạ Xoa, La Sát, Quỷ đói, Quỷ ăn máu
thịt, Quỷ Hoá Sinh, Quỷ có hình ung nhọt, Quỷ hôi thối, Quỷ hôi thối lạ kỳ, Quỷ veo
môi, Quỷ Kiện Vong, Quỷ điên cuồng, Quỷ hợp bóng (Ảnh Quỷ), Quỷ hại trẻ con, loài
ăn tinh khí, loài ăn máu huyết, loài ăn thịt, loài ăn cây cỏ có chất như mỡ, loài ăn xương
tủy, loài ăn sinh khí, loài ăn thọ mệnh, loài ăn hơi thở ra vào, loài ăn thứ sinh đẻ, loài
ăn thứ bất tịnh, loài ăn tâm thức

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được tất cả loài như thế
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bọn giặc Ngoại Đạo
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Không Hành Mẫu
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Thú Chủ Tự Tại Thiên
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Na La Diên Thiên
Cũng như vậy. Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của loài Kim Xí Điều
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Hắc Thiên với chúng Quỷ
Mẫu

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Độc Lâu Ngoại Đạo
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Tác Thắng, Tác Mật, Thành
Tự Tất cả Nghĩa Lợi
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bốn chị em Thần Nữ
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Đẩu Chiến Quỷ, Hỷ Tự Tại
Thiên, Hoan Hỷ Thiên cùng với quyến thuộc của họ
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Ngoại Đạo Lỏa Thế
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Sát Tặc
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của chúng Khởi Thi Quỷ
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ.
Con xin Đức Thế Tôn hãy ủng hộ, ủng hộ cho con
_ Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

IV _ HỘI THỨ TƯ:

Cúi đầu con quy mệnh
Bạch Tản Cái Thế Tôn
Hào quang lửa tròn đầy
Màu trắng tinh rực rỡ
Ánh sáng Bạch Tản Cái
Phóng tỏa khắp muôn nơi
Giáng phục, giáng phục khắp

Cắt đứt mọi trói buộc
 Khủng bố trừ hai Chương
 Phá bại Tham, Sên, Si
 Cùng phá bại Mạn, Nghi
 Thành tựu sự cát tường
 _ Nay hô triệu phá bại
 Hàng Bất Không Thiên Sứ
 Phá bại không chương ngại
 Nguyên ban cho phá bại
 Phá bại sự phá hoại của A Tu La
 Phá bại tất cả Thiên Chúng
 Phá bại tất cả Chúng Rồng
 Phá bại tất cả chúng Dạ Xoa
 Phá bại tất cả chúng Hương Thực Thần
 Phá bại tất cả chúng Quỷ hôi thối
 Phá bại tất cả chúng Quỷ hôi thối lạ kỳ
 Phá bại tất cả chúng có lỗi do tưởng sai lầm (Ngộ Tường Quá)
 Phá bại tất cả chúng có lỗi do nhìn thấy sai lệch (Ngộ Kiến Quá)
 Phá bại tất cả chúng Quỷ gây bệnh nóng sốt
 Phá bại tất cả chúng Quỷ Kiện Vong
 Phá bại tất cả chúng Trì Chú
 Phá bại tất cả chúng Ngoại Đạo
 Phá bại tất cả chúng Quỷ Hóa Sinh (Chúng Bộ Đa)
 Phá bại tất cả chúng Minh Vương Hạnh
 Phá bại tất cả chúng Tác Thắng, Tác Mật, Thành Tựu tất cả Nghĩa Lợi
 Phá bại tất cả chúng Minh Hạnh (Trì Chú Bác Sĩ)
 Phá bại chúng của bốn chị em Thần Nữ
 Phá bại chúng Kim Cương Đồng Nữ Minh Vương
 Phá bại chúng Đại Điều Phục
 Phá bại hàng Kim Cương Tòa Điều Phục Vương
 Phá bại Đại Hắc Thiên nơi kính lễ của chúng Đại Quỷ Mẫu
 Phá bại hàng Tỳ Nữ Thiên Phi
 Phá bại hàng Phạm Thiên Phi
 Phá bại hàng Hỏa Thiên Phi
 Phá bại hàng Đại Hắc Thiên Phi
 Phá bại hàng Quỷ Súc Hắc Áo Thần Nữ
 Phá bại hàng Đế Thích Thiên Nữ
 Phá bại hàng Phần Nộ Thần Nữ
 Phá bại hàng Sân Nộ Thần Nữ
 Phá bại hàng Hắc Dạ Thần Nữ
 Phá bại hàng Độc Lô Thần Nữ
 Phá bại chúng Nữ Quỷ vui thích cư ngụ ở gò mả
 _ Nguyên hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

V _ HỘI THỨ NĂM:

Phàm có Hữu Tình đối với ta khởi tâm độc ác, tâm không hiền lành
 Lại có các loài gây nhiễu hại như: loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn máu
 huyết, loài ăn thức sinh đê, loài ăn xương tủy, loài ăn sinh khí, loài ăn thọ mệnh, loài ăn

sức lực, loài ăn mùi thơm, loài ăn bông hoa, loài ăn quả trái, loài ăn hạt giống, loài có tâm tội lỗi, loài có tâm độc ác, loài có tâm phần nộ.

Lại có nhóm ma của hàng Dạ Xoa, nhóm ma của hàng La Sát, nhóm ma của loài Quỷ đói, nhóm ma của Quỷ ở nhà xí, nhóm ma của Quỷ Hóa Sinh, nhóm ma của Quỷ có hình ung nhọt, nhóm ma của Quỷ vẹo môi, nhóm ma của Quỷ điên cuồng, nhóm ma của Ảnh Quỷ, nhóm ma của Quỷ Kiện Vong, nhóm ma của Không Hành Nam và Không Hành Nữ, nhóm ma của Quỷ hại trẻ con, nhóm ma của Quỷ có hình như con Linh Dương, nhóm ma của Quỷ có hình con chim, nhóm ma của Quỷ có hình Gia Cầm, nhóm ma của Quỷ có hình con gà, nhóm ma của Quỷ có bàn tay đầy gai.

Lại có Quỷ gây bệnh sốt rét: một ngày phát một lần, hai ngày phát một lần, ba ngày phát một lần, bốn ngày phát một lần, thường nóng sốt cao

Lại có các thứ bệnh như: nóng sốt cao, nhiễm gió (Phong bệnh), vàng da, đàm rãi, bệnh do mọi thứ hòa hợp, tất cả bệnh nhiệt, đau đầu, đau nhức nửa đầu, đau mắt, đau miệng, đau toàn thân, đau nhức do Ma Quỷ gây ra, đau tai, đau răng, đau tim, đau buốt đốt xương, đau hông sườn, đau lưng, đau bụng, đau eo lưng, đau xương mắt cá chân, đau bắp đùi, đau ống chân, đau bàn tay, đau bàn chân, đau buốt tất cả chi tiết...

Lại có loài Bộ Đa, Khởi Thi Quỷ, Không Hành Nữ với các loại ung nhọt như : nhọt do bị thiêu đốt, nhọt do bị cùi hủi, nhọt ghẻ dày như gai, nhọt dờn ăn (Tri Thủ Sang), Đinh Sang, Xâm Dâm Sang, Xích Sang, nhọt do da khô nứt, nhọt trĩ...

Lại có tai nạn phát sinh do Cổ Độc, lửa, nước, vườn rừng gây sự chết chóc, chết yểu không đúng thời, loài trùng Traimukha, loài mòng Trailātaka, Bò Cạp, rắn, chồn dữ, sư tử, cọp, gấu heo, gấu ngựa, loài trâu Yak, loài sông dưới nước...

Tất cả tai nạn bệnh tật như trên, dùng Bạch Tán Cái Đại Kim Cương Đại Điều Phục khiến cho chúng tự nhiên lui tan. Trong vòng 12 Do Tuần tất cả tật nạn ấy không thể nào xâm phạm được.

Nay Ta kết Minh Chú

Ta kết nhóm Ánh Sáng (Quang Tụ)

Kết buộc Năng Thắng Minh

Liền nói Thần Chú là:

Om, a na lê, vi xút đê, vai ra va-di ra đa ri , ban đa, ban đa ni, va-di ra pa ni, phạt, hùm, tờ-ru-um, phạt, sờ-va ha.

16/ 01/2002

CÔNG ĐỨC CỦA BÀI CHÚ LĂNG NGHIÊM

(Trích trong Kinh Lăng Nghiêm, quyển 7)

_ Chú Lăng Nghiêm hay bài Chú **Phật Đỉnh Quang Tụ Tất Đát Đa Bát Đát La** hàm chứa những vần thơ bí mật, những câu văn vi diệu. Là nguyên nhân sinh ra tất cả chư Phật trong mười phương

_ Mười phương Như Lai do Tâm Chú này mà được thành Vô Thượng Chính Biến Tri Giác (hay quả vị Toàn Giác)

_ Mười phương Như Lai trì Tâm Chú này mà hàng phục được các Tà Ma, Ngoại Đạo

_ Mười phương Như Lai dùng Tâm Chú này làm xe sen báu để đi ứng hóa nơi vô số Quốc Độ

_ Mười phương Như Lai dùng Tâm Chú này để chuyển bánh xe Đại Pháp trong vô số Quốc Độ

_ Mười phương Như Lai trì Tâm Chú này nên hay xoa đầu thọ ký cho các hàng Bồ Tát, Thanh Văn và những người chưa chứng Quả Vị ở khắp mười phương

_ Mười phương Như Lai y theo Tâm Chú này mà cứu vớt tất cả Chúng Sinh ở khắp mười phương thoát khỏi mọi sự khổ não của Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, đui, điếc, câm, ngọng, 8 điều khổ đồng thời giải thoát các ách nạn: Giặc cướp, binh đao, phép vua, tù ngục, bão lụt, lửa, nước, đói khát, nghèo nàn...

_ Mười phương Như Lai tùy theo Tâm Chú này mà đi khắp mười phương để phụng sự các bậc Thiện Tri Thức. Trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm ngồi đều được như ý cúng dường vô lượng vô số chư Phật. Ở trong Pháp Hội của Như Lai đều được suy tôn là Đại Pháp Vương Tử.

_ Mười phương Như Lai thực hành Tâm Chú này mà hay đi khắp mười phương để nhiếp thọ những người có nhân duyên và khiến cho hàng Tiểu Thừa nghe thấy Bí Tạng , chẳng sinh lòng khiếp sợ

_ Mười phương Như Lai tụng Tâm Chú này mà ngồi dưới gốc cây Bồ Đề thành tựu Đạo Vô Thượng Giác cho đến khi vào Đại Niết Bàn

_ Mười phương Như Lai truyền lại Tâm Chú này để sau khi diệt độ, phó chúc Pháp Phật cho người sau giữ gìn được đến nơi đến chốn cùng tột và đều giữ gìn trong sạch những Giới Luật nghiêm tịnh.

_ Nếu có ai ngộ nhập vào những chữ những câu trong Tâm Chú Lăng Nghiêm thì mới biết tất cả chúng Hữu Tình và Vô Tình cũng thường nói Chú này. Do đó Chú này còn gọi là **Như Lai Đỉnh**.

CÔNG NĂNG CỦA THẦN CHỦ THỦ LĂNG NGHIÊM

(Trích trong Kinh Lăng Nghiêm, quyển 7)

Như hàng Hữu Học chưa thoát khỏi Luân Hồi, có Tâm chí thành cầu tu chứng quả vị A La Hán. Nếu ở trong Đạo Trường, không trì bài Chú này thì thân tâm của Hành Giả khó có thể tránh thoát khỏi được sự quấy nhiễu của Tà Ma.

Nếu có chúng sinh tùy theo vật dụng có được trong nước mình cư ngụ như : Vỏ cây hoa, lá cây Bối, giấy trắng, nhung trắng... đem viết bài Chú này vào rồi đựng trong một cái túi thơm. Như người ấy ngu muội chẳng thể tụng nhớ được thì đeo ở trên thân mình hoặc để trong nhà thì trọn đời người ấy chẳng bị các thứ độc làm hại.

Bài Chú Lăng Nghiêm hay cứu chúng sinh thoát khỏi mọi sự sợ hãi và giúp cho chúng sinh tu thành Trí Tuệ xuất Thế Gian.

Trong thời Mật Pháp. Nếu có người trì tụng hoặc dạy người khác trì tụng Thần Chú Lăng Nghiêm thì kẻ ấy không bị các nạn: Lửa đốt, nước cuốn trôi, độc hại... cho đến tất cả Chú Ngũ độc ác của các hàng Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Yêu Tinh, Ma, My... đều chẳng thể hại được. Khi trì tụng bài Chú này mà Tâm được chính định rồi thì hết thảy mọi thứ bùa chú, nọc độc, thuốc độc, các hơi độc ở vàng, bạc, cỏ cây, rắn, rết, sâu bọ và các loài khác ... nếu lọt vào trong miệng người ấy cũng đều hóa thành vị Cam Lộ. Tất cả các vị Hung Tinh, Ác Quỷ, Ác Thần dù có Tâm ác hãm hại người cũng không dám khởi Tâm làm hại Người Trì Chú ấy. Các loài Tàn Na Dạ Ca và chúa Quỷ ác cùng với quyến thuộc đã thọ ân sâu của Phật Pháp thường đến ủng hộ những người trì tụng Chú ấy.

Bài Chú Lăng Nghiêm thường có tám vạn bốn ngàn vô số Chúng Tộc Bồ Tát Kim Cương Tạng Vương, mỗi mỗi vị đều có quyến thuộc ngày đêm hộ vệ. Nếu có chúng sinh, Tâm còn tán loạn chẳng thể vào Tam Ma Địa được mà kẻ ấy: Tâm trì, miệng tụng bài Chú Lăng Nghiêm thì các vị Kim Cương thường theo ủng hộ kẻ ấy hướng chỉ là người có Tâm quyết định vào Đạo Bồ Đề. Các vị Kim Cương này thường đem sức thần ủng hộ khiến cho người ấy tinh tiến thân tâm, phát khởi Thần Thức, ngay đó nhớ lại những việc từ tám vạn bốn ngàn hằng hà sa số kiếp cho đến nay, mỗi mỗi đều rõ ràng, chẳng có nghi hoặc. Kể từ lúc mới tu học là Kiếp thứ nhất cho đến khi thành Phật là Kiếp cuối cùng, dù phải trải qua bao nhiêu Kiếp nữa thì chẳng khi nào phải sinh làm Quỷ Dạ Xoa, Quỷ La Sát, Quỷ bệnh tật, Quỷ ung thối, Quỷ Yểm Mỵ, Quỷ hút tinh khí, cùng các loài Ngạ Quỷ có hình vô hình, có tướng vô tướng và những xứ ác độc.

Bậc Thiện Trì Thức ấy hoặc đọc tụng hoặc đeo giữ và cúng dường Tâm Chú này thì kiếp kiếp chẳng sinh vào những chốn nghèo nàn hèn hạ và những nơi chẳng an lành. Các chúng sinh này dù cho tự thân chẳng làm Phước Nghiệp thì mười phương Như Lai cũng ban công đức cho họ, do đó trong vô số kiếp thường sinh đồng một chỗ với chư Phật, liên kết chặt chẽ vô lượng vô số công đức để cùng tu tập tại một nơi với nhau. Cho nên Tâm Chú này khiến cho người đã Phá Giới lại được Giới Căn trong sạch, người chưa đắc Giới khiến cho đắc Giới, người chưa tinh tiến khiến cho tinh tiến, người không có Trí Tuệ khiến cho được Trí Tuệ, người chẳng thanh tịnh khiến cho mau chóng thanh tịnh, người chưa giữ được Trai Giới khiến cho giữ được Trai Giới.

Kẻ Thiện Nam Tử ấy. Giả sử trước kia có phạm Giới Cấm thì sau khi trì Chú, các tội Phá Giới chẳng kể nặng nhẹ đều được tiêu diệt. Dù cho đã uống rượu, ăn ngũ tân và các thứ Bất Tịnh thì tất cả chư Phật, Bồ Tát, Kim Cương, Thiên Tiên, Quỷ Thần cũng chẳng cho là có lỗi mà bắt tội nữa. Dù có mặc quần áo rách rưới bẩn thỉu, khi đi đứng trì niệm Thần Chú cũng vẫn được coi như người thanh tịnh. Dù chẳng lập Đàn, chẳng vào Đạo Trường cũng chẳng hành Đạo mà trì tụng Chú này thì cũng được công đức đầy đủ như là người lập Đạo Trường hành Đạo.

Nếu những kẻ trước kia đã tạo ra năm tội Nghịch và cái tội nặng đáng đọa vào Địa Ngục Vô Gián, hoặc các Tăng Ni đã phạm tội Tứ Khí, Bát Khí, tuy trong các đời trước chưa kịp sám hối. Nay biết đọc tụng, biên chép bài Chú này, đeo giữ trên mình hoặc để ở nơi cư ngụ thì những Nghiệp tích chứa từ trước đều tiêu tan hết, chẳng bao lâu sẽ được Vô Sinh Nhân.

Như người phụ nữ chưa có con. Nếu muốn cầu con mà hay chí Tâm tưởng niệm hoặc đeo Chú này thì sẽ sinh được những đứa con trai, con gái có phước đức Trí Tuệ. Kẻ nào cầu sống lâu được sống lâu, cầu Phước Báo được Phước Báo, cho đến cầu thân thể xinh đẹp khỏe mạnh sẽ đều được như thế. Sau khi chết, tùy Nguyên vãng sinh trong mười phương Quốc Độ, chắc chắn chẳng sinh vào nơi biên địa, giòng tộc hạ tiện và không phải mang những thân hình uế tạp.

Nếu có các Quốc Độ, châu huyện, làng xóm bị nạn đói kém, ôn dịch hoặc những nơi bị binh loạn, giặc cướp đánh nhau và tất cả những nơi có tai nạn khác... thì cứ viết bài Chú này dán ở bốn cửa thành, các Tháp Miếu hoặc viết lên ngọn cờ, cây phướn và khiến chúng sinh nơi ấy thừa phụng bài Chú này, cung kính lễ bái, nhất tâm cúng dường đồng thời khiến mỗi người dân đeo bài Chú trên mình hoặc để ở nơi cư ngụ thì tất cả tai nạn thầy đều tiêu diệt.

Nếu có chúng ở các Quốc Độ. Hễ chỗ nào có bài Chú này thì Trời Rộng vui mừng, mưa gió thuận hòa, ngũ cốc được mùa, dân chúng an vui. Những tai chướng do tất cả Ác Tinh biến quái ở mọi nơi đều chẳng thể sinh khởi, người chẳng chết yểu, gông cùm xiềng xích chẳng dính vào thân, ngày đêm ngủ yên thường chẳng gặp mộng ác.

Cõi Ta Bà này có tám vạn bốn ngàn tai biến do Ác Tinh, do 28 Ác Tinh làm Thượng Thủ. Lại có 8 Đại Ác Tinh làm chủ hay xuất hiện trên đời với nhiều hình dạng hay gây các tai họa kỳ lạ cho chúng sinh, hễ có bài Chú này thì hết thầy đều bị tiêu diệt. Trong phạm vi 12 Do Tuần, các tai biến hung dữ trọng chẳng thể xâm phạm

Đức Như Lai nói bài Chú này để bảo hộ cho người tu hành mới vào Đạo trong khi tu Thiên Định, thân tâm được thư thái an ổn không bị những Tà Ma, Quỷ Thần, Tiền Oan Nghiệp Chướng, nợ nần tích lũy từ đời vô thủy đến quấy phá hãm hại.

Nếu người tu hành y theo Pháp, Trì Giới trong Đạo Trường lại được vị Thầy Truyền Giới trong sạch. Đối với Tâm Chú này chẳng sinh nghi hoặc thì ngay tại thân máu thịt do cha mẹ sinh này sẽ được Tâm sáng suốt. Nếu chẳng được như vậy thì mười phương Như Lai đều nói lời hư vọng.

HỘI PHÁP CỦA THẦN CHÚ LĂNG NGHIÊM

(Trích trong Kinh Lăng Nghiêm, Quyển 7)

Bấy giờ trong Hội có vô số trăm ngàn vị Kim Cương đều chấp tay đảnh lễ Đức Phật và bạch rằng: “Nhu lời Phật dạy, chúng con xin thành tâm bảo hộ người tu Đạo Bồ Đề”

Khi ấy Phạm Vương, Đế Thích, Tứ Thiên Vương cũng cùng nhau đảnh lễ Đức Phật và bạch rằng: “Nếu có người Thiện Nhân tu học như thế thì chúng con xin hết lòng chí thành bảo hộ khiến cho suốt đời người ấy tu hành đều được như nguyện”

Lại có vô số vị Dược Xoa Đại Tướng, các chúa Quỷ La Sát, chúa Quỷ Phú Đan Na, chúa Quỷ Cru Bàn Trà, chúa Quỷ Tỳ Xá Già, Sứ Giả Tần Na Dạ Ca và các Quỷ Sứ đều chấp tay đảnh lễ Đức Phật và bạch rằng: “Chúng con thề nguyện hộ trì cho người tu hành ấy khiến cho mau chóng được viên mãn Tâm Bồ Đề”

Lại có vô số vị Thiên Tử ở Nhật Cung và Nguyệt Cung, các vị Thần Gió, Thần mưa, Thần sấm, Thần chớp, các vị Tuần Quan Đương Niên và những quyền thuộc của các vị sao cũng ở trong Hội ấy cùng nhau đảnh lễ dưới chân Đức Phật và bạch rằng:” Chúng con cũng xin bảo hộ người tu hành ấy lập được Đạo Trường yên ổn không phải sợ hãi gì”

Lại có vô số vị Thần núi, Thần biển, Thần Thổ Địa, Thần dưới nước, Thần trên cạn, Thần trên sông, các Thần làm chủ mọi vật khác, cả Thần gió và cõi Trời Vô Sắc cũng đảnh lễ dưới chân Đức Phật và bạch rằng: “Chúng con cũng xin bảo vệ người tu hành ấy được thành Đạo Bồ Đề, không bao giờ có những sự Tà Ma”

Khi ấy tám vạn bốn ngàn ức hằng hà sa số Bồ Tát Kim Cương Tạng Vương cùng ở trong Đại Hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ dưới chân Đức Phật và bạch rằng: “Bạch Thế Tôn! Như chúng con đã tu thành Bồ Đề từ lâu nhưng chẳng thủ chứng Niết Bàn, thường chỉ đi theo bài Chú này cứu giúp những người chân chính tu hành Pháp Đại Định trong thời Mạt Pháp.

Bạch Đức Thế Tôn! Những người tu Tâm cầu Pháp **Chính Định** như thế. Dù ở Đạo Trường hay lúc kinh hành cho đến khi đi dạo chơi thì con và Đồ Chúng của con thường theo hộ vệ người ấy. Dù cho Ma Vương ở cõi Trời Đại Tự Tại muốn tìm cách quấy nhiễu cũng chẳng thể được. Còn những Quỷ Thần nhỏ phải cách xa người ấy hơn 10 Do Tuần, ngoại trừ họ đã phát tâm tu Chính Pháp Thiền Định thì mới được gần người ấy.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu những Ác Ma hay quyền thuộc của Ma muốn đến xâm nhiễu người ấy thì chúng con dùng chày Kim Cương đập nát đầu chúng tan ra như bụi nhỏ để khiến cho người Thiện Nhân ấy tu hành được như nguyện”

ĐẠI BI THẦN CHÚ

Bài Chú này được ghi nhận trong các bản Kinh **Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni** do Ngài **Già Phạm Đạt Ma** (Bhagavad-dharma) phiên dịch, được ghi nhận trong Mật Tạng Bộ 3, số 1060 và bản Kinh **Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Bi Tâm Đà La Ni** do Ngài Đại Quảng Trí **Bất Không** (Amogha-vajra) phiên dịch, được ghi nhận trong Mật Tạng Bộ 3, số 1064.

Nội dung của hai bản Chú này giống hệt nhau, chỉ sai khác cách chia câu. Bản số 1060 ghi nhận 82 câu ghi nhận 84 câu (trong đó câu 81 Án, tắt điện đô mạn đá la bát mặc gia của bản số 1060 được ghi nhận thành 3 câu: câu 81 Án, tắt điện đô, câu 82 Mạn Đá La, câu 83 Bát Đà Gia trong bản số 1064) và Phật Giáo Bắc Truyền tại Việt Nam thường sử dụng bản 84 câu trong các Khóa Tụng.

ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

- 1) Nam mô hạt la đất na đá la dạ gia
- 2) Nam mô a lị gia
- 3) Bà lô yết đế thước bát la gia
- 4) Bồ đề tát đỏa bà gia
- 5) Ma ha tát đỏa bà gia
- 6) Ma ha ca lô ni ca gia
- 7) Án
- 8) Tát bà la phạt duệ
- 9) Số đất na đất tòa
- 10) Nam mô tất kiết lật đỏa y mông a lị gia
- 11) Bà lô cát đế thất phạt la lăng đà bà
- 12) Nam mô na la căn trì
- 13) Hê lị Ma ha bàn đá sa mế
- 14) Tát bà a tha đậu thâu bằng
- 15) A thệ dựng
- 16) Tát bà tát đá na ma bà già
- 17) Ma phạt đặc đậu
- 18) Đát điệt tha
- 19) Án, a bà lô hê
- 20) Lô ca đế
- 21) Ca la đế
- 22) Di hê lị
- 23) Ma ha bồ đề tát đỏa
- 24) Tát bà tát bà
- 25) Ma la ma la
- 26) Ma hê ma hê lị đà dựng
- 27) Câu lô câu lô yết mông
- 28) Độ lô độ lô, phạt xà gia đế
- 29) Ma ha phạt xà gia đế
- 30) Đà la đà la
- 31) Địa lị ni
- 32) Thất phạt la gia
- 33) Giá la giá la
- 34) Ma ma phạt ma la

- 35) Mục đế lệ
- 36) Y hê di hê
- 37) Thất na thất na
- 38) A la sâm phật la xá lợi
- 39) Phật xa phật sâm
- 40) Phật la xá gia
- 41) Hô lô hô lô ma la
- 42) Hô lô hô lô hê lệ
- 43) Sa la sa la
- 44) Tất lệ tất lệ
- 45) Tô rô tô rô
- 46) Bò đề dạ, bò đề dạ
- 47) Bò đà dạ, bò đà dạ
- 48) Di đế lệ dạ
- 49) Na la cần trì
- 50) Tha lệ sắt ni na
- 51) Bà dạ ma na
- 52) Sa bà ha
- 54) Sa bà ha
- 55) Ma ha tất đà dạ
- 56) Sa bà ha
- 57) Tất đà dụ nghệ
- 58) Thất bàn la dạ
- 59) Sa bà ha
- 60) Na la cần trì
- 61) Sa bà ha
- 62) Ma la na la
- 63) Sa bà ha
- 64) Tất la tăng a mục khư gia
- 65) Sa bà ha
- 66) Sa bà ma ha a tất đà dạ
- 67) Sa bà ha
- 68) Giả cát la a tất đà dạ
- 69) Sa bà ha
- 70) Ba đà ma yết tất đà dạ
- 71) Sa bà ha
- 72) Na la cần trì bàn già la gia
- 73) Sa bà ha
- 74) Ma bà lệ thắng yết la dạ
- 75) Sa bà ha
- 76) Nam mô hạt la đất na đá la dạ gia
- 77) Nam mô a lệ gia
- 78) Bà lô cát đế
- 79) Thước bàn la dạ
- 80) Sa bà ha
- 81) Ấn tất điện đô
- 82) Mạn đá la
- 83) Bạt đà gia
- 84) Sa bà ha

महाकारुणिकचित्तधारणी
MAHĀ-KĀRUNĪKA-CITTA-DHĀRANĪ
ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

नमो रत्नत्रयै

1) Nam mô hạt la dát na đá la dạ gia

NAMO (Quy y) RATNA (Bảo, Vật báu) TRAYĀYA (Tam đẳng, ba nhóm)

NAMO RATNA-TRAYĀYA: Quy y Tam Bảo

नमो ऋषे

2) Nam mô a lị gia

NAMAḤ (Quy mệnh, kính lễ) ĀRYA (Bậc thánh)

NAMAḤ ĀRYA: Quy mệnh Thánh

वैलोकितेश्वर्यै

3) Bà lô yết đế thước bát la gia

AVALOKITA (Quán sát, xem xét) ISVARĀYA (Đấng tự tại)

AVALOKITEŚVARĀYA: Quán Tự Tại

बोधिसत्त्वै

4) Bồ đề tát đỏa bà gia

BODHI (Giác tuệ, Phật Trí) SATVĀYA (Loài Hữu Tình)

BODHI-SATVĀYA : Bồ Tát (Bậc Giác Hữu Tình)

महासत्त्वै

5) Ma ha tát đỏa bà gia

MAHĀ (Đại, to lớn) SATVĀYA (Loài Hữu Tình)

MAHĀ-SATVĀYA: Đại Giác Hữu Tình

महाकारुणिक्यै

6) Ma ha ca lô ni ca gia

MAHĀ (Đại) KĀRUNĪKĀYA (Bậc có Tâm Bi)

MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA: Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA: Kính lễ Đấng có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát

ॐ

7) Ân

OM (Ba Thân, quy mệnh, cúng dường, cảnh giác, nhiếp phục)

OM: Quy mệnh

सर्वेभ्यः

8) Tát bà la phạt duệ

SARVA (Tất cả) RABHAYE (Cấp đẳng thường hay gánh vác đảm nhận công việc khó khăn)

SARVA RABHAYE: Tất cả Thánh Tôn hay đảm nhận các công việc khó khăn

सुद्धाश्रयै

9) Số dát na dát tỏa

SUDDHA (Thanh tịnh) NĀDA (Âm thanh, âm giọng) ŚYA (Đẳng nhóm)

SUDDHA-NĀDASYA: Đẳng nhóm có âm thanh thanh tịnh. Câu này có nghĩa là: Vui vẻ dạy lời triệu mời CHÍNH GIÁO THÁNH DIỆU

नमस्तुभ्यं ॐ नमः शिवाय

10) Nam mô tất kiết lật đỏa y mông a lị gia

NAMASKRṬVA (Quy y kính lễ) IMAM (của tôi) ĀRYA (Bậc Thánh)

वन्देतेनमस्तुभ्यं ॐ नमः

11) Bà lô cát đế thất phật la lãng đà bà

AVALOKITEŚVARA (Quán Tự Tại) LAMTABHA (Sự nâng nhắc, nơi cư ngụ)

NAMASKRṬVA IMAM ĀRYA-AVALOKITEŚVARA LAMTABHA: Kính lễ núi Bồ Đà Lạc Ca (Potalaka:Hương sơn) là nơi cư ngụ của Bản Tôn Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát của tôi

नमः शिवाय

12) Nam mô na la cần trì

NAMO (Quy Mệnh) NĪLAKAṆṬHA (Thanh Cảnh: Đấng có cái cổ màu xanh biểu thị cho Tâm Từ Bi Hiền ái của Bồ Tát Quán Tự Tại)

NAMO NĪLAKAṆṬHA: Quy mệnh Đức Thanh Cảnh Bồ Tát

हृ मन् प न म्

13) Hê lị Ma ha bàn đá sa mế

HR (Nội tâm) MAHĀ (Đại) PATA (Ánh sáng) ŚAMI (Hàm chứa ngọn lửa)

HR MAHĀ-PATAŚAMI:Tâm Từ Bi hiền ái phóng tỏa ánh Đại Quang minh

मन्म ॐ नमः

14) Tát bà a tha đậu thâu bằng

SARVĀTHA (Khắp mọi nơi) DU (Đốt cháy) ŚUPHAM (Chiếu sáng)

SARVĀTHA DU ŚUPHAM: Đốt cháy khắp mọi nơi khiến cho chiếu sáng. Câu này biểu thị cho Vô Vi nghiêm tịnh.

नमस्तुभ्यं

15) A thệ dượng

AJIYAM (Không thể sánh, không thể vượt thắng hơn được)

AJIYAM: Vô tỷ Pháp, Vô tỷ Giáo

मन्म ॐ नमः

16) Tát bà tát đá na ma bà già

SARVA (Tất cả) SATVA (Hữu tình, kẻ có Tâm dững mãnh) NĀMA (Danh xưng) BHAGA (Đức tính, đức hạnh, sự mong muốn hạnh phúc, hiệu lực, hiệu nghiệm)

SARVA SATVA NĀMA BHAGA: Tất cả Đức hạnh, danh xưng của bậc có Tâm dững mãnh. Câu này biểu thị cho Phật Pháp rộng lớn vô biên

मन्म ॐ नमः

17) Ma phạt đặc đậu

MĀ (Đừng làm như vậy, đừng bỏ rơi) BHĀTI (Chối lợi rục rờ) DU (Đốt cháy, Làm hư hỏng)

MĀ BHĀTI DU: Đừng làm hư hỏng sự chói lợi rục rờ. Câu này biểu thị cho Bản lãnh của Thế Gian mang thân cõi Trời (Thiên Thân Thế Hữu) khiến cho kẻ tu hành hết mê muội, giữ được Giới Thanh Tịnh

17 câu trên là phần: “QUY KÍNH TÔN ĐỨC MÔN”

नमस्तुभ्यं

18) Đát điệt tha

TADYATHĀ: như vậy, ấy là, liền nói Thần Chú là

ॐ नमस्तुभ्यं

19) Án, a bà lô hê

OM (Ba Thân, Quy mệnh, cảnh giác, cúng dường, nhiếp phục)

AVALOKI (Quán sát xem thấu khắp mọi nơi)

OM AVALOKI: Cảnh giác kêu gọi Đức Quán Thế Am

ॐ ॐ ॐ

20) Lô ca đế

LOKATE (Hiểu biết, chiếu sáng)

LOKATE: Biểu hiện cho Thế Quang Minh

ॐ ॐ ॐ

21) Ca la đế

KALATI (Tính đếm, trù hoạch, dự định, đặt đê)

KALATI: Biểu thị cho lòng Bi Mẫn cứu khổ cứu nạn để hưng vượng sự nghiệp

ॐ ॐ ॐ

22) Di hê li

I (Kêu gọi vang lừng) HELIH (Mặt Trời, sự chiếu sáng một cách vô tư)

I HELIH: Thuận dạy Vô Tâm phổ hóa chúng sinh

ॐ ॐ ॐ

23) Ma ha bồ đề tát đỏa

MAHĀ-BODHISATVA: Đại Bồ Tát

ॐ ॐ ॐ

24) Tát bà tát bà

SARVA (tất cả)

SARVA SARVA: Hết thảy Phật Pháp Bình Đẳng làm lợi lạc cho tất cả Chúng

Sinh

ॐ ॐ ॐ

25) Ma la ma la

MĀLA (Chuỗi Anh lạc, tràng hoa biểu thị cho sự gom chứa Pháp lành)

MĀLA MĀLA: Tặng trưởng Thiện Pháp Như Ý cho ta và người

ॐ ॐ ॐ

26) Ma hê ma hê li đà dộng

MASĪ (Nhìn về, trông vào, xem xét) HRDAYAM (Tâm Đẳng)

MASĪ MASĪ HRDAYAM: Quán sát Tâm mình và Tâm người để tu thành thân

Kim Cương Pháp được ngồi trên Toà Hoa Sen báu

9 câu trên là phần: “PHỔ CHÚNG ĐẠI BI TÂM MÔN”

ॐ ॐ ॐ

27) Câu lô câu lô yết môn

KURU (Tác làm) KARMAM (Nghiệp Đẳng)

KURU KURU KARMAM: Làm Pháp tác dụng Trang Nghiêm, thổi Loa Pháp kết Giới, gieo trồng các Công Đức

ॐ ॐ ॐ

28) Độ lô độ lô, phạt xà gia đế

TURU (Nhanh chóng vượt thoát) BHASI (Ngôn ngữ, giáo pháp) YATI (Điều khiển hướng dẫn)

TURU TURU BHASI YATI: Hướng dẫn giáo pháp nghiêm tịnh rộng khắp khiến cho ta và chúng sinh nhanh chóng vượt thoát sự khổ não của sinh tử

2 câu trên là phần: “TỊNH HÓA LỤC ĐẠO MÔN”

महा भूष यति

29) Ma ha phật xà gia đế

MAHĀ-BHAṢI YATI: Hướng dẫn Đạo Pháp tối thượng rộng lớn hay giải thoát sinh tử khổ não chẳng bị các thứ độc làm hại

𑖀𑖩𑖩

30) Đà la đà la

DHĀRA (Nhiếp trì, gia trì)

DHĀRA DHĀRA: Gia trì, gia trì

𑖀𑖩𑖩

31) Địa li ni

DHIRINĪ: Người Trì Chú (chẳng luận Nam Nữ)

𑖀𑖩𑖩

32) Thất phật la gia

IŚVARĀYA (Tự Tại Đẳng)

IŚVARĀYA: Tự tại phóng ra Đại Quang Minh

4 câu trên là phần: “THIỆN MINH QUÁN ĐỈNH MÔN”

𑖀𑖩𑖩

33) Giá la giá la

CALA (Lay động, tác động, hành động)

CALA CALA: Hiện tướng Đại Phần Nộ rống tiếng sấm Pháp phá hủy sự trì độn chậm chạp của chúng sinh

𑖀𑖩𑖩

34) Ma ma phật ma la

MAMA (Chỗ thọ trì của tôi) VIMALA (Xa lia cấu nhiễm)

MAMA VIMALA: Chỗ thọ trì của tôi là nơi ly cấu tối thắng, là cảnh thâm diệu khó lường

𑖀𑖩𑖩

35) Mục đế lệ

MUKTE: Giải thoát

𑖀𑖩𑖩

36) Y hê di hê

EHYEHI (Khéo đến, khéo dạy dỗ)

EHYEHI: Thuận dạy, Tâm thuận theo các điều tự nhiên

𑖀𑖩𑖩

37) Thất na thất na

ŚINA (Quân nhân, chiến sĩ. Người có Tâm Kiên Định)

ŚINA ŚINA: Tâm Đại kiên định sinh Đại Trí Tuệ

𑖀𑖩𑖩

38) A la sâm phật la xá lợi

ARASIṀ (Sự trống rỗng về cảm giác và mùi vị) BHALA (Trông thấy, chứng kiến) ŚARI (Loài thú hoang, mãnh thú, trực giác nhạy bén)

ARASIṀ BHALA ŚARI: Tu hành Pháp Thân thanh tịnh vượt ra khỏi các pháp chướng ngại (chứng ngộ sự trống rỗng của các Pháp) mà làm Bạc Pháp Vương ở Pháp Tự Tại

𑖀𑖩𑖩

39) Phật xa phật sâm

BHAṢĀ (Ngôn ngữ, giáo pháp) BHAṢIM (Người thành thạo ngôn ngữ , người có Đạo Hạnh)

BHAṢĀ BHAṢIM: Kẻ Đạo Hạnh thành Đạo Chân Lạc

𑖀𑖩 𑖀𑖩

40) Phật la xá gia

BHARA (Ứng hộ, tán trợ) ŚAYA (Ngọa, nằm. Dùng Pháp Y đắp thân nằm, chính niệm chính giác mà chẳng mất uy nghi)

BHARA ŚAYA: Tự tỉnh ngộ Bản Lai Diện Mục (Khuôn mặt xưa nay. Đây là thuật ngữ của Thiền Tông nhằm chỉ bậc đã kiến Tính)

𑖀𑖩 𑖀𑖩 𑖀

41) Hô lô hô lô ma la

HULU (Nhanh chóng) PRA (Sự thắng thượng như ý)

HULU HULU PRA: nhanh chóng làm pháp Như Ý Thắng thượng

𑖀𑖩 𑖀𑖩 𑖀𑖩

42) Hô lô hô lô hê li

HULU (nhanh chóng) ŚRĪ (Cát tường)

HULU HULU ŚRĪ: Nhanh chóng làm pháp Cát Tường tự tại

𑖀𑖩 𑖀𑖩

43) Sa la sa la

SARA (Kiên cố, bền chắc)

SARA SARA: Sức kiên cố, thật bền chắc

𑖀𑖩 𑖀𑖩

44) Tát li tát li

SIRI (Dũng mãnh thù thắng)

SIRI SIRI: Dũng mãnh thù thắng cát tường

𑖀𑖩 𑖀𑖩

45) Tô rô tô rô

SURU (Ban rải nước Cam Lộ)

SURU SURU: Ban nước Cam Lộ tế độ khắp cả chúng sinh

𑖀𑖩 𑖀𑖩

46) Bô đề dạ, bô đề dạ

BUDHIYA (Giác ngộ, tỉnh ngộ)

BUDDHIYA BUDDHIYA: Khiến cho khắp cả chúng sinh Giác ngộ tỉnh ngộ

𑖀𑖩 𑖀𑖩

47) Bô đà dạ, bô đà dạ

BUDDHĀYA (Tuệ giác, Trí giác)

BUDDHĀYA BUDDHĀYA: Khiến cho khắp cả chúng sinh đạt được Tuệ Giác

Trí Giác

15 câu trên là phần: “THẦN LỰC GIA TRÌ MÔN”

𑖀𑖩 𑖀𑖩

48) Di đế li dạ

MAITRIYA: Tâm Từ , ban vui cho người khác

𑖀𑖩 𑖀𑖩

49) Na la cần trì

NĪLAKANṬHA (Thanh cảnh, cái cỏ màu xanh)

NĪLAKANṬHA: Đấng Thanh Cảnh Bồ Tát là Đấng Hiền Thủ hay thương yêu kẻ
hiền bảo vệ người lành

𑖀𑖩𑖫𑖮

50) Tha li sắt ni na

TRI (Ba) ŚARAṆA (sự cúng bèn)

TRISĀRAṆA: cương quyết tu Đạo của Ba Thừa (Thanh Văn Giác, Độc Giác,
Toàn Giác)

𑖀𑖩𑖫𑖮

51) Bà dạ ma na

ABHAYA (Bậc vô úy) MAṆA (Tâm ý)

ABHAYA MAṆA: Tâm Ý của Đấng Vô Úy

𑖀𑖩𑖫𑖮

52) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖀𑖩𑖫𑖮

53) Tát đà dạ

SIDDHIYA (Thành tựu đấng)

SIDDHIYA: Pháp cởi bỏ danh lợi, nhận thức rõ các điều chân giả

𑖀𑖩𑖫𑖮

54) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖀𑖩𑖫𑖮

55) Ma ha tát đà dạ

MAHĀ-SIDDHIYA (Đại thành tựu đấng)

MAHĀ-SIDDHIYA: Tất cả sự lợi ích rộng lớn trong Phật Pháp

𑖀𑖩𑖫𑖮

56) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖀𑖩𑖫𑖮

57) Tát đà dụ nghệ

SIDDHA (Thành tựu) YOGA (Du già, sự tương ứng)

SIDDHAYOGA: Thành tựu Du Già, tức là Pháp Vô Vi

𑖀𑖩𑖫𑖮

58) Thất bàn la dạ

ĪSVARĀYA: Tự tại đấng

Siddhayoga+ Īsvarāya = siddhayogeśvarāya

𑖀𑖩𑖫𑖮

59) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖀𑖩𑖫𑖮

60) Na la cần trì

NĪLAKANṬHA: Đấng Thanh Cảnh Bồ Tát biểu thị cho Công Đức nội chứng của
Quán Tự Tại Bồ Tát là Pháp vô lượng Từ Bi hiền ái

𑖀𑖩𑖫𑖮

61) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖀𑖩𑖫𑖮

62) Ma la na la

PRA (Thắng thượng) VARĀHA (heo) MUKHĀYA (khuôn mặt)

PRAVARĀHA-MUKHĀYA: Khuôn mặt heo thắng thượng biểu thị cho Đạo Như ý thắng thượng vô lượng bền chắc

𑀧𑀸𑀓

63) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑀸𑀓𑀾𑀢𑀺𑀢𑀺

64) Tất la tăng a mục khư gia

ŚRĪ (Cát Tường) SIMHA (Sư Tử) MUKHĀYA (Diện mạo, khuôn mặt)

ŚRĪ-SIMHA-MUKHĀYA: Khuôn mặt sư tử cát tường biểu thị cho Tâm ái Hộ làm Đại Y Vương trừ các bệnh khổ não cho tất cả chúng sinh

𑀸𑀓𑀾

65) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑀸𑀓𑀾𑀢𑀺𑀢𑀺

66) Sa bà ma ha a tất đà dạ

SARVA (Tất cả) MAHĀ (Đại, to lớn) MUKTĀYA (Viên ngọc)

SARVA MAHĀ-MUKTĀYA: Tất cả viên ngọc to lớn biểu thị cho Tất cả Pháp Đại Thừa vô thượng vô tỷ

𑀸𑀓𑀾

67) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑀸𑀓𑀾𑀢𑀺𑀢𑀺

68) Giả cát la a tất đà dạ

CAKRĀ (Luân, bánh xe) YUDHĀYA (Cây gậy)

CAKRĀ YUDHĀYA: Đạo Thanh Tịnh vô thượng dùng Kim Cương Luân và cây gậy báu hàng phục ma oán

𑀸𑀓𑀾

69) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑀸𑀓𑀾𑀢𑀺𑀢𑀺

70) Ba đà ma yết tất đà dạ

PADMA (Hoa sen hồng) HASTĀYA (Thủ đấng, bàn tay)

PADMA-HASTĀYA: Liên Hoa Thủ Đấng (chư vị cầm hoa sen trong bàn tay), tức là Pháp Thiện Thắng của hoa sen hồng hay giải thoát tất cả sự trói buộc của khổ não

𑀸𑀓𑀾

71) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑀸𑀓𑀾𑀢𑀺𑀢𑀺

72) Na la cần trì bàn già la gia

NĪLAKAṆṬHA (Thanh Cảnh) ŚAṆKHA (vỏ ốc biểu thị cho cái loa Pháp) RĀJA (Vương, vua chúa)

NĪLAKAṆṬHA-ŚAṆKHA-RĀJA: Thanh Cảnh Pháp Loa Vương Bồ Tát biểu thị cho sự chính tâm thành ý hay trừ bỏ sự ách nạn sợ hãi

ॐ

73) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

ॐ वरु षिङ्गुय

74) Ma bà lệ thắng yết la dạ

MĀ (Đừng buông bỏ) VARI (Tâm nguyện) ŚĀṆKARĀYA (Sự cầu tởa)

MĀ VARI ŚĀṆKARĀYA: Đừng buông bỏ sự cầu tởa của Tâm nguyện tức là bản tính Đại chí đại dũng của hàng Bồ Tát

ॐ

75) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

28 câu trên là phần: “THÂM NHẬP ĐẠI BI TÂM MÔN”

ॐ नम षु त्रयय

76) Nam mô hạt la dát na đá la dạ gia

NAMO (Quy y , quy mệnh) RATNA (Bảo, vật báu) TRAYĀYA (Ba nhóm)

NAMO RATNA-TRAYĀYA: Quy y ba báu: Phật, Pháp, Tăng

ॐ नम षु

77) Nam mô a lệ gia

NAMAḤ (Quy mệnh) ĀRYA (Thánh)

ॐ नम षु

78) Bà lô cát đế

AVALOKITA (Quán , xem xét khắp nơi)

ॐ नम षु

79) Thước bàn la dạ

ÍSVARĀYA (Tự tại đấng)

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA: Quy mệnh Đức Thánh Quán Tự Tại

ॐ

80) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn công đức nội chứng

5 câu trên là phần: “HIỀN HIỆN ĐẠI BI TÂM MÔN”

ॐ (ॐ षु यतु

81) Ân tất điện đô

OM (Thân khẩu ý) SIDDHI (Thành tựu) YANTU (Ban cho)

(SIDDHI YANTU viết gọn lại thành SIDDHYANTU)

ॐ

82) Mạn đá la

MANTRA: Thần Chú, Chân Ngôn

ॐ

83) Bạt đà gia

PADĀYA: Câu cú

ॐ

84) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết Bàn

4 câu trên là phần: “THÀNH TỰU NIẾT BÀN MÔN”

ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Việt dịch: HUYỀN THANH

1) Quy kính Tôn Đức Môn:

- Con xin quy y Phật Pháp Tăng thường ở khắp mười phương
- Con xin quy mệnh Bạc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Đức Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát
- Con xin quy mệnh tất cả các bậc Thánh thanh tịnh hay dạy lời triệu mời CHÍNH GIÁO THÁNH DIỆU
- Con xin kính lễ núi Bồ Đà Lạc Ca là nơi cư ngụ của Bản Tôn Thánh Quán Tự Tại
- Con xin quy mệnh Đấng Thanh Cảnh Bồ Tát là Bạc có Tâm từ bi hiền ái hay phóng tỏa ánh quang minh vô vi nghiêm tịnh, dạy Pháp không thể sánh là Phật Pháp rộng lớn vô biên khiến cho kẻ tu hành hết si mê giữ được giới thanh tịnh

2) Phổ chứng Đại Bi Tâm Môn:

Như vậy:

- Hỡi Đức Quán Thế Âm! Ngài là bậc Đại Bồ Tát biểu hiện cho Thế Quang Minh, thường mang lòng Bi Mẫn cứu khổ cứu nạn hóa độ khắp cả chúng sinh
- Xin Ngài đem Phật Pháp bình đẳng làm lợi lạc cho tất cả chúng sinh, giúp cho họ tăng trưởng Thiện Pháp Như Ý Thắng Thượng, tu thành thân Kim Cương, ngồi trên tòa hoa sen báu.

3) Tịnh hóa Lục Đạo Môn:

- Xin Ngài làm Pháp tác dụng trang nghiêm, thổi Loa Pháp kết giới khiến cho chúng sinh gieo trồng Công Đức, tu hành theo Giáo Pháp Nghiêm Tịnh rộng khắp để mau chóng vượt thoát sự khổ não của sinh tử.

4) Thiện Minh Quán Đỉnh Môn:

- Xin Ngài đem Pháp Tối Thượng rộng lớn gia trì cho người trì Chú, khiến họ được Pháp Quang Minh tự Tại.

5) Thần Lực Gia Trì Môn:

- Xin Ngài hiện tướng Đại Phẫn Nộ, rống tiếng sấm Pháp phá hủy sự trì độn chậm chạp của chúng sinh, hiển hiện Đạo Cảnh Ly Cấu Tối Thắng thâm diệu khó lường, khiến cho người tu Pháp Giải Thoát thuận theo các điều tự nhiên, mau chóng kiên định Đạo Tâm, sinh Trí Tuệ lớn, tu thành Pháp Thân thanh tịnh, vượt ra khỏi các Pháp chướng ngại (chứng ngộ sự trống rỗng của các Pháp) mà làm Bạc Pháp Vương ở Pháp tự tại.
- Xin Ngài hãy khiến cho người có Đạo Hạnh tự chứng ngộ được Bản Lai Diện Mục
- Xin Ngài làm Pháp Như Ý Thắng Thượng, Pháp Cát Tường Tự Tại và đem sức kiên cố dũng mãnh thù thắng rưới nước Cam Lộ bất tử, tế độ khắp cả chúng sinh khiến cho họ giác ngộ thành đạt Trí Giác.

6) Thâm nhập Đại Bi Tâm Môn:

- Xin Đấng Đại Từ Thanh Cảnh Bồ Tát hãy thương yêu kẻ hiền, bảo hộ người lành khiến cho họ cương quyết tu hành Đạo của Ba Thừa, thành tựu viên mãn Tâm Ý của Đấng Vô Úy và thành tựu mọi sự như:

- .) Thành tựu viên mãn Pháp cõi bỏ danh lợi và nhận biết rõ các điều chân giả
- .) Thành tựu viên mãn tất cả điều lợi ích rộng lớn trong Phật Pháp
- .) Thành tựu viên mãn Pháp Du Già Tự Tại
- .) Thành tựu viên mãn Chính Pháp vô lượng Từ Bi hiền ái của Đức Thanh Cảnh Bồ Tát
- .) Thành tựu viên mãn Đạo Như Ý Thắng Thượng bền chắc
- .) Thành tựu viên mãn Pháp Đại Y Vương hay trừ bỏ các bệnh khổ não cho chúng sinh
- .) Thành tựu viên mãn Đạo Vô Thượng thanh tịnh, dùng Kim Cương Luân và cây gậy báu hàng phục ma oán
- .) Thành tựu viên mãn Pháp Thiện thắng của hoa sen hồng để thoát khỏi sự trói buộc của khổ não
- .) Thành tựu viên mãn sự chính tâm thành ý hay trừ bỏ mọi ách nạn sợ hãi của Đấng Thanh Cảnh Pháp Loa Vương Bồ Tát
- .) Thành tựu viên mãn bản tính Đại Chí Đại Dũng của Bạc Đại Bồ Tát.

7) Hiện hiện Đại Bi Tâm Môn:

- Nay con xin quy y ba Báu Phật Pháp Tăng
- Nay con xin quy mệnh công đức nội chứng của Đức Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát.

8) Thành tựu Niết Bàn Môn:

- Nguyện cho thân khẩu ý của con mau chóng tương ứng với sự thành tựu Chân Ngôn cú để thọ hưởng mùi vị an lạc tịch tĩnh của Đại Niết Bàn.



CÔNG NĂNG CỦA THẦN CHÚ ĐẠI BI

Kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni ghi nhận công năng của Thần Chú Đại Bi là:

“Quán Thế Âm Bồ Tát lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu các Người, Trời tụng trì Đại Bi Chương Cú, lúc lâm chung thời chư Phật ở mười phương đều đền trao vào bàn tay, muốn sinh về cõi Phật nào, tùy theo nguyện đều được vãng sinh.

Lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu chúng sanh tụng trì Thần Chú Đại Bi, mà bị đọa vào ba đường ác thì con thề chẳng thành Chính Giác.

Người tụng trì Thần Chú Đại Bi, nếu chẳng sinh về các cõi Phật thì con thề chẳng thành Chính Giác.

Người tụng trì Thần Chú Đại Bi, nếu chẳng được vô lượng Tam Muội Biện Tài thì con thề chẳng thành Chính Giác.

Người tụng trì Thần Chú Đại Bi, tất cả sự mong cầu trong đời hiện tại, nếu chẳng được quả thỏa thích thì Chú này chẳng được gọi là Đại Bi Tâm Đà La Ni. Chỉ trừ việc chẳng lành, trừ kẻ chẳng chí thành.

Nếu các người nữ chán ghét khinh rẻ thân nữ, muốn thành thân nam. Tụng trì Thần Chú Đại Bi, nếu chẳng chuyển thân nữ thành thân nam tử thì con thề chẳng thành Chính Giác. Như kẻ nào tụng Chú này, nếu còn sanh chút lòng nghi, tất không được toại nguyện. Người sinh chút tâm nghi ngờ ắt chẳng được quả thỏa thích.

Nếu các chúng sinh xâm tổn tài vật, thức ăn uống của chốn Thường Trụ thì một ngàn Đức Phật ra đời cũng chẳng thông sám hối được, giả sử có ăn năn (Sám) cũng chẳng trừ diệt được. Nay tụng Thần Chú Đại Bi liền được trừ diệt.

Nếu xâm tổn, ăn dùng tài vật, thức ăn uống của chốn Thường Trụ thời cần thiết nên đối trước bậc Thầy ở mười phương, ăn năn tạ lỗi (sám tạ) như thế mới trừ diệt được. Tại sao thế? Vì nay lúc tụng Đại Bi Đà La Ni thời bậc Thầy ở mười phương liền đến làm chứng minh, nên tất cả tội chướng thảy đều tiêu diệt. Tất cả tội mười Ác, năm Nghịch, chê bai người, phi báng Pháp, Phá Trai, phá Giới, phá Tháp, hủy hoại chùa, trộm vật của Tăng Kỳ, làm như bản Phạm Hạnh trong sạch. Tất cả Nghiệp ác, tội nặng của nhóm như vậy thảy đều diệt hết. Chỉ trừ một việc: người đối với Chú còn sinh nghi ngờ, cho đến tội nhỏ, nghiệp nhẹ cũng chẳng diệt được, huống chi là tội nặng. Tuy chẳng ngưng diệt được tội nặng, nhưng còn có thể làm nhân Bồ Đề cho đời lâu xa

Lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu có Người, Trời tụng trì Đại Bi Tâm Chú sẽ được 15 loại sinh lành (thiện sinh), chẳng bị 15 loại chết ác.

Loại chết ác ấy là:

- 1) Chẳng bị chết do đói khát khôn khổ
- 2) Chẳng bị chết do gông tù đánh đập
- 3) Chẳng bị chết vì oan gia thù địch
- 4) Chẳng bị giết chết trong quân trận
- 5) Chẳng bị chết do chó sói, thú ác tàn hại
- 6) Chẳng bị chết bởi rắn , rắn hổ mang, bò cạp cắn
- 7) Chẳng bị chết bởi nước cuốn trôi , lửa thiêu cháy
- 8) Chẳng bị chết vì trúng thuốc độc
- 9) Chẳng bị chết do Cổ Độc (một loại chất độc gây mê hoặc hay giết chết do người mạn ngược chế ra từ loài sâu độc) làm hại
- 10) Chẳng bị chết vì điên cuồng , mất niệm
- 11) Chẳng bị chết do rớt té từ trên cây, ngọn núi, bờ vách cao
- 12) Chẳng bị chết bởi người ác trù ếm

13) Chẳng bị chết bởi Tà Thần, Quỷ ác làm hại

14) Chẳng bị chết vì bệnh ác rằn buộc thân

15) Chẳng bị chết vì tự hại chẳng đúng phần số (Tự tử)

Người tụng trì Thần Chú Đại Bi, chẳng bị 15 loại chết ác như vậy. Được 15 loại sinh lành

1) Sinh ra nơi nào, thường gặp vị vua hiền lành (Thiện Vương)

2) Thường sinh vào nước tốt lành (Thiện Quốc)

3) Thường gặp Thời tốt đẹp

4) Thường gặp bạn lành

5) Thân cần thường được đầy đủ

6) Đạo Tâm thuần thực

7) Chẳng phạm Cấm Giới

8) Hết thầy quyền thuộc hòa thuận có ân nghĩa

9) Vật dụng cần thiết, tiền bạc, thức ăn thường được đầy đủ

10) Luôn được người cung kính giúp đỡ

11) Hết thầy tiền bạc, vật báu không bị người khác cướp đoạt

12) Ý muốn mong cầu thầy đều được toại nguyện

13) Rồng, Trời, Thiện Thần luôn thường ủng hộ, phòng giữ

14) Sinh ra nơi nào đều thấy Phật nghe Pháp

15) Đã nghe Chính Pháp thời ngộ giải được nghĩa thâm sâu

Nếu có người tụng trì Đại Bi Tâm Đà La Ni sẽ được 15 loại sinh lành của nhóm như vậy. Tất cả hàng Trời, Người nên thường tụng trì, đừng sinh tâm lười biếng”

NHƯ Ý BẢO LUÂN VƯƠNG THẦN CHÚ

Bài **Như Ý Bảo Luân Vương Thần Chú** được ghi nhận trong Khóa tụng buổi sáng được lưu hành tại Việt Nam là:

“**Nam mô Phật đà gia**

Nam mô Đạt ma gia

Nam mô Tăng già gia

Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát Cụ Đại Bi Tâm Già

Đát diệt tha: Án, chước yết ra phạt đễ, chấn đa mạt ni, ma ha bát đẵng mế, rô rô rô rô, đễ sắt tra, thước la, a yết rị sa dạ, hồng, phẩn, toá ha

Án, bát đạp ma, chấn đa mạt ni, thước ra, hồng

Án, bát lật đà, bát đẵng mế, hồng”

Bài Chú này chính là bài tổng hợp từ 3 bài Chú: **Căn Bản Đà La Ni Minh** (Như Ý Luân Thân Chú), **Đại Tâm Đà La Ni Minh** (Như Ý Luân Tâm Chú) và **Tiểu Tâm Đà La Ni Minh** (Như Ý Luân Tùy Tâm Chú) được ghi nhận trong các Kinh Bản của **Như Ý Luân Bồ Tát** trong Mật Tạng Bộ 3 mà hình thành. Trong đó:

“**Nam mô Phật đà gia**

Nam mô Đạt ma gia

Nam mô Tăng già gia

Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát Cụ Đại Bi Tâm Già

Đát diệt tha: Án, chước yết ra phạt đễ, chấn đa mạt ni, ma ha bát đẵng mế, rô rô rô rô, đễ sắt tra, thước la, a yết rị sa dạ, hồng, phẩn, toá ha” là bài **Như Ý Luân Thân Chú**:

ॐ नमो बुद्धाय नमो धर्म्याय नमो संघाय
नमः शक्रवज्रकेतव्याय वज्रसहाय महामहाय महानिर्मलाय
गुरुय ॐ वक्रवज्र (वक्रमम) महामहाय ॐ (गुरु) वज्र
महाधाय ॐ कुरु सुक

Namo buddhāya

Namo dharmāya

Namo saṃghāya

Namaḥ Ārya-avalokiteśvarāya bodhisatvāya mahā-satvāya mahā-kāruṇikāya

Tadyathā: ॐ Cakra-vartti cintāmaṇi mahā-padme ruru tiṣṭa jvala akarṣaya hūṃ phaṭ svāhā

“**Án, bát đạp ma, chấn đa mạt ni, thước ra, hồng”** là bài **Như Ý Luân Tâm Chú**:

ॐ पद्म (वक्रमम) महानिर्मलाय ॐ

ॐ Padma cintāmaṇi mahā-jvala hūṃ

“**Án, bát lật đà, bát đẵng mế, hồng”** là bài **Như Ý Luân Tùy Tâm Chú**:

ॐ वरु पद्म ॐ

ॐ Varada padme hūṃ



Ý nghĩa của các Bài Chú này là:

1) CĂN BẢN CHÚ:

ॐ नमो बुद्धाय

_ Nam mô Phật đà gia

*) NAMO BUDDHĀYA

Quy mệnh Phật Bảo

ॐ नमो धर्माय

_ Nam mô Đạt ma gia

*) NAMO DHARMĀYA

Quy mệnh Pháp Bảo

ॐ नमो संघाय

_ Nam mô Tăng già gia

*) NAMO SAMGHĀYA

Quy mệnh Tăng Bảo

ॐ नमो शिवसुवर्णाय वसुधैव कुटुम्बकम्

_ Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát

*) NAMO AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA_ MAHĀ-SATVĀYA

महा करुणाय

_ Cự Đại Bi Tâm Giả

*) MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA

ॐ

_ Đát diệt tha

*) TADYATHĀ

Khai mở Như Lai Tạng tuyên nói Thân Chú

ॐ

_ Ân

*) OM

Chữ OM được kết hợp bởi ba chữ A, U, MA trong đó

A là “Tất cả Pháp vốn chẳng sinh” biểu thị cho nghĩa của **Pháp Thân** (Dharma-kāya)

U là: “Tất cả Pháp Thí Dụ chẳng thể đắc” biểu thị cho nghĩa cả **Báo Thân** (Sambhoga-kāya)

MA là: “Tất cả Pháp Ngô Ngã chẳng thể đắc” biểu thị cho nghĩa của **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya)

Do đó OM nhiếp nghĩa vô biên, là đầu mối của các Chữ tức là chỗ phát sinh của tất cả các Pháp. Từ đây OM là Mẫu của các Đà La Ni nên thường đặt ở đầu câu. Ngoài ra, tùy theo ý nghĩa của câu Chú theo sau mà O/M biểu thị cho các nghĩa: Tam Thân, Quy mệnh, Cúng dường, Cảnh giác, Nhiếp phục

ॐ

_ **Chước yết ra phạt để**

*) CAKRA VARTTI

Hay chuyên bánh xe Vô Thượng, cũng có nghĩa là Tội Phá

ॐ

_ **Chấn đa mạt ni**

*) CINTĀ-MANI

Suy tư, cũng có nghĩa là Báu của Như Lai. Báu có 6 loại hay làm mãn ước nguyện của chúng sinh

ॐ

_ **Ma ha bát đàng mế**

*) MAHĀ-PADMA

Hoa sen lớn biểu thị cho sự tỉnh các Phi Pháp, vốn chẳng nhiễm dính

ॐ

_ **Rô rô rô rô**

*) RURU

Lìa bụi dơ. Bụi có hai loại nên xung hai lần. Ấy là: Nội Trần và Ngoại Trần

Nội Trần là năm căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân

Ngoại Trần là năm trần: Hình sắc, âm thanh, mùi ngửi, vị nếm, cảm xúc khi va chạm

Cả hai loại Trần đều không có Sở Đắc dùng làm phương tiện thành Du Già Quán Trí

ॐ

_ **Đề sắt tra**

*) TIṢṬA

Trụ, cũng nói là Vô Trụ. Vô Trụ dùng làm gốc của tất cả Pháp, cũng nói là: “Chẳng trụ Niết Bàn, chẳng trụ sinh tử”. Do Đại Trí nên chẳng dính vào sinh tử, do Đại Bi nên chẳng trụ Niết Bàn

ॐ

_ **Thước la**

*) JVALA

Cháy bùng. Ánh sáng chiếu diệu tràn khắp Hư Không Pháp Giới ở mười phương, cảnh giác chư Phật, Bồ Tát, Thánh Chúng giảng tập phó hội. Bên dưới triệu tất cả tám Bộ Trời Rồng, loại hữu tình làm lợi ích gia trì

ॐ

_ **A yết rị sa dạ**

*) AKARṢĀYA

Thỉnh triệu. Do sự thỉnh triệu này mà chư Phật, Bồ Tát, tám Bộ Trời Rồng ứng theo sự triệu đều vân tập, gia trì hộ niệm

ॐ

Hông
*) HŪM

HŪM có nghĩa là: “Tất cả Pháp không có Nhân” cũng nói là Bồ Đề Đạo Trường. Như Kim Cương Đỉnh Du Già Kinh nói: “Vừa mới phát tâm Bồ Đề liền ngồi Bồ Đề Đạo Trường, chuyển bánh xe Chính Pháp”. Do dự tương ứng này mà một chữ của Chân Ngôn này ắt hay chứng ngộ tất cả Phật Pháp. Lúc niệm niệm chứng ngộ Phật Pháp thì đầy đủ **Tất Bà Nhã Trí** (Sarva-Jñā-Jñāna: Nhất Thiết Trí Trí) thăng đến cứu cánh ngồi tòa Kim Cương, bốn Ma hiện trước mặt ắt nhập vào **Đại Từ Tam Ma Địa** (Mahā-maitra-samādhī) giảng phục bốn Ma mà thành Chính Giác.

Bốn Ma là : Uẩn Ma, Phiền Não Ma, Tử Ma, Thiên Ma đều tự giảng phục.

Lại nói là Pháp không có NHÂN (Hetu) y theo QUẢ (Phala) của Thắng Nghĩa Đế cũng không có đặc. Vì không có NHÂN QUẢ cho nên xưa nay thanh tịnh.



Phán
* PHAT

Chữ PHA (𑖔𑖑) có nghĩa là Phá Hoại, cũng có nghĩa là Tội Hoại. Lúc được thành Phật thì tội hoại bốn Ma, cũng nói ở trong ba Đức là ĐOẠN ĐỨC. Do dùng Trí cắt đứt tập khí phiền não của ba cõi, cũng cắt đứt 9 Địa Vị thủy đều viên mãn hai loại tư lương PHƯỚC ĐỨC, TRÍ TUỆ. Từ vô thủy đến nay, tất cả Hữu Tình dùng làm nơi gần gũi, vì nhớ Ân ấy nên đi đến nơi chuyển Pháp Luân diễn nói 12 Hạnh Pháp Luân.

Chữ T (𑖔) có nghĩa là: “Tất cả Pháp không có Sở Đắc”. Theo Phạm Thư thì chữ T có hình như nửa vành trăng nên giải thích là: Tất cả Pháp không có NGÃ, không có SỞ ĐẮC, dùng làm phương tiện ắt sinh thành KHÔNG, sinh BÁN KHÔNG (một nửa của cái KHÔNG).



Toá ha
* SVĀHĀ

Chữ SVĀ (𑖔𑖑) nghĩa là: “Không có ngôn thuyết” làm thành Trí không của các Pháp, có nghĩa là Chữ đầy đủ (Mãn Tự) cũng nói là : Thành Tựu Đại Phước Đức.

Chữ HĀ (𑖔𑖑) nghĩa là: Cắt đứt phiền não khiến cho các Hữu Tình gom chứa Đại Phước Đức, cắt đứt tất cả tập khí của Phiền Não và Tùy Phiền Não trong thân TA, NGƯỜI tràn khắp lời dạy của Mãn Tự, chứng được VÔ DƯ Y VÔ TRỤ NIẾT BÀN.

Toàn Bài CĂN BẢN CHÚ trên đây được Hòa Thượng TĨNH NGHIÊM ghi chú nghĩa thú.

Theo ý nghĩa khác thì :

OM có nghĩa là Tam Thân quy mệnh

CAKRA VARTTI có nghĩa là Chuyển luân Vương

CINTĀMANI có nghĩa là Như Ý Bảo Châu (Viên Ngọc Như Ý)

MAHĀ-PADMA có nghĩa là Đại Liên Hoa (Hoa Sen to lớn)

RURU có nghĩa là Xa lìa Nội Trần và Ngoại Trần

TIṢṬA có nghĩa là Kiên Trụ (An trú bền chắc)

JVALA có nghĩa là Phóng tỏa ánh sáng rực rỡ

AKARṢĀYA có nghĩa là Thịnh Triệu

HŪM có nghĩa là NHÂN KHỦNG BỐ nhằm dứt trừ Tâm vị Ngã phát khởi Tâm Bồ Đề

PHAT có nghĩa là Phá Bại

SVĀHĀ có nghĩa là Thành tựu cát tường.

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

“ Nam mô Phật Bảo

Nam mô Pháp Bảo

Nam mô Tăng Bảo

Nam mô Bạc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Đức Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát

Như vậy !

Con xin quy mệnh với Đức CHUYÊN LUÂN VƯƠNG NHƯ Ý BẢO CHÂU ĐẠI LIÊN HOA là Bạc đã xa lìa Nội Trần và Ngoại Trần

Con xin an trụ theo ánh lửa rực rỡ của Ngài để tỉnh triệu Chư Phật, Bồ Tát, Hiền Thánh Chúng, Tám Bộ Trời Rồng, Chư Vị Hộ Pháp nhằm giúp cho con phá bại Tâm Vị Ngã phát khởi Tâm Bồ Đề, thành tựu cát tường”

2) ĐẠI TÂM CHÚ :

ॐ

Án

OM

Tam Thân quy mệnh, cảnh giác

५३

Bát đệp ma

PADMA

Hoa sen

४३ ३३

Chấn đa mạc ni

CINTĀMANI

Viên ngọc Như Ý

३३

Thước ra

JVALA

Quang Diễm (Ánh sáng rực rỡ như ngọn lửa)

ॐ

Hồng

HŪM

Đẩy lui Tâm Vị Ngã thành tựu Tâm Bồ Đề

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

“ Hỡi ánh sáng rực rỡ của LIÊN HOA NHƯ Ý BẢO CHÂU hãy giúp cho tôi thành tựu Tâm Bồ Đề “

3) TÙY TÂM CHÚ

ॐ

Án

OM

Chữ OM có nghĩa là Tất cả Pháp Lưu Chú không có SỞ ĐẮC dùng làm phương tiện, cũng có nghĩa là GIÁC chẳng thể đắc.

𑀅 𑀇 𑀆

Bát lật đà

VARADA

Chữ VA (𑀅) có nghĩa là Tất cả Pháp siêu việt (Vượt qua) đường ngôn ngữ chẳng thể đắc

Chữ RA (𑀇) có nghĩa là Tất cả Pháp lìa như bản rớt ráo chẳng thể đắc

Chữ DA (𑀆) có nghĩa là Tất cả Pháp THÍ (Ban bố) rớt ráo không có sở đắc.

𑀑𑀅

Bát đẳng mế

*PADME

Chữ PA (𑀑) có nghĩa là Tất cả Pháp THẮNG TÍNH TƯỚNG chẳng thể đắc

Chữ DME (𑀅) có nghĩa là Tất cả Pháp lìa NGÃ THỦ CHẤP chẳng thể đắc

𑀇𑀅

Hồng

HŪM

Chữ HŪM có nghĩa là Tất cả Pháp rớt ráo cũng chẳng thể đắc

Toàn Bài Chú trên đây được Hòa Thượng TĨNH NGHIÊM ghi chú nghĩa với mục đích dùng Pháp BỔ TỰ (an bày Chữ) trên thân thể để quán tưởng tu tập

Chữ OM (ॐ) đặt trên đỉnh đầu

Chữ VA (𑀅) đặt nơi vàng trán

Chữ RA (𑀇) đặt trong hai con mắt

Chữ DA (𑀆) đặt nơi trái tim

Chữ PA (𑀑) đặt ở cái miệng

Chữ DME (𑀅) đặt ở hai bắp tay

Chữ HŪM (𑀇𑀅) đặt ở cái rốn

Quán chiếu các Chữ nói trên rõ ràng như mặt trời mới mọc tỏa ánh sáng rực rỡ chói chan rộng lớn vô cùng. Như Quán Chiếu này chẳng bao lâu sẽ chứng PHÁP THÂN Tam Muội

_Theo ý nghĩa khác thì :

OM có nghĩa là Tam Thân Quy mệnh

VARADA có nghĩa là Dữ Nguyện , Thí Nguyện (Ban bố cho vật dụng tiền của)

PADME có nghĩa là Bên trong Hoa Sen. Vì hoa sen còn biểu thị cho Bản Tâm thanh tịnh không nhiễm cấu, nên PADME còn mang nghĩa là Bên trong Bản Tâm

HŪM có nghĩa là Cuộc sống cao đẹp của Thánh Nhân

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

“Khi phát khởi được sự ban bố cứu độ trong Tâm thì mới thật sự bước vào cuộc sống cao đẹp của Thánh Nhân”

Kinh Như Ý Luân Đà La Ni_ Phẩm thứ 2: **Phá Nghiệp Chương** (Mật Tạng Bộ 3_ Số 1080) do Ngài **Bồ Đề Lưu Chí** phiên dịch, ghi nhận rằng:

“Bấy giờ Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát lại bạch với Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu có Tỳ Khuru, Tỳ Khuru Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, đồng nam, đồng nữ nơi thân đời này cầu điều hiện báo về Đại Công Đức. Nên ở ngày đêm, y theo Pháp tinh cần tu trì NHƯ Ý LUÂN ĐÀ LA NI Chú này, chẳng nên bói toán lựa chọn ngày, tháng, sao tốt; cũng chẳng nhịn ăn 1 ngày, 2 ngày; cũng chẳng mặc dục; cũng chẳng làm Đàn, mặc quần áo thường, nước trong rảy tịnh. Như thường ăn vừa đủ, tác Pháp thành tựu.

Nên cả ngày đêm, ở trong tỉnh thất, ngồi quay mặt về phương Đông tướng Thánh Quán Tự Tại có thân tướng tốt đẹp viên mãn như mặt trời mới mọc, phóng ra ánh sáng lớn, ngồi trên hoa sen, đôi ngay trước mắt, tụng niệm chẳng loạn. Đốt hương Trầm Thủy, vận Tâm cúng dường, cung kính lễ bái, tùy Tâm bày biện hương hoa cúng hiến liên tục chẳng dứt. Sáu thời mỗi thời một ngàn tám mươi biến liên tục chẳng dứt. Mỗi mỗi chữ tụng mãn ba Lạc xoa (30 vạn biến). Do trụ Pháp **quán Du Già**, tụng niệm thì bao nhiêu tội Vô Gian của đời quá khứ, hiện tại; nghiệp chướng cực ác tự nhiên tiêu diệt, sẽ thấy đủ mọi loại mộng đại thiện, nên biết đây tức là tướng diệt tội. Thánh Quán Tự Tại gia bị hộ niệm. Do căn lành đó, trăm ngàn sự nghiệp cử Tâm tụng niệm thì tất cả chỗ làm ắt được thành tựu. Tất cả uy lực thần thông của các MINH không thể theo kịp lực thần thông của Như Ý Đà La Ni Minh này. Tại sao vậy? Đà La Ni đó, nếu có thể tìm nhận, thọ trì thì tội chướng **10 ác, 5 Nghịch, 4 Trọng** đã làm trong đời quá khứ, hiện tại đáng bị đọa vào Địa ngục **A Tỳ** (Avīci) đều có thể tiêu diệt.

Như bệnh nhiệt trong 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày, 4 ngày cho đến 7 ngày. Bệnh phong, bệnh vàng da, bệnh đàm, cổ độc, êm đối, nhọt mủ, ghẻ, cùi hủi, điên cuồng, phong ngứa, thần kinh. Tất cả bệnh về đầu, mũi, mắt, tai, môi, lưỡi, răng, cổ họng, ngực, hông sườn, tim, bụng, eo, lưng, tay chân chi tiết ... Mọi loại tai ác, vọng lượng Quỷ thần. Do trải qua tụng niệm đều được trừ diệt. Tất cả Dược Xoa, La Sát, Tỳ Na Dạ Ca, nhóm Quỷ thần ác đều chẳng có thể hại. Dao binh, nước lửa, gió ác, sét, mưa đá, nạn vua chúa, nạn giặc cướp oán thù ... chẳng có thể làm hại. Tất cả tướng ác, nghiệp do kém phước, sao ác biến quái đều tự tiêu diệt. Rắn độc, bò cạp, rết, thủ cung, nhện nhện, sư tử, cạp, chó sói, tất cả thú ác cũng chẳng làm hại được. Nếu có chiến đấu trong quân trận, tranh tụng nơi việc quan; do Minh Thành tựu nên được giải thoát.

Nếu thường ở **canh năm** tụng Đà La Ni này một ngàn tám mươi biến (1.080) thì các việc như trên đều được giải thoát, tự tại như ý.

Nếu có thể một ngày 6 thời, mỗi thời tụng Đà La Ni này 1.080 biến thì Thánh Quán Tự Tại hiện thân trong mộng, đứng trước mặt người đó bảo rằng: “Này Thiện nam tử! Đừng sợ hãi! Muốn cầu điều gì, Ta cho ngươi tất cả”.

Hoặc thấy Đức Phật A Di Đà, hoặc thấy cung điện, lầu gác, các việc trang nghiêm trong Thế giới Cực Lạc.

Hoặc thấy chúng hội của Bồ Tát trong Thế giới Cực Lạc.

Hoặc thấy cung điện bảy báu trên núi Bồ Đà Lạc là nơi cư trú của Thánh Quán Tự Tại.

Hoặc thấy Tự Thân trong ngoài thanh tịnh.

Hoặc thấy Quốc Vương, đại thần cung kính cúng dường.

Hoặc thấy Tự thân có bao nhiêu tội chướng đã gây ra trong đời quá khứ đều được tiêu diệt.

Nên biết người đó sau khi xả bỏ thân mệnh sẽ chẳng thọ sinh trong bào thai mà được sinh trong hoa sen, có thân tướng tốt đẹp đoan chính, mặc quần áo của cõi Trời mà tự trang nghiêm. Đời đời sinh ra biết **TÚC MỆNH TRÍ** cho đến Bồ Đề, chẳng bị rơi vào ba nẻo ác, thường cùng với tất cả Chư Phật Bồ Tát sinh chung một nơi, trú ở Địa Bất Thoái”.

Ngoài ra, người tu trì Pháp **Như Ý Bảo Luân Vương Thần Chú** này còn được thoát khỏi khổ não, tăng trưởng thọ mệnh, thành tựu mọi ước nguyện như phú quý, tài sản, Trí Tuệ, Thế Lực, Uy Đức

TIÊU TAI CÁT TƯỜNG THẦN CHÚ

Bài Chú này được ghi nhận tại các bản Kinh trong Mật Tạng Bộ 2: **Phật nói Kinh Xí Thịnh Đại Oai Đức Tiêu Tai Cát Tường Đà La Ni** (số 963), **Phật nói Kinh Đại Oai Đức Kim Luân Phật Đảnh Xí Thịnh Quang Như Lai Tiêu Trừ Nhất Thiết Tai Nạn Đà La Ni** (Số 964), **Đại Thánh Diệu Cát Tường Bồ Tát Thuyết Trừ Tai Giáo Lệnh Luân Pháp Luân Nghi Quỹ** (Số 966) là:

“**Năng mô tam mãn đa mầu đà nẫm. A bát ra để hạ đa xá ta năng nẫm**

Đát diệt tha: Ân, khư khư, khư hứ, khư hứ, hồng hồng, nhập phạ ra, nhập phạ ra, bát la nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, Để sát sa, để sát sa, sát trí rị, sát trí rị, ta phẩn tra, ta phẩn tra, phiến để ca, thất rị duệ, ta phạ ha”

ॐ मम म व हं नं मृष (ॐ न म म म मं

ॐ ह्रूं उं वरव वरु वरु हूं हूं ह्रूं ह्रूं वरु वरु वरु वरु (ॐ
ॐ ह्रूं ह्रूं ह्रूं ह्रूं मृष (ॐ नं श्रीय ह्रूं

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM APRATIḤATA-ŚASANĀNĀM
TADYATHĀ: OM KHAKHA KHAHI KHAHI HŪM HŪM JVALA
JVALA PRAJVALA PRAJVALA TIṢṬA TIṢṬA ṢṬRI ṢṬRI SPHAṬ
SPHAṬ ŚĀNTIKA ŚRĪYE SVĀHĀ

Công năng của Thần Chú này được các Kinh ghi nhận là:

“Bây giờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngự tại cung Trời Tĩnh Cư bảo chư Thiên, Tú Diệ, 12 Cung Thần rằng: “Nay Ta nói **Quá Khứ Sa La Vương Như Lai Chân Ngôn**. Nếu có quốc vương mà quốc giới của mình bị 5 Tinh (5 vì sao) lần bức 28 Tú với Đế Tòa thì mỗi ngày vào lúc sáng sớm, ở trong Đạo Trường, kết Ân, tụng Chân Ngôn 7 biến ắt 5 Tinh, các Diệ chẳng thể lần bức các Tòa, chẳng thể gây tai họa.

Nếu **Hỏa Tinh** (Angāraka) muốn vào Nam Đầu. Nên ở dưới tượng một Tôn Phần Nộ (Krodha-nātha) điếm hình Nam Đầu và điếm Hỏa Tinh. Ở trong đây vẽ hình **Thiết Đốt Lỗ** (Sātru: Oan gia) ấy, viết tên ở trên trái tim, kết Ân rồi để Ân ở trên thân tượng Phần Nộ, tụng Chân Ngôn 7 biến. Ở trên câu **Sa Phộc Hạ** (Svāhā) gia thêm tên Thiết Đốt Lỗ ấy, dùng âm thanh phần nộ tụng Chân Ngôn thì hết thầy tai họa sẽ dời đi.

Tượng Ân đó là: Hai tay cài chéo nhau bên trong rồi nắm quyền. Hợp cứng 2 ngón giữa, đều co ngón trở ở phía sau ngón giữa như hình cái chày Kim Cương, đem 2 ngón cái đè lên vạch lông thứ hai của ngón giữa.



Chân Ngôn này là nơi gia trì của tất cả Như Lai, hay thành biện 8 vạn loại việc cát tường. Hay trừ diệt 8 vạn loại tai họa, mộng ác chẳng lành. Nếu có người thấy nghe các việc Bất Tường thì thanh tịnh tâm tụng một biến ắt chẳng thể gây tai họa.

Nếu **5 Tinh** đi đến Tòa Vị thành lần bức hoặc xuyên qua hoặc đi lùi xâm lấn. Liên ở trên câu **Sa Phả Ha** (Svāhā) gia thêm tên của vì sao ấy, tụng Chân Ngôn 7 biến thì mệnh được 5 Tinh tác thiện (tạo việc tốt lành) chẳng thể gây hại.

Hoặc nhóm sao Thái Bạch đi đến phần dã của các Tú với Đế Tòa ở trong phần dã Tú, như trước ở dưới Tượng vẽ hình người ác đó cũng làm người ấy bị hao tổn, khiến chẳng khởi Ý ác .

Hoặc bị La Hầu che lấp gây khốn đốn. Mặt trời, mặt trăng bị che. Hoặc Tuế Tinh hiện, hoặc hạn hán, sóng to. Nên ở nơi ẩn mật trong Đạo Trường, thân mặc áo màu đen, ngồi hướng mặt về phương Nam. Đem tro đốt tử thi vẽ tam giác. Trong Đàn vẽ nhóm **La Hầu** (Rāhu) **Tuế Tinh** (Ketu) ấy. Khi hạn hán, sóng to thì vẽ hình **Rồng** (Nāga), ở trên trái tim người ấy thì viết tên người ấy. Vào lúc giữa đêm (giờ Tý) hay giờ Ngọ thì đốt An Tất Hương, niệm tụng. Ở trong câu Chân Ngôn, gia thêm tên người đó. Lấy cành Thạch Lựu quất vạt hình người ấy, tụng Chân Ngôn 21 biến, mỗi biến vạt một lần, liền trừ

Nếu **5 Tinh** lẫn bức cường thịnh, mệnh suy thì cũng tác Pháp này”

Ý nghĩa căn bản của Thần Chú này là:

ॐ नमः समन्ता बुद्धानाम्

Năng mô tam mãn đa mẫu đà nẫm

* NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM

Quy mệnh khắp cả chư Phật

ॐ अप्रतिहता ससानानाम्

A bát ra để hạ đa xá ta nẫm nẫm

* APRATIḤATA-ŚASANĀNĀM

Các Bậc không có chướng ngại

ॐ तद्यथा

Đát điệt tha

* TADYATHĀ

Như vậy, liền nói Chú là

ॐ

Án

* OM

Tam Thân quy mệnh

ॐ क्ख

Khư khư

* KHA KHA

Chữ KHA có nghĩa là Hư Không. Thế Gian cùng nhau công nhận là Pháp VÔ TÁC. Nếu tất cả các Pháp vốn chẳng sinh, lia các sự tạo tác thì rốt ráo như tướng Hư Không. Các Pháp như tướng Hư Không đó là tướng chẳng hư dối. Do dùng hai lần chữ KHA biểu thị cho các Pháp vốn chẳng tạo tác, bình đẳng như Hư Không.

ॐ क्ख क्ख

Khư hứ, khư hứ

* KHAHI KHAHI

Chữ KHA là Hư Không

Chữ HI gồm có chữ HA là NHÂN và chữ I là CĂN GỐC

Do đó KHAHI tức là Nhân Căn của các Pháp như Hư Không. Vì dùng hai lần chữ KHAHI biểu thị cho Nhân Căn của các Pháp vốn chẳng sinh, bình đẳng như Hư Không

Do tướng Hư Không chẳng thể đắc nên KHAKHA KHAHI KHAHI biểu thị cho tướng VÔ KIẾN ĐỈNH của Như Lai.

ॐ हूँ हूँ

Hồng Hồng

* HŪM HŪM

Chữ HŪM là Nhân Khủng Bỏ. Do hai lần dùng chữ HŪM nên phá diệt hai loại Phiền Não không còn dư sót khiến cho Trọng Chương Nhị Biên rốt ráo thanh tịnh

ज्वल ज्वल

Nhập phạ ra, nhập phạ ra

* JVALA JVALA

Chữ JVALA có nghĩa là Cháy Bùng nên biểu thị cho ánh lửa rực rỡ, hoặc mang nghĩa Tỏa ánh sáng rực rỡ (Phóng Quang). Do hai lần dùng chữ JVALA nên thiêu cháy hết cả NANG CHẤP và SỔ CHẤP thành tựu sự thanh tịnh

प्रज्वल प्रज्वल

Bát la nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra

* PRAJVALA PRAJVALA

Chữ PRAJVALA có nghĩa là Vô Thượng Quang Diễm (ánh lửa rực rỡ vô thượng). Do hai lần dùng PRAJVALA biểu thị cho sự phóng ánh sáng Vô Thượng từ Đỉnh Kế của Phật gia trì cho chúng sinh trừ diệt các Ái để được sự chẳng nhiễm dính sáu Trần.

टिष्ठ टिष्ठ

Để sắt sá, để sắt sá

* TIṢṬA TIṢṬA

Chữ TIṢṬA có nghĩa là Kiên Trú. Do hai lần dùng chữ TIṢṬA nên biểu thị cho sự cầu nguyện được an trú vững chắc trong sự gia trì của Phật Đỉnh để diệt trừ các Ái chẳng nhiễm sáu Trần.

श्रि श्रि

Sắt trí rị, sắt trí rị

* ṢṬRI ṢṬRI

Chữ ṢṬRI có nghĩa là Bụi Trần phá hoại khiến cho trì độn chậm chạp. Do hai lần dùng chữ ṢṬRI biểu thị cho sự trì độn chậm chạp phá hoại của Nội Chướng và Ngoại Chướng.

शफट शफट

Ta phán tra, ta phán tra

* SPHAṬ SPHAṬ

Chữ SPHAṬ có nghĩa là Phá Hoại Tồi Diệt . Do hai lần dùng chữ SPHAṬ nên phá bại diệt trừ được sự tàn phá trì độn chậm chạp của Nội Chướng và Ngoại Chướng.

शान्तिका

Phiến đề ca

* ŚĀNTIKA

Chữ ŚĀNTIKA có nghĩa là Túc Tai nên dùng chữ này để dứt trừ chận đứng mọi tai họa, nạn chướng.

श्रीय

Thất rị duệ

* ŚRĪYE

Chữ ŚRĪYE có nghĩa là Cát Tường. Dùng Chữ này biểu thị cho sự đạt đến mọi điều an vui khoái lạc.

स्वाहा

Ta phạ ha

* SVĀHĀ

Thành tựu

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

“Quy mệnh hết thấy chư Phật, các Bậc Vô Chướng Ngại ở khắp mười phương

Như vậy! hơi ánh lửa rực rỡ của Như Lai Vô Kiến Đỉnh Tướng đã thiêu cháy mọi NẮNG CHẤP, SỔ CHẤP hãy tỏa sáng rực rỡ khiến cho con được an trú trong sự gia trì này nhằm phá tan sự trì độn chậm chạp của Nội Chương và Ngoại Chương. Đồng thời khiến cho con dứt trừ được mọi tai nạn, thành tựu sự an vui tốt lành”

_Ngài Tây Khang Nặc Na Hô Đồ Khắc Đồ ghi nhận tên gọi khác của bài Chú này là Đại Hoả Luân Kim Cương chú và truyền dạy như sau:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM APRATIHATA-ŚASANĀNĀM
 OM_ KHA KHA _ KHAHI KHAHI _ HŪM HŪM _ JVALA JVALA _
 PRAJVALA PRAJVALA _ TIṢṬHA TIṢṬHĀ _ PHAṬ PHAṬ _ SARVA DURA-
 NIMITTA DURA-SVAPAM_ ŚĀNTIṀ KURU SVĀHĀ.

_Một số vị Đạo Sư Trung Hoa truyền dạy bài Chú này là

TIÊU TAI CÁT TƯỜNG THÂN CHÚ

ॐ षः म ष ॐ व ह ॐ
 म य (न ह न म म य ॐ
 न ह व ॐ व व
 व ह व ह ह ह
 ह व ह व य ह व
 य ह व (न ष (न ष
 ह (ह (ह ह
 ह ह म (न
 शी य म ह

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM APRATIHATA-ŚASANĀNĀM
 OM_ KHA KHA KHĀHI KHĀHI_ HŪM HŪM_ JVALA JVALA_
 PRAJVALA_ TIṢṬHĀ TIṢṬHĀ_ ṢṬIRI ṢṬIRI_ PHAṬ PHAṬ_ ŚĀNTIKA ŚRĪYE
 SVĀHĀ

◆ SIDDHI

Sự thành tựu

ॐ

- Hô

◆ HOḤ

Vui vẻ , hoan hỷ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

- Độ rô, tất độ rô

◆ DHURU SUDHURU

Bảo trì (ôm giữ) diệu bảo trì (khéo ôm giữ), lóe sáng, khéo lóe sáng

ॐ ॐ

- Chỉ li ba

◆ GARJA

Khó (cái kho)

ॐ ॐ

- Kiết li bà

◆ GARBHA

Tàng (nơi cất chứa che dấu)

ॐ ॐ ॐ

- Tất đạt rị

◆ SADHĀRI

Diệu trì (khéo cầm nắm)

ॐ ॐ

- Bồ rô rị

◆ PŪRṆI

Mãn túc (đầy đủ)

ॐ ॐ

- Ta phạ ha

◆ SVĀHĀ

Thành tựu Tự Tính an lạc của Đại Niết Bàn

Toàn bài Chú trên có thể diễn dịch là :

“Quy Y Phật Bảo

Quy Y Pháp Bảo

Quy y Tăng Bảo

OM! Vinh quang thay sự thành tựu! Hãy vui vẻ ôm giữ, khéo ôm giữ kho tàng Chân Như! Hãy khéo thành tựu Tự Tính an lạc của Đại Niết Bàn”

ॐ

Ta bà ha

* SVĀHĀ

Thành tựu vị an lạc của Đại Niết Bàn

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

“ Quy mệnh Bảy trăm triệu Chính Đẳng Chính Giác

Như vậy: Khi Thân, Khẩu, Ý hợp nhất với sự Giác Ngộ Phật Tính sẽ đi thẳng vào Tự Tính thanh tịnh của Tâm Bồ Đề và thọ nhận mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn”

Kinh **Chuẩn Đề Đà La Ni** ghi rằng:

Đức Phật nói: “Chú này hay diệt mười ác, năm Nghịch, tất cả tội chướng, thành tựu tất cả Công Đức của Pháp trắng. Người trì chú này, chẳng kể Tại Gia, Xuất Gia, uống rượu ăn thịt, có vợ con... chẳng chọn tịnh uế, chỉ y theo Pháp của Ta thì không có gì chẳng thành tựu. Chí tâm trì tụng hay khiến cho chúng sinh đoản mệnh được tăng thêm thọ mệnh với trừ vô lượng bệnh khổ, bệnh tật Ca Ma La còn được trừ khỏi huống chi là bệnh khác. Nếu chẳng tiêu mất khỏi bệnh, ắt không có chuyện đó.

Nếu tụng Chú này 108 biến, như vậy chẳng dứt, đủ 49 ngày thời mỗi khi có việc thiện ác, cát tường, tai biến, Chuẩn Đề Bồ Tát sai hai vị Thánh thường đi theo người ấy, hết thấy thiện ác, sở niệm của tâm ...đều mỗi mỗi báo đầy đủ ở bên tai

Nếu tụng Chú này hay khiến cho quốc vương, đại thần, trưởng giả, Bà La Môn... sinh tâm yêu kính, nhìn thấy liền vui vẻ, tùy theo ước nguyện của người ấy đều được thành tựu.

Nếu người không có phước, không có tướng ...cầu quan chẳng thuyên chuyển, nghèo khổ áp bức...thường tụng Chú này, hay khiến đời này được phước của Luân Vương, quan vị đã mong cầu đều sẽ vừa ý.

Nếu thường trì tụng thời nước chẳng thể cuốn chìm, lửa chẳng thể thiêu đốt. Thuốc độc, đao binh, oan gia, bệnh khổ đều chẳng thể hại

Nếu y theo Pháp, tụng đủ một trăm vạn biến, liền được đi đến tịnh thổ ở mười phương, trải qua phụng sự chư Phật, được nghe Pháp màu nhiệm, mau chứng Bồ Đề”

**THÁNH VÔ LƯỢNG THỌ
QUYẾT ĐỊNH QUANG MINH VƯƠNG ĐÀ LA NI**

Bài Chú này được ghi nhận chính thức tại hai bản Kinh trong Mật Tạng Bộ 2 là: **Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh** (số 956) và **Phật nói Kinh Đại Thừa Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Đà La Ni** (số 937) là:

“**Năng mô bà nga phộc đế, a bá lý nhĩ đá, dũ nghê-dã năng, tổ vĩ nĩnh, thất chỉ đất, đế tổ, la nhạ dã, đất tha nga đá dã, la hạ đế, tam ma đượ cật-tam một đà dã.**

Đát nễ-dã tha: Án, tát phộc tăng tặc-ca la, ba lý thuận đà, đạt lật ma đế, nga nga năng, tam mẫu nỗ nghiệt đế, sa-phộc bà phộc, vĩ thuận đệ, ma hạ năng dã, bà lý phộc lê, sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय

*) NAMO BHAGAVATE APARIMITA-AYURJÑĀNA-SUVINE-ŚCITA-TEJA-RĀJĀYA-TATHĀGATĀYA- ARHATE – SAMYAKSAMBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OM SAṂSKĀRA PARISUDDHA DHARMATE, GAGANA SAMUDGATE SVABHĀVA VIŚUDDHE, MAHĀ-NAYA PARIVĀRE _ SVĀHĀ

Còn bài **Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Đà La Ni** được ghi nhận trong Khóa tụng buổi sáng được lưu hành tại Việt Nam là:

“**Án, nại mo, bo cót ngòa đế, a ba na mật đạp, a ru rị a nạp, tô tát nễ, thật chấp đạp điệp tả, ra tể dã, đất thạp cả đạp dã, a ra ha tê, tam đượ tam bắt đạp dã**

Án, tát rị ba, tang tư cót rị, bót rị thuật đạp, đạp ra mã đế, ca ca nại, tam mã ngọt ca đế, tát ba ngòa, tỳ thuật đế, ma hắc na dã, bát rị ngòa rị, tóa hắc”

*) OM NAMO BHAGAVATE APARIMITA-AYURJÑĀNA-SUVINE-ŚCITA-TEJA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA- ARHATE-SAMYAKSAMBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OM SAṂSKĀRA PARISUDDHA DHARMATE, GAGANA SAMUDGATE SVABHĀVA VIŚUDDHE, MAHĀ-NAYA PARIVĀRE _ SVĀHĀ

Ý Nghĩa căn bản của bài Chú này là:

ॐ नम

Án nại mo

OM NAMO

Quy mệnh kính lễ

नमो भगवते

Bo cót ngòa đế

BHAGAVATE

Thế Tôn

नमो भगवते वासुदेवाय

A ba na mật đạp, a ru rị a nạp

APARAMITA-AJURJÑĀNA

Vô Lượng Thọ Trí

नमो भगवते वासुदेवाय

Tô tất nễ, thật chấp đạp điệp tả

SUVINE-ŚCĪTA TEJA

Quyết Định Quang Minh

𑀓𑀲𑀭𑀸

Ra tể dĩa

RĀJĀYA

Vương (Vua Chúa)

𑀓𑀲𑀭𑀸𑀓𑀲𑀭𑀸

Đát tháp cả đạt dĩa

TATHĀGATĀYA

Như Lai

𑀓𑀲𑀭𑀸𑀓𑀲𑀭𑀸

A ra ha tề

ARHATE

Ứng Cúng (A La Hán)

𑀓𑀲𑀭𑀸𑀓𑀲𑀭𑀸𑀓𑀲𑀭𑀸

Tam được tam bất đạt dĩa

SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Chính Đẳng Chính Giác

ॐ

Án

OM

Tam Thân quy mệnh

𑀓𑀲𑀭𑀸𑀓𑀲𑀭𑀸𑀓𑀲𑀭𑀸

Tất rị ba, tang tư cớ t rị

SARVA SAMSKĀRA

Tất cả sự cúng tế ở nhà (Gia Tế) hay tất cả hoạt động của tâm trí

𑀓𑀲𑀭𑀸𑀓𑀲𑀭𑀸

Bót rị thuật đạp

PARĪSUDDHA

Tối thượng thanh tịnh

𑀓𑀲𑀭𑀸𑀓𑀲𑀭𑀸

Đạt ra mã đế

DHARMATE

Pháp Tính

𑀓𑀲𑀭𑀸𑀓𑀲𑀭𑀸

Ca ca nại

GAGANA

Hư Không

𑀓𑀲𑀭𑀸𑀓𑀲𑀭𑀸

Tam mã ngọt ca đế

SAMUDGATE

Thắng thượng

𑀓𑀲𑀭𑀸𑀓𑀲𑀭𑀸

Tất ba ngõa

SVABHĀVA

Tự Tính

तिसुद्ध

Tỳ thuật đế

VISUDDHE

Thanh tịnh

महा नया

Ma hắc na dã

MAHĀ-NAYA

Rộng lớn bao la

परिवार

Bát rị ngõa rị

PARIVĀRE

Thắng nguyện

स्वाहा

Tóa hắc

SVĀHĀ

Thành tựu Tự Tính an lạc của Đại Niết Bàn

Toàn bài Đà La Ni trên có thể diễn dịch là:

**“Quy mệnh kính lễ Đức Thế Tôn VÔ LƯỢNG THỌ TRÍ QUYẾT ĐỊNH
QUANG MINH VƯƠNG Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác**

Như vậy : OM

Tất cả hoạt động Tâm Ý đều là Pháp Tính cực thanh tịnh

Thanh tịnh như Tự Tính thắng thượng của Hư Không

**Hãy phát khởi Thắng Nguyện rộng lớn để mau chóng đạt được sự an lạc
thanh tịnh của Đại Niết Bàn”**

Kinh Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai ghi rằng: “Nếu có chúng sinh được thấy Đà La Ni này với nghe danh hiệu mà chí tâm viết chép, thọ trì, đọc tụng, cúng dường, lễ bái thời người đoản thọ lại tăng thêm trường thọ, sống đủ trăm tuổi

Nếu lại có người, hoặc tự mình viết hoặc dạy người viết thời sau này chẳng bị rơi vào Địa Ngục, Quỷ đói, súc sinh, cõi Diêm La Vương, Nghiệp Đạo Minh Quan... vĩnh viễn chẳng ở trong các nẻo ác đó chịu quả báo ác ấy.

Nếu viết Chú này liền đồng với viết chép tám vạn bốn ngàn Pháp Tạng, liền đồng với việc tu sửa tám vạn bốn ngàn cái Tháp báu

Nếu có nghiệp Địa Ngục thuộc năm tội Vô Gián. Do sức công đức đó cho nên nhóm nghiệp chướng ấy thầy đều tiêu diệt. Lúc lâm chung thời 99 câu chi Phật hiện ngay trước mặt đến nghênh đón người đó vãng sinh ở trong quốc độ Phật ấy.

Lại viết Chú này thì sau này vĩnh viễn chẳng thọ nhận thân nữ, hàng Tứ Thiên Vương âm thầm hộ vệ.

Nếu nghe Chú này, vĩnh viễn chẳng thọ nhận thân của nhóm chim bay, loài có bốn chân, loài có nhiều chân... mau thành Vô Thượng Bồ Đề.

Bây giờ Đức Thế Tôn nói **Già Đà** (Gāthā: Kệ) đó là

Nếu vào trong tinh thất Đại Bi

Tại tạm nghe qua Đà La Ni

Giả sử sáu Độ chưa viên mãn

Người đó mau chứng Thiên Nhân Sư.

_Tạng Truyền Phật Giáo ghi nhận bài **Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang minh Vương Đà La Ni** là **Trường Thọ Phật Chú** và Ngài Tây Khang Nặc Na Hô Đồ Khắc Đồ truyền dạy bài Chú như sau:

OM NAMA (?NAMO) BHAGAVATE APARIMITA-ĀYURJÑĀNA-SUVINE-ŚCIDAHEJO (?SCITA-TEJA) RĀJAYA TATHĀGATAYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OM PŪṆYE PŪṆYE MAHĀ-PŪṆYE _ APARIMITA-PŪṆYE APARIMITE-PŪṆYE-JÑĀNA SAMBHĀROPA CITTE

OM SARVA SAṂSKĀRA PARISUDDHA DHARMATE GAGANA SAMUDGATE SVĀBHAVA (?SVABHĀVA) VIŚUDDHE _ MAHĀ-NAYA PARIVERE (?PARIVĀRE) _ SVĀHĀ.

Trì Chú này hay tăng trưởng Thọ Mệnh và Phước Tuệ, tiêu trừ tất cả tội nghiệp từ vô thủy đến nay. Sau khi chết vãng sinh về Tây phương.

_Ngoài ra các vị Đạo Sư Tây Tạng còn truyền dạy thêm bài **Vô Lượng Thọ Trường Chú** là:

OM VAJRA ĀYUṢE HŪM AḤ

OM PUNYE PUNYE MAHĀ-PUNYE APARAMITA-ĀYUR-PUNYA-JÑĀNA SAMBHĀROPACITE SVĀHĀ

OM NAMO BHAGAVATE APARAMITA-ĀYUR-JÑĀNA SUVINE ŚCITA TEJA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA TADYATHĀ: OM PUNYE PUNYE MAHĀ-PUNYE APARAMITA-PUNYA APARAMITA-PUNYA-JÑĀNA SAMBHĀROPACITE

OM SARVA SAṂSKĀRA PARISUDDHA DHARMATE GAGANA SAMUDGATE SVABHĀVA VIŚUDDHE, MAHĀ-NAYA PARIVĀRE SVĀHĀ

_Kinh ghi rằng: “Trì tụng **Trường Thọ Phật Chú Ngũ** hay tăng trưởng Thọ Mạng và Phước Đức Trí Tuệ, tránh khỏi cái chết đột ngột không đúng thời và chết yếu, ý ngoại thân vong, tiêu trừ tất cả tội nghiệp từ kiếp sâu xa đến nay, chứng Thành Tựu sự Bất Tử, cũng vãng sinh tịnh thổ cực lạc ở phương Tây”.

_**Trường Thọ Phật Pháp** lại xưng là **Trường Thọ Bách Tuế Pháp**, siêng tu Pháp này thì hay kéo dài Thọ Mệnh, tăng trưởng Tư Lương: Phước Đức, Trí Tuệ... cũng hay tòi diệt sự chết không đúng thời. Hết thấy tội chướng, mười ác, bốn nặng, năm vô gián trong thân thấy đều được tiêu tan hết

Tại Tây Tạng, rất nhiều người mong cầu được diên niên ích thọ, đều tham gia vào Pháp Hội của Trường Thọ Phật để cầu xin Đức Phật gia trì khiến cho mình được mạnh khỏe sống lâu

Lũ rô

* GURU

Nghĩa đen là “Sức nặng” nhằm chỉ một người tràn đầy đức tính kỳ diệu, thể hiện Trí Tuệ, hiểu biết, Từ Bi và phương tiện thiện xảo nên thường dịch là SU (vị Thầy)

𑖀 𑖄 𑖅

Thích lưu ly

* VAIDURYA

Ngọc Lưu Ly là thứ ngọc màu xanh biếc và trong vắt

𑖑 𑖔

Bát lạc bà

* PRABHA

Quang (ánh sáng)

𑖀 𑖄 𑖅

Hắc ra xà dã

* RĀJĀYA

Vương (vua chúa)

𑖀 𑖄 𑖅

Đát tha yết đa gia

* TATHĀGATĀYA

Như Lai

𑖀 𑖄 𑖅

A ra hắc đế

* ARHATE

A La Hán, Ứng Cúng (bậc xứng đáng thọ nhận vật cúng dường)

𑖀 𑖄 𑖅

Tam miệu tam bô đà gia

* SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Chính Đẳng Chính Giác

𑖀 𑖄 𑖅

Đát diệt tha

* TADYATHĀ

Như vậy, liền nói Chú là

𑖀

Án

* OM

Tam Thân quy mệnh. Chân Ngôn này được tuyên nói trong ánh sáng trên đỉnh đầu của Đức Dược Sư Như Lai nên OM có thể mang ý nghĩa là Quy mệnh như Lai Đỉnh Tướng

𑖀 𑖄 𑖅

Bệ sai thệ

* BHAIṢAIJYE

Như Dược (Thuốc) Đây là quán niệm Thiện Căn Dược, tức là thuốc trị Nghiệp Tật và biểu thị cho Ý MẬT

𑖀 𑖄 𑖅

Bệ sai thệ

* BHAIṢAIJYE

Như Dược. Đây là Chú Dược, tức là thuốc trị Quỷ Tật và biểu thị cho NGŨ MẬT

𑖀𑖩𑖪

Bệ sai xā

* BHAI, SAIJYA

Như Dược. Đây là Y Dược, tức là thuốc trị bệnh về bốn Đại và biểu thị cho THÂN MẬT

𑖀𑖩𑖪𑖫

Tam một yết đế

* SAMUDGATE

Thượng thắng, phát sinh, tự độ tha độ

Chân Ngôn này dùng chữ BHAI (𑖀) Làm Chung Tử. Trong chữ BHAI có chứa chữ BHA (𑖀) biểu thị cho các Âm Quán, tức là Tam Quán (GIẢ QUÁN, KHÔNG QUÁN, TRUNG QUÁN). Do Bản Thệ của Đức Phật này trừ tất cả các bệnh về : Quả Báo, nghiệp ác, kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc.... Nên Ngài có tên là DƯỢC SƯ.

Lại nữa chữ BHA mang nghĩa của các Quán tức Tam Quán, vì thêm nét trên đầu chữ nên biểu thị cho Tam Muội TAM CHỈ (3 sự chặn đứng). Do dùng Tam Chỉ Tam Quán Dược để diệt trừ bệnh của ba cõi (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới) nên được gọi là DƯỢC SƯ.

𑖀𑖩

Toá ha

* SVĀHĀ

Quyết định thành tựu. Nguyên xin Đức Dược Sư cho con quyết định thành tựu Chú này

Đây cũng là Cảnh Phát Bản Nguyên khiến cho tác chứng minh, cũng có nghĩa là Vô Trụ Niết Bàn. Do trừ bệnh của Ba Cõi khiến trụ nơi an lạc bí mật của ba Đức (Pháp Thân Đức, Trí Đức, Phước Đức) nên lại nói là: “Cho đến lúc chứng được Vô Thượng Bồ Đề “

Toàn Bài Chân Ngôn trên có thể diễn dịch là

**“Quy mệnh Đức Thế Tôn DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG VƯƠNG Như Lai
Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác**

Như vậy OM!

Xin Ngài hãy ban cho con thuốc diệt trừ bệnh Quả Báo, bệnh Nghiệp Ác, bệnh Kiến Tư, bệnh Trần Sa, bệnh Vô Minh để cho con mau chóng phát sinh được đạo quả Vô Thượng Bồ Đề”

Thất Phật Dược Sư Lưu ly Quang Bản Nguyên Công Đức Kinh, quyển Hạ ghi nhận là: “Bấy giờ, trong ánh sáng nói Chú này xong thì đại địa chấn động, phóng ánh sáng lớn, tất cả bệnh khổ của chúng sinh đều được tiêu trừ, thọ nhận niềm vui an ổn.

Này Mạn Thù Thất Lợi! Nếu thấy người nam, người nữ có bệnh khổ thì nên nhất tâm vì người bệnh ấy súc miệng sạch sẽ. Hoặc thức ăn, hoặc thuốc men, hoặc nước không có trùng... chú vào 108 biên rồi cho người ấy ăn uống thì hết thấy bệnh khổ thấy đều tiêu trừ.

Nếu có mong cầu, chỉ dùng tâm niệm tụng đều được như ý, không có bệnh, sống lâu, sau khi chết được sinh về Thế Giới ấy, được Bất Thoái Chuyển, cho đến Bồ Đề.

Chính vì thế cho nên, Mạn Thù Thất Lợi! Nếu có người nam, người nữ đối với Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, nên chí tâm ân trọng, cung kính, cúng dường, thường trì Chú này, đừng để quên mất.

Lại nữa, Mạn Thù Thất Lợi! Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện có niềm tin trong sạch được nghe hết thấy danh hiệu của bảy Đức Phật Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác như trên. Nghe xong, tụng trì, sáng sớm nhai nhấm Xỉ Mộc, tắm rửa, súc miệng sạch sẽ, đem các hương hoa, hương bột, hương đốt, hương xoa bôi, tấu các kỹ nhạc cúng dường hình tượng. Đối với Kinh Điển này, hoặc tự mình viết, hoặc dạy người viết, một lòng thọ trì, lắng nghe nghĩa ấy. Đối với vị Pháp Sư ấy cần phải cúng dường, tất cả hết thấy vật dụng của thân này thấy đều đem cho dùng để thiếu thốn. Như vậy liền được chư Phật hộ niệm, đầy đủ mọi nguyện cầu, cho đến Bồ Đề".

_Theo Mật Giáo Tây Tạng thì Bài Đại Chú có tên gọi là **Dược Sư Phật Chú** đồng thời có vài chỗ sai khác là :

OM NAMO BHAGAVATE BHAIṢAJYA GURU VAIDURYA PRABHA RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA (Quy mệnh kính lễ Đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác)

TADYATHĀ (Như vậy, liền nói Chú là)

OM (Quy mệnh)

BHAIṢAJYE (Như Thuốc)

BHAIṢAJYE (Như Thuốc)

MAHĀ-BHAIṢAJYA-RĀJA (Đại Dược Vương)

SAMUDGATE (Thăng Thượng)

SVĀHĀ (Ngài khéo nói như vậy)

Công đức của Bài Chú này chuyên trừ bệnh khổ, tăng thọ mệnh, miễn trừ nạn mưa đá, hay tiêu trừ tất cả tai nghiệp, sau khi chết được vãng sinh về Thế Giới Thanh Tịnh Lưu Ly, vĩnh viễn chẳng bị thoái chuyển, thẳng đến thành Phật



Theo sự truyền thừa khác thì bài Đại Chú Dược Sư là:

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*) NAMO BHAGAVATE BHAIṢAIJYA GURU VAIDŪRYA PRABHA RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

TADYATHĀ : OM_ BHAIṢAIJYE BHAIṢAIJYE BHAIṢAIJYA-RĀJA BHAIṢAIJYA-SAMUDGATA_ SVĀHĀ

[NAMO BHAGAVATE BHAIṢAIJYA GURU VAIDŪRYA PRABHA RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA (Quy mệnh Đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng, Chính Đẳng Chính Giác)

TADYATHĀ (Như vậy, liền nói Chú là)

OM (Tam thân quy mệnh)

BHAIṢAIJYE (Như thuốc. Đây là thuốc trị các bệnh về thân)

BHAIṢAIJYE (Như thuốc. Đây là thuốc trị các bệnh về Tâm)

BHAIṢAIJYA-RĀJA (Dược Vương Bồ Tát chuyên chữa trị các bệnh về thân thể và khuyến tấn Hành Giả thực hiện viên mãn Phước Đức)

BHAIṢAIJYA- SAMUDGATA (Dược Thượng Bồ Tát chuyên chữa trị các bệnh về Tâm và khuyến tấn Hành Giả thực hiện viên mãn Trí Đức)

SVĀHĀ (Quyết định thành tựu Phật Quả)]

QUÁN ÂM LINH CẨM CHÂN NGÔN

Bài Chú này không xác định được xuất xứ. Theo người soạn dịch thì bài Chú này được khai triển từ Pháp tu **Lục Tự Đại Minh Thần Chú** nhằm để tu tập Thiền Định, tinh luyện các Căn cho tinh sạch

“**Án, ma ni bát di hồng, ma hát nghê nha nạp tích đô đặc ba đạt, tích đặc ta nạp, vi đạt rị cát, át nhi cán nhi tháp, bóc rị tất tháp cát, nạp bồ ra nạp, nạp bóc rị, thuru thất ban nạp. Nại ma lô kiết thuyết ra gia, tóa ha**”

ॐ म॑म॒ प॒ञ्च॑ हूं॒ म॒ह॒ं क॒तु॒क॒रु॒तु॒ स॒व॒द॒ क॒रु॒मि॒न॒ वि॒द॒रि॒य॒ म॒ह॒ं
प॒रि॒स॒व॒य॒ न॒पु॒रु॒ न॒प॒रि॒ उ॒त्त॒प॒न॒ न॒मः॑ वृ॒क॒श्व॒र॒य॒ स्व॒हा

OM MAṆI PADME HŪM MAHĀ-JŪNĀNA-KETU SAVĀDA, KETU ŚANA, VIDHĀRIYA, SARVĀTHA PARISĀDHAYA NĀPURṆA NĀPARI, UTTĀPANĀ, NAMAḤ LOKEŚVARĀYA SVĀHĀ

Ý nghĩa căn bản của bài Chú này là:

ॐ म॑म॒ प॒ञ्च॑ हूं॒

Án, ma ni bát di hồng

*) OM MAṆI PADME HŪM

म॒ह॒ं क॒तु॒क॒रु॒तु॒ स॒व॒द॒

Ma hát nghê nha nạp tích đô đặc ba đạt

*) MAHĀ-JŪNĀNA-KETU SAVĀDA

Tính chất mâu nhiệm của cây phượng Đại Trí

क॒रु॒मि॒न॒

Tích đặc ta nạp

*) KETU ŚANA

Ngôi dưới cây phượng này

वि॒द॒रि॒य॒

Vi đạt rị cát

*) VIDHĀRIYA

Xa lìa sự chấp giữ

म॒ह॒ं प॒रि॒स॒व॒य॒

Tát nhi cán nhi tháp, bóc rị tất tháp cát

*) SARVĀTHA PARISĀDHAYA

Tác thành tựu trong khắp các cõi

न॒पु॒रु॒

Nạp bồ ra nạp

*) NĀPURṆA

Không có gì không đầy đủ

न॒प॒रि॒

Nạp bóc rị

*) NĀPARI

Không có gì có thể vượt hơn được

उ॒त्त॒प॒न॒

Thuru thất ban nạp

*) UTTĀPANĀ

Luyện căn, tinh luyện các căn làm cho trong sạch

न॒मः॑ वृ॒क॒श्व॒र॒य॒

Nại ma lô kiết thuyết ra gia

*) NAMAḤ LOKEŚVARĀYA

Quy mệnh Đức Thế Tụ Tại

ॐ

Tóa ha

*) SVĀHĀ

Thành tựu công Đức nội chứng của Ngài

Toàn bài Chú trên có thể diễn dịch là :

“**OM MAṆI PADME HŪM** là tinh chất màu nhiệm của cây phướng Đại Trí. Hãy ngồi dưới cây phướng ấy, xa lìa mọi sự chấp giữ mà tác thành tựu trong khắp các cõi. Hãy tinh luyện các Căn cho tinh sạch sao cho không có gì không làm đầy đủ và không có gì có thể vượt hơn được.

Con xin quy mệnh Công Đức nội chứng của Đức Thế Tụ Tại. Nguyện cho con được thành tựu như Ngài”



THẤT PHẬT DIỆT TỘI CHÂN NGÔN

Chân Ngôn này trích từ **Đại Phương Đẳng Đà La Ni Kinh**. Đức Thế Tôn nhân vào sự thỉnh cầu của **Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử**, nói câu Chú mà bảy Đức Phật quá khứ đã từng tụng qua. Nếu một người gây tạo bốn tội nặng, năm tội Nghịch thời chẳng những đời sau chịu khổ báo rất lớn mà đời này cũng chẳng được bình yên. Vì muốn tiêu diệt hết tội chướng đã gây, nên rất thích hợp trì tụng **Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn**

“Ly bà, ly bà đế, cầu ha, cầu ha đế, đà la ni đế, ni ha ra đế, tỳ lê ni đế, ma hà già đế, chân lăng càn đế, tóa bà ha”

ॠॡॢॣ।॥ ॠॡॢॣ।॥ ॠॡॢॣ।॥ ॠॡॢॣ।॥ ॠॡॢॣ।॥ ॠॡॢॣ।॥ ॠॡॢॣ।॥

REPA REPATE, KUHA KUHATE, TRANITE NIGALA RITE, VIMA RITE. MAHĀ-GATE ŚĀNTIM KRṬE SVĀHĀ

Ý nghĩa căn bản của Chân Ngôn này là:

ॠॡ

_ Ly bà

*) REPA

Đáng khinh, đê tiện, thấp kém, hèn hạ, dữ tợn, hung ác, tàn bạo, tàn nhẫn

ॠॡॢ

_ Ly bà đế

*) REPATE

Tình chất thấp hèn đáng khinh

ॠॡॢॣ

_ Cầu ha

*) KUHA

Vị chúa tể của sự giàu có phước lạc uy quyền, tức là Tài Thần KUBERA

ॠॡॢॣ।

_ Cầu ha đế

*) KUHATE

Tính chất cao quý phước lạc

ॠॡॢॣ।॥

_ Đà la ni đế

*) TRANITE

TARA: Vượt qua, băng qua, lối đi

NITE: Mang vác, điều khiển, phẩm hạnh, hướng dẫn chỉ đạo, cánh vận chuyển, thái độ hành động đứng đắn

TARA NITE viết gọn là TRANITE biểu thị cho nghĩa **Đường lối của phẩm hạnh**

ॠॡॢॣ।॥ ॠॡ

_ Ni ha ra đế

*) NIGALA RITE

NIGALA: Nuốt thức ăn, chịu đựng, cả tin, cầu xé, phá hủy, tiêu xài hoang phí

RITE: Di chuyển qua, đi theo, vận chuyển, kiến nghị, dòng nước, đuổi theo

NIGALA RITE: Tuân theo sự hấp thụ

ॠॡॢॣ।॥ ॠॡ

— Tỳ lô nễ đế

*) VIMA RITE

VIMA: Ánh sáng, sự xinh đẹp, mặt trăng, sự vinh quang, ánh sáng rực rỡ

RITE: Tuân theo

VIMA RITE: Tuân theo ánh sáng rực rỡ của sự vinh quang

𑖀𑖩𑖫𑖪

— Ma ha già đế

*) MAHĀ-GATE: Đại thú hướng, tức là lối nẻo rộng lớn

𑖀𑖩𑖫𑖪

— Chân lẳng kiên đế

*) ŚĀNTIM KRTE: Tác tức tai, hành động ngăn chặn tai họa

𑖀𑖩

— Toá bà ha

*) SVĀHĀ

Viên mãn Phước Trí

Toàn bài Chú trên có thể diễn dịch là: **“Mọi đường lối Phẩm hạnh của sự thấp hèn và tính chất thấp hèn đều tuân theo sự hấp thụ điều cao quý và tính chất cao quý mà vận chuyển thành ánh sáng rực rỡ vinh quang**

Đây là con đường rộng lớn hay chặn đứng mọi tai họa để viên mãn Phước Trí”

VÃNG SINH QUYẾT ĐỊNH CHÂN NGÔN

Chân Ngôn này còn có tên gọi là: **Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sinh Tịnh Độ Thần Chú** được trích ra từ Kinh **Tiểu Vô Lượng Thọ** do Tam Tạng **Câu Na Bạt Đà La** (Guna-bhadra) phiên dịch và được ghi nhận trong Đại Tạng Kinh, Tập 12, số 368) là

“Nam mô a di đà bà (1) dạ đá tha già đá (2) dạ đá địa (3) dạ tha. A di lợi (4) đô bà tỳ (5) A di lợi đá (6) tất đām bà tỳ (7) A di lợi đá (8) tỳ ca lan đế (9) A di lợi đá (10) tỳ ca lan đá (11) già di nị (12) già già na (13) chỉ đa, ca lệ (14) toa bà ha (15)”

ॐ नमो अमिताभया तथगतया
ॐ तद्यथा अमृतोद्भवो अमृता सिद्धाम्भवो अमृता विक्रान्ते अमृता
विक्रान्ता गमिने गगना किरति करे स्वहा

Namo amitābhāya tathāgatāya

Tadyathā: amṛtodbhave, amṛta siddhambhava, amṛta vikrānte, amṛta vikrānta gamine, gagana kirtti kare svāhā

Ý nghĩa căn bản của Chân Ngôn này là:

ॐ नमो अमिताभया

Nam mô a di đà bà dạ

* NAMO AMITĀBHĀYA

Quy mệnh Vô Lượng Quang (A Di Đà)

ॐ तद्यथा

Đá tha già đá dạ

* TATHĀGATĀYA

Như Lai

ॐ तद्यथा

Đa địa dạ tha

* TADYATHĀ

Như vậy, liền nói Chú là

ॐ अमृतोद्भवो

A di lệ đô bà tỳ

* AMṚTODDBHAVE (AMṚTA-UDDBHAVE)

Cam Lộ hiện lên

ॐ अमृतासिद्धोद्भवो

A di lệ đá tất đām bà tỳ

* AMṚTA SIDDHAM-BHAVE

Phát sinh thành tựu Cam Lộ

ॐ अमृताविक्रान्ते

A di lệ đá tỳ ca lan đá

* AMṚTA VIKRĀNTE

Cam Lộ dưng mãnh

ॐ अमृताविक्रान्तागमिने

A di lệ đá tỳ ca lan đá già di nị

* AMṚTA VIKRĀNTA GAMINE

Đạt đến Cam Lộ Dưng mãnh

ॐ तथहा

Già già na, chỉ đa ca lệ
* GAGANA KĪRTTI KARE

Rải đầy Hư Không
ॐ

Ta bà ha
* SVĀHĀ

Thành tựu cát tường
Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

“Quy mệnh A Di Đà Như Lai. Như vậy OM! Hiện lên Cam Lộ, phát sinh thành tựu Cam Lộ, Cam Lộ vững mạnh, đạt đến Cam Lộ vững mạnh, rải đầy Hư Không, thành tựu Cát Tường”

Tại Việt Nam thường dùng bản dịch của **Cầu Na Bạt Đà La** (Guṇa-bhadra). Nhưng thời gian gần đây thì dùng bản này [thay câu AMRṬA-SIDDHAM-BHAVE (phát sinh thành tựu Cam Lộ) bằng câu AMRṬA-SAMBHAVE (phát sinh Cam Lộ)] là:

ॐ नमो अमिताभया तथगतया
तद्यथा अमृतोद्भवो अमृता सम्भवे अमृता विक्रान्ते अमृता
विक्रान्ता गामिने गगना किर्त्ति कारे स्वहा
ॐ

Namo amitābhāya tathāgatāya
Tadyathā: amṛtodbhave, amṛta sambhave, amṛta vikrānte, amṛta vikrānta gamine, gagana kirtti kare svāhā

Ý nghĩa căn bản của Chân Ngôn này là:

“Quy mệnh A Di Đà Như Lai. Như vậy OM! Hiện lên Cam Lộ, phát sinh Cam Lộ, Cam Lộ vững mạnh, đạt đến Cam Lộ vững mạnh, rải đầy Hư Không, thành tựu Cát Tường”

_Bản dịch **Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đặc Sinh Tịnh Độ Thần Chú** của Tam Tạng **Cầu Na Bạt Đà La** ghi nhận là:

“Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện hay tụng Chú này thì Đức Phật A Di Đà thường trụ trên đỉnh đầu của người ấy, ngày đêm ủng hộ, không để cho Oan Gia được dịp thuận tiện hãm hại, đời này thường được an ổn, sau khi mệnh chung, tùy ý vãng sinh.....

Nếu muốn thọ trì Chú Pháp. Nhai nhấm cành Dương, Táo Đậu xúc miệng cho thơm. Ở trước tượng Phật, quỳ gối, chấp tay, ngày đêm sáu Thời đều tụng 21 biến, liền diệt được bốn tội **nặng**, năm tội **ngịch**, mười tội **ác**. Tội chê bai Phương Đăng... đều được trừ diệt, đời hiện tại đều được sự mong cầu, chẳng bị tất cả các Quỷ Thần ác gây náo loạn.

Nếu đủ 20 vạn biến liền cảm được mầm Bồ Đề sinh ra

Nếu đủ 30 vạn biến, liền nhìn thấy Đức Phật A Di Đà

_Thật ra bài Chân Ngôn trên chỉ là bản lược ra từ bài **A Di Đà Phật Thập Cam Lộ Đà La Ni**

ॐ नमो अमिताभया तथगतया
ॐ नमो अमिताभया तथगतया ॐ नमो अमिताभया तथगतया

नमो रत्न-त्रय-या नमो अ-र्या नमो अ-मि-त-भ-या नमो त-थ-ग-त-या नमो अ-र-ह-ते नमो स-म्य-क-स-म्ब-ु-ध-या नमो स-द-ध-ि-व-र-े नमो स-र्व-क-र्म-क-्ल-ेश-क-स-य-म-क-र-े नमो स-र्व-अ-र्थ-स-ा-ध-न-े नमो स-र्व-क-र्म-क-्ल-ेश-क-स-य-म-क-र-े

Namo ratna-trayāya

Namaḥ ārya amitābhāya tathāgatāya arhate samyaksambuddhāya

Tadyathā: amṛte, amṛtodbhave, amṛta sambhave, amṛtagarbhe, amṛta siddhe, amṛta teje, amṛta vikrānte, amṛta vikrānta gamine, amṛta gagana kirtti kare, amṛta duṇḍubhisvare, sarva artha sādhanē, sarva karma kleśa kṣayaṃ kare svāhā

[NAMO RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)

NAMAḤ (Kính lễ) ĀRYA (Thánh) AMITĀBHĀYA (Vô Lượng Quang) TATHĀGATĀYA (Như Lai) ARHATE (Ứng Cúng, Sát Tặc, Vô Sinh, A La Hán) SAMYAKSAMBUDDHĀYA (Chính Đẳng Chính Giác)

TADYATHĀ (Như vậy, liền nói Chú là)

OM (Cảnh giác)

AMṚTE (Cam lộ)

AMṚTA (Cam Lộ) UDBHAVE (Hiện lên)

AMṚTA (Cam Lộ) SAMBHAVE (Phát sinh)

AMṚTA (Cam Lộ) GARBHE (Tạng, kho tàng)

AMṚTA (Cam Lộ) SIDDHE (Thành tựu)

AMṚTA (Cam Lộ) TEJE (Uy quang, uy đức)

AMṚTA (Cam Lộ) VIKRĀNTE (Dũng mãnh)

AMṚTA (Cam Lộ) VIKRĀNTA (Dũng mãnh) GAMINE (Đạt đến được)

AMṚTA (Cam Lộ) GAGANA (Hur Không) KĪRTTI (Trương xướng) KARE (Tác làm, tạo tác)

AMṚTA (Cam Lộ) DUṆḌUBHI (Cổ, cái trống) SVARE (Âm Thanh)

SARVĀRTHA (Tất cả nghĩa lợi) SĀDHANE (Nghỉ thức thành tựu)

SARVA KARMA (Tất cả nghiệp) KLEŚA (Phiền não) KṢAYAM (cùng tận, không còn sót) KARE (Tạo tác)

SVĀHĀ (Quyết định thành tựu, thọ hưởng mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn)

Toàn bài Đà La Ni trên có thể diễn dịch là:

“ Quy mệnh Tam Bảo

Kính lễ Thánh Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Như vậy: Hỡi Cam Lộ! Hiện lên Cam Lộ. Phát Sinh Cam Lộ. Kho Tàng Cam Lộ. Thành tựu Cam Lộ. Cam Lộ Uy Quang. Cam Lộ Dũng mãnh, đạt đến Cam Lộ Dũng Mạnh. Rải đầy hư không Cam Lộ. Âm thanh của tiếng trống Cam Lộ, thành tựu tất cả nghĩa lợi khiến cho tất cả nghiệp không còn phiền não, thọ hưởng mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn”]

Kinh Vô Lượng Thọ Như Lai Niệm Tụng Nghi ghi rằng: "Vừa mới tụng Đà La Ni này một biên liền diệt tội: mười ác, bốn nặng, năm Vô Gián trong thân. Tất cả Nghiệp Chương thấy đều tiêu diệt

Nếu Bất Sô, Bất Sô Ni phạm tội căn bản, tụng bảy biến xong thời trở lại được Giới Phẩm thanh tịnh. Tụng mãn một vạn biến đắc được Tâm Bồ Đề chẳng quên, Tam Ma Địa Bồ Đề Tâm hiển hiện ánh sáng tròn trịa (viên minh) sáng tỏ trong thân giống như trăng trong. Lúc lâm chung thời thấy Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** cùng với vô lượng câu chi Bồ Tát chúng hội vây quanh đi đến nghênh đón Hành Giả, an ủi thân tâm, liền sinh về Thế Giới Cực Lạc, Thượng Phẩm Thượng Sinh, chứng địa vị của Bồ Tát"

THIỆN NỮ THIÊN CHÚ

Bài Chú này do Đại Cát Tường Thiên Nữ (Śrī-mahā-devī) tuyên nói và được ghi nhận trong Kinh Kim Quang Minh, Phẩm 17 Tăng Trưởng Tài Vật là:

“Nam mô Phật Đà gia

Nam mô Đạt Ma gia

Nam mô Tăng Già gia

Nam mô Thất li, ma ha đề tỳ gia

Đát nễ dā tha: Ba li phú lâu na, giá li Tam mạn đà, đạt xá ni Ma ha tỳ ra ha đế Tam mạn đà, tỳ ni già đế Ma ha ca li dā ba nễ Ba ra ba nễ Tát li phạ lật tha, tam mạn đà, tu bát lê đế, phú lệ na A li na, đạt ma đế Ma ha tỳ cổ tất đế Ma ha di lạc đế Lâu phả tăng kỳ đế Hê đế tỳ Tăng kỳ hê đế Tam mạn đà, a tha a nậu đà la ni

ॐ बुद्धाय

ॐ धर्माय

ॐ संघाय

ॐ श्री महादेव्यै

गुरुपुत्रं वल्लभं समं दक्षिणं मन्त्रं वरुणं गगनं समं वरुणं गगनं मन्त्रं कुरुपुत्रं सुपुत्रं मन्त्रं सुपुत्रं मन्त्रं वरुणं मन्त्रं वरुणं मन्त्रं उपसंभवे कुरुपुत्रं मन्त्रं सुपुत्रं वरुणं

NAMO BUDDHĀYA

NAMO DHARMĀYA

NAMO SAMGHĀYA

NAMO ŚRĪ MAHĀ-DEVĀYA

TADYATHĀ: PARIPŪRṆA CALE, SAMANTA DARŚANI, MAHĀ-VIHARA GATE, SAMANTA VIDHĀNA GATE, MAHĀ-KĀRYA-PATI, SUPARIPŪRE SARVATHĀ SAMANTA SUPRATI PŪRṆA, AYANA DHARMATE, MAHĀ-VIBHAṢITE, MAHĀ-MAITRE, UPASAMḤHITE HE! TITHU, SAṂGRHITE, SAMANTA ARTHA ANUPALANI

Kinh này còn ghi chú là: SVĀHĀ nghĩa là tán khur. Vì Chú này cầu tài vật nên không có SVĀHĀ bởi lẽ điều này chẳng dính với SVĀHĀ

Ý nghĩa căn bản của bài Chú này là:

ॐ बुद्धाय

Nam mô Phật Đà gia

*) NAMO BUDDHĀYA

Quy y Phật

ॐ धर्माय

Nam mô Đạt Ma gia

*) NAMO DHARMĀYA

Quy y Pháp

ॐ संघाय

Nam mô Tăng Già gia

*) NAMO SAMGHĀYA

Quy y Tăng

ॐ श्री महादेव्यै

Nam mô Thất li, ma ha đề tỳ gia

*) NAMO ŚRĪ-MAHĀ-DEVĀYA

Quy y Cát Tường Đại Thiên

𑖀𑖄𑖂𑖄

Đát nễ dā tha

*) TADYATHĀ

Như vậy, liền nói Chú là

𑖂𑖀𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄

Ba lị phú lâu na, giá lị

*) PARIPŪRṆA CALE

Lay động sự thẳng mãi

𑖂𑖀𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄

Tam mạn đà, đạt xá ni

*) SAMANTA DARŚANI

Nhìn thấy khắp cả

𑖂𑖀𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄

Ma ha tỳ ra ha đế

*) MAHĀ-VIHARA GATE

Đường lối phân ly rộng lớn

𑖂𑖀𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄

Tam mạn đà, tỳ ni già đế

*) SAMANTA VIDHĀNA GATE

Đường lối kết hợp hình thành rộng lớn

𑖂𑖀𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄

Ma ha ca lị dā ba nễ

*) MAHĀ-KARYA-PATI

Đại tác nghiệp Chủ

𑖂𑖀𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄

Ba ra ba nễ

*) SUPARIPŪRE

Đều khéo đầy đủ

𑖂𑖀𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄

Tát lị phạ lật tha, tam mạn đà, tu bát lê đế, phú lệ na

*) SARVĀRTHA SAMANTA SUPRATI PŪRṆA

Khắp tất cả mọi nơi khéo viên mãn tối thù thắng

𑖂𑖀𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄

A lị na, đạt ma đế

*) AYANA DHARMATE

Lý Thú Pháp Tính

𑖂𑖀𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄

Ma ha tỳ cổ tất đế

*) MAHĀ-VIBHAṢITE

Tính chiếu diệu rộng lớn

𑖂𑖀𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄

Ma ha di lạc đế

*) MAHĀ-MAITRE

Đại Từ

𑖂𑖀𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄

Lâu phả tăng kỳ đê

*) UPASAMHITE

Gần gũi thân cận lợi ích chân chính

ॠ (ॠॡ)

Hê đê tỷ

*) HE! TITHU

Mừng thay! Đáng ban rải yêu thương

ॠ (ॠॡ)

Tăng kỳ hê đê

*) SAMGRHITE

Chân chính trì giữ lợi ích

ॠ (ॠॡ)

Tam mạn đà, a tha a nậu đà la ni

*) SAMANTA ARTHA ANUPALANI

Giữ gìn lợi ích của cải cho khắp cả

_ Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

(Quy y Phật

Quy Y Pháp

Quy Y Tăng

Quy Y Cát Tường Đại Thiên

Như vậy : Hỡi Đáng Quyền Năng hay ban bố sự viên mãn thù thắng!

Đáng Chủ Tể Đại Tác Nghiệp hay nhìn thấy khắp cả nẻo phân ly rộng lớn và nẻo kết hợp rộng lớn

Hãy khéo léo làm cho tất cả mọi nơi đều được đầy đủ

Hãy khiến cho khắp tất cả mọi nơi đều được sự viên mãn thù thắng tối thượng

Hãy thể hiện lòng Đại Từ làm cho Lý Thú Pháp Tính phóng tỏa ánh sáng màu nhiệm rộng lớn khiến cho con và chúng sinh được thích ứng với sự lợi ích chân chính

Mừng thay Đáng biểu hiện của lòng yêu thương!

Đáng chân chính gìn giữ sự lợi ích

Hãy giúp cho con và chúng sinh đều gìn giữ được khắp mọi tài sản lợi ích)

_ Truyền thống khác ghi nhận bài Chú này là:

NAMO BUDDHĀYA

NAMO DHARMĀYA

NAMO SAṄGHĀYA

NAMO ŚRĪ MAHĀ-DEVĪYA

TADYATHĀ: (OM) PARI-PŪRṆA-CARE, SAMANTA DARŚANE, MAHĀ-VIHĀRA GATE, SAMANTA VIDHĀ-MANE, MAHĀ-KĀRYA-PRATI-ṢṬHĀPANE SARVĀRTHA-SĀDHNE, SUPRATI-PŪRE, ĀYĀNA DHARMATĀ , MAHĀ-AVIKOPITE, MAHĀ-MAITRĪ, UPA-SAMHITE, MAHĀ-KLEŚE SU-SAMGRHĪTE, SAMANTĀRTHA ANUPĀLANE SVĀHĀ

.)Ý nghĩa của **Đại Thân Chú** này là:

Namo buddhāya: Quy y Phật đấng

Namo dharmāya: Quy y Pháp đấng

Namo saṅghāya: Quy y Tăng đấng

Namo śrī-mahā-devīya: Quy y Cát Tường Đại Thiên Nữ đấng

Tadyathā: Như vậy, liền nói Chú là
Om: Nhiếp triệu
Pari-pūrṇa-care: Viên Mãn Hành, thực hiện tròn đủ
Samanta-darśane: có thể thấy tràn khắp
Mahā-vihāra-gate: Đại Trú Xứ Bỉ Ngạn, bờ bên kia của trú xứ to lớn
Samanta-vidhā-mane: Ý niệm dạy bảo khắp
Mahā-kārya: Đại Sự Nghiệp, sự nghiệp to lớn
Prati-ṣṭhāpane: An trụ
Sarvārtha-sādhane: Tất cả nhiều ích, lợi ích
Suprati-pūre: Khéo đầy đủ, cứu cánh viên mãn
Āyāna-dharmatā: tiếp cận Pháp Tính
Māha-avikopite: Đại bất thoái, đại bất hoại
Mahā-maitrī: Đại Từ
Upa-saṃhīte: Gần gũi thân cận lợi ích chân chính
Mahā-kleśe-su-saṃgrhīte: khéo chân chính giữ gìn lợi ích bên trong **sự Phiền**
Não rộng lớn (Đại phiền não)
Samantārtha anupālāne: Giữ gìn lợi ích của cải cho khắp cả
Svāhā: Đem đến sự tốt lành

_Kinh **Kim Quang Minh** ghi nhận là: “Đối với Thần Chú này, hoặc những kẻ tụng, người nghe, với ai dâng hương cúng hoa, phàm muốn cần dùng điều chi, như vàng bạc, châu, báu. Trâu, dê, ngũ cốc tất cả vật dụng, thì đều được đủ cả”.

BÁT NHÃ TÂM KINH

Bát Nhã Tâm Kinh, nguyên bản xưa nhất là Phạn văn ghi bằng Thư pháp Tất Đàn (Sidham) trên lá bối. Hiện nay có một lược bản (bản ngắn) được tồn trữ tại Trường Cốc Tự (Hasadera) và một lược bản Tất Đàn khác tại Pháp Long Tự (Hōryūjo) trong Thành Nara của Nhật Bản. Truyền thuyết cho rằng Tổ **Bồ Đề Đạt Ma** (Bodhi Dharma) mang cả hai bản này đến Trung Hoa rồi từ đó truyền qua Nhật.

Theo truyền thống Hoa Văn thì bản dịch sớm nhất là của Chi Khiêm năm 223 nhưng đã thất lạc. Các Bản Kinh còn lại là :

1) MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA CHỦ KINH do Ngài Tam Tạng **Cưu Ma La Thập** dịch trong đời Diêu Tần vào khoảng năm 402_412

2) BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH do Ngài Tam Tạng Pháp Sư **Huyền Trang** phụng chiếu dịch vào đời Đường , năm 649

3) PHẬT THUYẾT BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH do Ngài Tam Tạng Pháp Sư **Nghĩa Tịnh** dịch năm 700 giống như Bản của Ngài Huyền Trang, chỉ có phần Chú thì dùng Thư pháp Tất Đàn chứ không dịch âm và kèm theo một đoạn về công năng của Chú như sau:

Liên nói Chú là: GATE GATE PĀRAGATE PĀRASAMGATE BODHI SVĀHĀ
(Công năng): *Tụng Kinh này phá mười ác, năm nghịch, 95 loại Tà Đạo. Nếu muốn cúng dường chư Phật mười phương, báo đáp ân sâu của chư Phật mười phương nên tụng **Quán Âm Bát Nhã** một trăm biến, ngày đêm không gián đoạn, thường tụng Kinh này ắt không có nguyện gì không đạt kết quả.*

Cả 3 bản này đều là Lược bản, riêng bản của Ngài Huyền Trang lưu loát hơn cả nên được phổ biến

Lại còn có các bản dài (Quảng bản) là

4) PHỔ BIẾN TRÍ TẠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH do Ngài **Pháp Nguyệt** (Dharma-candra) dịch vào năm 732 trong Đời Đường

5) BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH do Sa Môn **Pháp Nguyệt** dịch, tuy trùng tên với người dịch Bản trên nhưng nội dung hai bản khác nhau

6) BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH do Ngài **Bát Nhã** (Prajña) và Ngài Lợi Ngôn dịch năm 790 trong Đời Đường

7) BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH do Ngài **Trí Tuệ Luân** (Prajñā cakra) dịch năm 850 trong Đời Đường

8) BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH do Ngài **Pháp Thành** dịch năm 856. Bản này được tìm thấy ở Đôn Hoàng

9) PHẬT THUYẾT THÁNH PHẬT MÃU BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH do Ngài **Thi Hộ** dịch năm 980 trong Đời Tống

10) BẠC GIÀ PHẠM MÃU TRÍ TUỆ ĐÁO BỈ NGẠN TÂM KINH do Ngài Kim Cương Thượng Sư **Cống Cát Pháp Sư Tử** dịch

12) MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH là bản dịch đời Khang Hy năm 1723

Ngoài ra còn có hai bản dịch âm Phạn bằng Hoa văn do Ngài **Đại Giác** Thiền Sư dịch trong Đời Tống và một bản của Ngài **Huyền Trang** được tìm thấy trong Động đá ở Đôn Hoàng. cả hai Bản này đều là Lược Bản.

Bên phía Âu Học, Bát Nhã Tâm Kinh được dịch sang Anh Ngữ, Đức Ngữ, Pháp Ngữ. Người đầu tiên khám phá ra hai bản Tất Đàn là học giả **Nanjō Bunjin** nhưng ông chỉ tập thành mà không phiên dịch ra Anh Văn, đăng trong Anecdota Oxoniensia (1884) ngoài ra còn có **HL Feer** chỉ tập thành và chú giải Quảng Bản in trong

L'essence de la Science transcendante en 3 langues Tibetain, Sancrit, Mongol (Paris 1886). Đến năm 1894 **F.Max Muller** là người đầu tiên tập thành và dịch cả hai loại Quảng Bản với Lược Bản theo thư pháp Devanagari ra Anh văn và in trong Sacred Books op East tập 49. Ông **Shaku Hanya** dịch ra lần thứ hai và in vào năm 1923. Năm 1934 Bác sĩ **DT Suzuki** cũng dịch lại và in trong bộ “Thiền Luận”. Sau đó **Ed-ward Conze** tập thành hai bản kinh này bằng thư pháp Devanagari mới được ông tìm thấy ở Bắc Ấn đồng thời đưa ra một bản dịch khác vào năm 1948.

Riêng về Việt Học, nhiều bậc Thượng Căn Đại Đức đã dịch Bản Hán Văn của Ngài **Huyền Trang** ra Việt Văn qua các thể loại như văn xuôi, thơ song thất lục bát, thơ lục bát... và ghép vào mỗi thời khóa tụng niệm để hướng dẫn Phật Tử Việt Nam trì niệm để hiểu ý nghĩa bài TÂM KINH BÁT NHÃ dễ dàng và mau chóng hơn

Trong phần ghi chép này, tôi xin phục hồi lại bản Phạn âm **Bát Nhã Tâm Kinh** do Đức Quán Thế Âm Bồ Tát truyền trực tiếp cho Đường Tam Tạng Pháp Sư Ngài **Huyền Trang** được lưu giữ trong động đá ở Đôn Hoàng, đồng thời chú giải Thần Chú Bát Nhã

BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

(Bản Đường Phạn phiên đối tự âm, được lưu giữ trong động đá ở Đôn Hoàng)

Bản Phạn văn do Đức Quán Thế Âm Bồ Tát truyền trực tiếp cho Đường Tam Tạng Pháp Sư HUYỀN TRANG

Dịch âm Hán Việt: HUYỀN THANH

Bát-la nga nhương bả la nhĩ đá ngật-ly na dã tố đất-lam (Bát nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh)

A li-dã phộc lộ chỉ đế thấp phộc lộ mạo địa sa đất một nghiêm tị lam, bát-la nga nhương bát la di đá tả li-diêm. Tả la ma nô vĩ-dã (Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát, thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa hạnh, hành thời)

Phộc lô ca đế sa-ma bạng tả tắc kiến đà sa đất thất-tả sa phộc bà thú nễ-diêm bá thất-dã đế sa-ma (Chiếu kiến ngũ uẩn tự tính không, kiến)

Y hạ xả li bồ đất-la (Thử Xá Lợi Tử)

Lộ bạng thú nễ diêm (Sắc Không)

Thú nễ-dã đối phộc lộ bạng (Không Tính thị sắc)

Lộ bả năng bỉ-lật tha thú nễ-dã đa (Sắc bất dị Không)

Thú nễ-dã đá dã năng bỉ-lật tha tát-lộ bạng (Không diệt bất dị sắc, thị sắc)

Dạ nô-lộ bạng sa thú nễ-dã đá (Bi Không)

Dạ thú nễ-dã đá sa lộ bạng (Thị không bỉ sắc)

Ế phộc nhĩ phộc phệ na năng tán nga nhương tán sa ca la vĩ nga nhương nẫm (Nhu thọ tướng hành thức)

Y hạ xả li bồ đất-la (Thử Xá Lợi Tử)

Tát la phộc đạt ma thú nễ-dã đá lạc khát-xoa noa (Chư Pháp không tướng)

A nô đá-bả (Bất sinh)

Năng a ninh lộ đà (Bất diệt)

A ma la (Bất cấu)

A vĩ ma la (Bất tịnh)

A nô năng (Bất giảm)

A bả li bồ la noa (Bất tăng)

Đá sa một, xả li bồ đất-la (Thị cố Xá Lợi Tử)

Thú nễ-dã đá diêm năng lộ bạng (Không trung vô sắc)

Năng phệ na năng (Vô thọ)

Năng tán nga-nhương (Vô tướng)

Năng tán sa ca-la (Vô hành)

Năng vĩ nga-nhương nẫm (Vô thức)

Năng chiết khát xô thú lộ đất-la ca-la noa nễ hạ phộc, ca ma năng lạc (Vô nhãn nhĩ tỵ thiệt thân ý)

Năng lộ bạng nhiếp na ngạn đà la sa bả-la sắt tra vĩ-dã đạt ma (Vô sắc thanh hương vị xúc pháp)

Năng chước khát-sô đà đô (Vô nhãn giới)

Li-dã phộc năng ma nô nga nhương-nga nẫm đà đô (Nãi chí vô ý thức giới)

Năng vĩ nễ dã (Vô Vô minh)

Năng vĩ nễ dã khát xoa dụ (Vô vô minh tận)

Dã năng nhạ la ma la nẫm (Nãi chí vô lão tử)

Năng nhạ la ma la noa khát xoa dụ (Vô lão tử tận)

Năng nậu khứ sa một na dã ninh lộ đà ma li nga nẫm (Vô khổ tập diệt đạo)

Năng nga nương nãm (Vô Trí)
Năng bát-la bỉ đế (Vô đắc)
Năng tị sa ma (Vô chứng)
Đá sa một, na bát-la bỉ-đế đất phọc (Dĩ vô sở đắc cố)
Mạo địa sa đất phọc nãm. Bát-la nga-nương bả la di đá ma thất-lị đễ-dã vĩ
hạ la đễ-dã (Bồ Đề Tát Đỏa, Bát Nhã Ba La Mật Đa y u trú)
Chỉ đá phọc la noa (Tâm vô quái ngại tâm)
Chỉ đá phọc la noa năng tất đễ đất-phọc (Quái ngại vô hữu cố)
Na hãn-lị tố-đô (Vô khủng bố)
Vĩ bả lị-dã sa đễ gia loan đá (Điên đảo viễn ly)
Ninh sắt tra ninh lị dã-phọc nãm (Cứu cánh Niết Bàn)
Đễ lị-dã đà-phọc vĩ-dã phọc tất thể đá sa phọc một đà (Tam thế sở kinh chư
 Phật) **Bát-la nga-nương bả la di đá ma thất-lị đễ-dã** (Bát Nhã Ba La Mật Đa y u) **A**
nậu đa loan sâm miệu-dã một địa ma tử miệu một đà (Vô thượng chính đẳng chính
 giác hiện chứng)
Đá sa-một nga-nương đá vĩ diễn (Thị cố ưng tri)
Bát-la nga-nương bả la di đá ma hạ mãn đất la (Bát Nhã Ba La Mật Đa đại
 chú)
Ma Hạ vĩ nễ-dã mãn đất la (Đại Minh Chú)
A nậu đá la mãn đất la (Vô thượng chú)
A sa ma sa ma mãn đất la (Vô đẳng đẳng chú)
Tất phọc nậu khư bát-la xả năng (Nhất thiết khổ chỉ tức)
Sa đễ dã ma di tán-lị dã đất-phọc (Chân thật bất hư)
Bát-la nga-nương bả la di đa mục khuất cầu mãn đất lam (Bát Nhã Ba La
 Mật Đa thuyết)
Đất nễ-dã tha: Nga đế, nga đế, bả la nga đế, bả la tăng nga đế, mạo địa, sa
phọc hạ

18/11/1997

पञ्च परमिग हृदय सूत्रं
PRAJNĀ-PĀRAMITA-HRDAYA SŪTRAM

Phạn âm do Đức Quán Tự Tại Bồ Tát truyền trực tiếp cho Pháp Sư HUYỀN TRANG

Phục hồi và chú thích Phạn Văn: HUYỀN THANH

अर्यावलोकिश्वर बोधिसत्व

ĀRYA-AVALOKITEŚVARA BODHI-SATVA (Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát)

गम्भीरं पञ्च परमिग वृत्तं

GAMBHĪRĀM PRAJÑĀ-PĀRAMITA-CARYĀM (Thâm thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa Hạnh: Hạnh Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm sâu)

चराम्

CARAMAÑO (vào lúc tu hành)

व्यावलयति स्म

VYAVALOKAYATI SMA (Quán sát rõ ràng xong)

पञ्च स्कन्ध संज्ञा स्वभाव सुशुचि पञ्च

PAMCA-SKANDHA-STA-ŚCA SVABHĀVA ŚŪNYA PAŚYATI SMA (Soi thấy tự tính của nhóm năm uẩn đều Không)

ॐ न शिरोपुत्र

ĪHA ŚĀRIPUTRA! (Nói với ông Xá Lợi Tử)

रूपं सुशुचि

RŪPAM ŚŪNYAM (Sắc là Không)

सुशुचि वै रूपं

ŚŪNYATA IVA RĪPAM (Không Tính cũng là Sắc)

रूपं न पृथक् सुशुचि

RŪPAM NA PRTHAK ŚŪNYATĀ (Sắc chẳng khác với Không Tính)

सुशुचि न एव पृथक् रूपं

ŚŪNYATĀ YĀ NA PRTHAG RŪPAM (Không Tính cũng chẳng khác với Sắc)

यद रूपं स सुशुचि

YAD RŪPAM SĀ ŚŪNYATĀ (chính Sắc là Không Tính)

एव सुशुचि स रूपं

YĀ ŚŪNYATĀ SĀ RŪPAM (chính Không Tính là Sắc)

एवम एव वेदानां सम्यक् संज्ञां विज्ञानं

EVAM EVA VEDANĀ SAMJÑĀ SAMSKĀRĀ VIJÑĀNĀM (Thọ, Tướng, Hành, Thức cũng đều như vậy)

ॐ न शिरोपुत्र

ĪHA ŚĀRIPUTRA! (Này Xá Lợi Tử)

सर्वं धर्मं सुशुचि लक्षणवत् सर्वं अज्ञं अमलं अपारिपूरणं

SARVA DHARMA ŚŪNYATA

(Không Tính của tất cả Pháp) ALAKṢAṆA (vô tướng) ANUTPANNĀ (chẳng sinh) ANIRUDDHĀ (chẳng diệt) AMALĀ (chẳng cấu nhiễm) AVIMALĀ (chẳng lia cấu nhiễm) ANUNA (chẳng giảm) APARIPŪRAṆA (chẳng tăng)

गम्भीरं पञ्च

TASMAI ŚĀRIPUTRA! (Như vậy, Xá Lợi Tử)

इत्युच्यते

ŚŪNYATĀYĀM (Trong Không Tính)

न रूपा

NA RŪPAM (không có Sắc)

न वेदान

NA VEDANĀ (không có Thọ)

न संज्ञा

NA SAMJÑĀ (không có Tưởng)

न संस्कार

NA SAMSKĀRĀ (không có Hành)

न विज्ञान

NA VIJÑĀNĀM (không có Thức)

न चक्षुःश्रोत्रं चक्षुः श्रोत्रं चक्षुः

NA: CAKṢUḤ ŚROTRA GHRĀṆA JIHVA, KĀYA MANOJÑĀḤ (không có: Nhãn, Nhĩ, Ty, Thiệt, Thân, Ý)

न रूपा रसं गन्धं रसं गन्धं धर्मं

NA: RŪPA ŚABDA GANDHA RASA SPRASṬAVYA DHARMA (không có: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp)

न चक्षुःश्रोत्रं चक्षुः श्रोत्रं चक्षुः

NA: CAKṢU-DHĀTUR YAVAN NA MANOVIJÑĀNA-DHĀTU (không có Nhãn Giới cho đến không có Ý Thức Giới)

न विद्या न अविद्या कस्य चित्तं चक्षुः श्रोत्रं चक्षुः

NA VIDYĀ NA AVIDYĀ-KṢAYO (không có Vô Minh, không có Vô Minh tận) YAVAN NA JARĀ MARANAM NA JARĀ-MARANAM-KṢAYO (cho đến không có Lão Tử, không có Lão Tử tận)

न दुःखं समुदायं निरोद्धा मार्गं

NA: DUḤKHA SAMUDAYA NIRODDHA MĀRGĀNĀM (không có: Khổ, Tập, Diệt, Đạo)

न ज्ञानं

NA JÑĀNĀM (không có Trí)

न प्राप्ति

NA PRĀPTI (không có Đắc)

न अभिसमया

NA ABHISAMAYAḤ (không có Chứng)

न चक्षुःश्रोत्रं चक्षुः श्रोत्रं चक्षुः श्रोत्रं चक्षुः

TASMAI! NA PRĀTITVA (Như vậy, nhờ không có sở đắc) BODHISATVĀNĀM (Các vị Bồ Tát) PRAJÑĀ-PĀRAMITAM (Bát Nhã Ba La Mật) ĀŚRITYA (Y cứ) VIHĀRATYA (cư trú) ACITTA-AVARAṆA (không có Tâm chướng ngại)

अकिं चक्षुःश्रोत्रं चक्षुः श्रोत्रं चक्षुः

ACITTA-AVARAṆA (không có Tâm chướng ngại) NA STITVAD (Không có sở hữu) ASTRASṬO (sợ hãi) VIPARYĀSA (điên đảo) TIKRĀNTA (Quá khứ hay đã xa lìa hẳn)

निश्चिन्ना

NIṢṬITA (Cứu cánh) NIRVĀṆA (Niết Bàn)

श्रु व शु व क्षु नः स रं व ङः

TRYA-DHVA (Ba đời) VYAVASTHITAH (sở hữu) SARVA BUDDHĀḤ (tất cả Phật)

प ङ्ग प रं (म नं प णि णु

PRAJÑĀ-PĀRAMITĀM (Bát Nhã Ba La Mật Đa) ĀŚRITYA (Y cứ)

अ नु त्त रं स म्य क् स व (अ म र्क णं व ङः

ANUTTARĀ-SAMYAKSAM̐BODHIM (Đắc Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác) ABHISAMBUDHĀḤ (Hiện thành Chính Giác, chứng đắc, sở chứng)

न ङ्ग ङ्ग न णु

TASMAI! JÑĀTA VYA (Như vậy, nên biết)

प ङ्ग प रं (म नं म नु म नु (अ णु म नु अ नु त्त रं म नु अ म म म म म नु

स रं ङः व प णि म नः स णु म (अ णु ङ्ग अ णु प ङ्ग प रं (म नं म नु म नु

PRAJÑĀ-PĀRAMITĀ (Bát Nhã Ba La Mật Đa) MAHĀ-MANTRA (Đại Chú) MAHĀ-VIDYĀ-MANTRA (Đại Minh Chú) ANUTTARA-MANTRA (Vô Thượng Chú) ASAMASAMA-MANTRA (Vô đẳng đẳng Chú) _ SARVA DUḤKHA (tất cả khổ) PRASĀMANAḤ (chận đứng) SATYAM (chân thật) AMITHYA (không có Tà bậy, Giả dối) TVĀK (Nên nói) PRAJÑĀ-PĀRAMITĀ MUKTO-MANTRAM (Bát Nhã Ba La Mật Đa Giải Thoát Chú)

न ङ्ग ण

TADYATHĀ (Liên nói chú là) :

ग न ग न प रं ग न प रं सं ग न व (अ णु ण

GATE (vượt qua) GATE (vượt qua) PĀRAGATE (vượt qua bờ bên kia) PĀRASA, MGATE (vượt qua bờ bên kia hoàn toàn) BODHI (Tuệ giác, Trí giác) SVĀHĀ (Thành tựu tốt lành)

22/02/2012

BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Viết dịch: HUYỀN THANH

Khi Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát thực hành và xem xét kỹ về hạnh Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm sâu. Ngài soi thấy Tự Tính của nhóm năm Uẩn đều trống rỗng.

Ngài bảo ông Xá Lợi Tử rằng: “Hình chất là trống rỗng, Tính trống rỗng cũng là hình chất. Hình chất chẳng khác với Tính trống rỗng, Tính trống rỗng chẳng khác với hình chất. Chính hình chất là Tính trống rỗng, chính Tính trống rỗng là hình chất. Bốn Uẩn: Cảm giác, tri giác, hoạt động tâm ý, nhận thức cũng đều như vậy.

Này Xá Lợi Tử! Tính trống rỗng của tất cả Pháp vốn không có tướng, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng cấu nhiễm chẳng lia cấu nhiễm, chẳng giảm bớt chẳng tăng thêm.

Chính vì thế cho nên trong Tính trống rỗng ấy không có hình chất, không có cảm giác, không có tri giác, không có hoạt động tâm ý, không có nhận thức. Không có: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Không có: hình sắc, âm thanh, mùi ngửi, vị nếm, Pháp cảnh. Không có Giới của mắt cho đến không có Giới nhận biết của ý. Không có vô minh cũng không có chàm dứt vô minh, cho đến không có già chết cũng không có chàm dứt già chết. Không có: khổ não, nguyên nhân kết tạo khổ não, trạng thái xóa bỏ khổ não, đường lối thoát khỏi khổ não. Không có Trí, không có đắc, không có chứng.

Như vậy! Nhờ không có sở đắc mà các vị Bồ Tát y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa nên không có tâm chướng ngại. Do không có tâm chướng ngại nên không có sợ hãi, xa lìa mọi sự điên đảo, cuối cùng đạt được Niết Bàn.

Hết thầy chư Phật ba đời đều y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa mà chứng được Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác.

Vì thế nên biết Bát Nhã Ba La Mật Đa là lời chú nguyện to lớn, là lời chú nguyện rất sáng tỏ, là lời chú nguyện vô thượng, là lời chú nguyện không có gì sánh bằng hay chận đứng tất cả khổ não và đây là sự chân thật không giả dối. Cho nên nói **BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA GIẢI THOÁT CHÚ**.

Liên nói Chú là:

GA TÊ, GA TÊ, PA RA GA TÊ, PA RA XĂM GA TÊ, BỒ ĐI, XỜ-VA HA

22/02/2012

Tát bà ha (𑖀𑖄𑖆 – SVĀHĀ) là Đem lại sự an lành phước tuệ cho tất cả chúng sinh

Như vậy toàn bộ câu chú nguyện GATE GATE PĀRAGATE PĀRASAMGATE BODHI SVĀHĀ có thể diễn dịch là:

“Vượt qua Kiến Hoặc, vượt qua Tư Hoặc, dứt trừ Lậu Hoặc, dứt trừ Vô Minh Hoặc, chúng đấng Phật Trí, đem lại sự an lành cho tất cả chúng sinh”

20/07/1985



KỆ HỒI HƯỚNG

Nguyện đem Công Đức này
Tiêu trừ nghiệp xưa nay
Tăng trưởng các Phước Tuệ
Viên thành căn Thắng Thiện
Bao nhiêu kiếp đao binh
Cùng với nạn đói khát
Đều diệt sạch không còn
Nhân danh tập lễ tán
Tất cả giúp thành người
Người xoay chuyển lưu thông
Quyến thuộc nay an lạc
Tiên vong được siêu thăng
Mưa gió thường thuận hòa
Nhân dân đều Khang Ninh
Pháp Giới các hàm thức
Đồng chứng đạo vô thượng .

MỤC LỤC

1_ Lăng Nghiêm Đại Bi Thập Chú.....	Tr.01
2_ Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Chú (Bản Phổ Thông).....	Tr.03
3_ Phục hồi Phạn Văn Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Chú (Lược Bản).....	Tr.21
4_ Đại Bi Thần Chú.....	Tr.50
5_ Như Ý Bảo Luân Vương Thần Chú.....	Tr.64
6_ Tiêu Tai Cát Tường Thần Chú.....	Tr.71
7_ Công Đức Bảo Sơn Thần Chú.....	Tr.75
8_ Phật Mẫu Chuẩn Đề Thần Chú.....	Tr.77
9_ Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Đà La Ni.....	Tr.79
10_ Dược Sư Quán Đỉnh Chân Ngôn.....	Tr.83
11_ Quán Âm Linh Cảm Chân Ngôn.....	Tr.88
12_ Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn.....	Tr.90
13_ Vãng Sinh Tịnh Độ Thần Chú.....	Tr.92
14_ Thiện Nữ Thiên Chú.....	Tr.95
16_ Bát Nhã Tâm Kinh.....	Tr.99
17_ Kệ Hồi Hương.....	Tr.109
18_ Mục lục.....	Tr.110

韋陀天將



二十四诸天之韦陀天将
Skanda, the Temple Guardian